

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỶ

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302018927 cấp lần đầu ngày 11/04/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 10/08/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ~~191~~/GCN – UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ~~04~~ tháng ~~11~~ năm 2022)

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP
TẠI CÁC ĐỊA ĐIỂM SAU TỪ NGÀY/...../2022**

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỶ

Địa chỉ: Khu B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP. HCM

Điện thoại: (028) 3790 7565 Fax: (028) 3790 7566

Website: www.thekey.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, 21 Cát Linh, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: + 84 24 7304 5688 Fax: 84 24 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Ông Đặng Triệu Hòa

Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Điện thoại: (028) 3790 7565

Fax: (028) 3790 7566

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỸ

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302018927 cấp lần đầu ngày 11/04/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 10/08/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 13.637.058 cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán: 136.370.580.000 đồng (theo mệnh giá)



TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

**1. ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH:
CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 2 Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 3824 5252

Fax: (028) 3824 5250

Website: www.ey.com

**2. ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÌNH HÌNH
SỬ DỤNG VỐN:**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Địa chỉ: 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 35.472.972

Fax: (84-28) 35.472.970

Website: <https://www.a-c.com.vn/>



TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, 21 Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3726 2601

Fax: +84 24 3726 2601

Website: <https://mbs.com.vn/>



MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	9
1. Tổ chức phát hành	9
2. Tổ chức tư vấn.....	9
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	10
1. Rủi ro về kinh tế	10
1.1. Tăng trưởng kinh tế trước và trong thời kỳ đại dịch Covid-19.....	10
1.2. Tình hình lạm phát.....	14
1.3. Lãi suất	16
1.4. Rủi ro về tỷ giá.....	17
2. Rủi ro về luật pháp.....	18
3. Rủi ro đặc thù	19
3.1. Rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào.....	19
3.2. Rủi ro tỷ giá.....	19
3.3. Rủi ro vận hành	19
3.4. Rủi ro môi trường.....	19
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	20
5. Rủi ro pha loãng	20
5.1. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS).....	20
5.2. Rủi ro pha loãng thị giá cổ phiếu.....	21
6. Rủi ro quản trị công ty	21
7. Rủi ro khác.....	22
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	23
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	24
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành	24
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành	24
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....	28
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	28
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	34
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	34
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác... ..	37
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	37
8.1. Cổ phiếu phổ thông	37
8.2. Cổ phiếu ưu đãi.....	37

8.2. Các loại chứng khoán khác.....	37
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	37
10. Hoạt động kinh doanh.....	38
10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh.....	38
10.1.1. Tổng quan về đặc điểm, tính thời vụ của ngành, sản phẩm, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.....	38
10.1.2. Quy trình sản xuất.....	40
10.1.3. Chuỗi giá trị cung ứng.....	41
10.1.4. Địa bàn kinh doanh.....	41
10.1.5. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận, sản lượng tiêu thụ theo sản phẩm.....	42
10.2. Tài sản.....	43
10.2.1. Danh sách Tài sản cố định của Công ty.....	43
10.2.2. Danh sách đất đai, nhà xưởng.....	43
10.2.2. Một số tài sản lớn của Công ty.....	44
10.3. Doanh thu và lợi nhuận theo thị trường hoạt động.....	44
10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính.....	45
10.5. Các hợp đồng lớn.....	48
10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn.....	50
10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành.....	51
10.8. Hoạt động Marketing.....	55
10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế.....	56
10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển.....	56
10.11. Chiến lược kinh doanh.....	57
10.11.1. Chiến lược phát triển trung dài hạn.....	57
10.11.2. Chiến lược trong ngắn hạn.....	57
10.11.3. Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến.....	58
10.12. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan.....	59
11. Chính sách đối với người lao động.....	59
11.1. Số lượng và cơ cấu người lao động.....	59
11.2. Chính sách dành cho người lao động.....	59
12. Chính sách cổ tức.....	66
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	66
13.1. Báo cáo tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán gần nhất.....	66
13.2. Thay đổi trong việc sử dụng vốn thực tế có sự điều chỉnh so với phương án ban đầu.....	67
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	67

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	68
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.	68
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ..	69
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	69
1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	69
1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành	70
2. Tình hình tài chính	71
2.1. Các chỉ tiêu cơ bản	71
2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh.....	71
2.1.2 Trích khấu hao tài sản cố định.....	73
2.1.3 Mức lương bình quân	73
2.1.4. Tình hình công nợ.....	74
2.1.5. Tình hình thanh toán các khoản nợ:	76
2.1.6. Các khoản phải nộp theo luật định	76
2.1.7. Tổng dư nợ vay.....	77
2.1.8. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất.....	78
2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	78
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành	80
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	81
5. Ý kiến của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	83
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG	83
1. Thông tin về cổ đông sáng lập	83
2. Thông tin về cổ đông lớn	83
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng	87
3.1. Hội đồng quản trị.....	87
3.2. Ban Tổng Giám đốc.....	97
3.3. Ban kiểm soát	99
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	103
1. Loại cổ phiếu.....	103
2. Mệnh giá cổ phiếu.....	103
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán.....	103

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá.....	103
5. Giá chào bán dự kiến	103
6. Phương pháp tính giá.....	103
7. Phương thức phân phối.....	105
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	106
9. Lịch trình mua hoặc được tự do chuyển nhượng.....	106
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu	107
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	107
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	107
13. Hủy bỏ đợt chào bán.....	107
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	108
15. Các loại thuế có liên quan.....	108
16. Thông tin về các cam kết.....	109
17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt.....	109
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	109
1. Mục đích chào bán.....	109
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	109
1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.....	109
2. Thông tin về Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX và phương án góp vốn vào Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX	110
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	115
1. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán.....	115
2. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán.....	115
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	116
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC hoặc GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH hoặc KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN	117
XIII. PHỤ LỤC	118

(Phần còn lại của trang này là có ý để trống)

DANH MỤC HÌNH ẢNH

HÌNH 1: TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2010 - 2020	11
HÌNH 2: TỐC ĐỘ TĂNG GDP 9 THÁNG SO VỚI CÙNG KỲ CÁC NĂM 2017 -2021	12
HÌNH 3: TỐC ĐỘ TĂNG GIẢM GDP CÁC QUÝ NĂM 2021 (%)	13
HÌNH 4: TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM CPI CỦA THÁNG 9, QUÝ 3 VÀ 9 THÁNG NĂM 2021 (%).....	15
HÌNH 5: TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM CPI CỦA THÁNG 12, QUÝ IV VÀ BÌNH QUÂN CÁC NĂM GIAI ĐOẠN 2017-2021 (%).....	15
HÌNH 6: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY	28
HÌNH 7: CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY	29
HÌNH 8: QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ QU A CÁC NĂM (ĐƠN VỊ: TỶ ĐỒNG)	37
HÌNH 9: QUY TRÌNH SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY	40
HÌNH 10: CHUỖI GIÁ TRỊ CUNG ỨNG CỦA SẢN PHẨM SỢI	41
HÌNH 11: CÁC THỊ TRƯỜNG CHÍNH CỦA CÔNG TY	42
HÌNH 12: NHỮNG THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG NĂM 2020 VÀ 2021	60
HÌNH 13: THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI STK (TRIỆU ĐỒNG/NGƯỜI/THÁNG)	62
HÌNH 14: CHÍNH SÁCH CỔ TỨC CỦA CÔNG TY TỪ NĂM 2008 – NĂM 2020	66
HÌNH 15: TỶ TRỌNG NỢ VAY TRÊN TỔNG NGUỒN VỐN TỪ 2016-2021, ĐƠN VỊ: TỶ ĐỒNG	77
HÌNH 16: CƠ CẤU DOANH THU THUẬN DỰ KIẾN NĂM 2022 THEO LOẠI TIỀN TỆ VÀ THEO SẢN PHẨM.....	82

DANH MỤC BẢNG BIỂU

BẢNG 1: QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN CỦA CÔNG TY.....	34
BẢNG 2: CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THẺ KỸ TẠI NGÀY 25/04/2022	37
BẢNG 3: DOANH THU, LỢI NHUẬN, SẢN LƯỢNG, TIÊU THỤ CÁC ĐỒNG SẢN PHẨM CHÍNH CỦA CÔNG TY	42
BẢNG 4: TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CỦA CÔNG TY TÍNH ĐẾN 31/03/2022.....	43
BẢNG 5: DANH SÁCH ĐẤT ĐAI, NHÀ XƯỞNG CỦA CÔNG TY TÍNH ĐẾN 31/03/2022.....	43
BẢNG 6: DANH SÁCH MỘT SỐ TÀI SẢN LỚN CỦA CÔNG TY TÍNH ĐẾN 31/03/2022	44
BẢNG 7: DOANH THU CỦA CÔNG TY THEO THỊ TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG.....	44
BẢNG 8: LỢI NHUẬN CỦA CÔNG TY THEO THỊ TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG	45
BẢNG 9: MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY	45
BẢNG 10: SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ CỦA CÔNG TY TỪ NĂM 2019 ĐẾN NĂM 2021 VÀ QUÝ 1 NĂM 2022	46
BẢNG 11: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH CỦA CÔNG TY	47
BẢNG 12: CÁC HỢP ĐỒNG LỚN CỦA CÔNG TY ĐƯỢC KÍ KẾT TRONG NĂM 2020.....	48
BẢNG 13: CÁC HỢP ĐỒNG LỚN CỦA CÔNG TY ĐƯỢC KÍ KẾT TRONG NĂM 2021.....	49
BẢNG 14: CÁC KHÁCH HÀNG VÀ NHÀ CUNG CẤP LỚN CỦA CÔNG TY NĂM 2020 (ƯỚC TÍNH TRÊN TỔNG GIÁ TRỊ BÁN HÀNG VÀ MUA HÀNG NĂM 2020)	50

BẢNG 15: CÁC KHÁCH HÀNG VÀ NHÀ CUNG CẤP LỚN CỦA CÔNG TY NĂM 2021 (ƯỚC TÍNH TRÊN TỔNG GIÁ TRỊ BÁN HÀNG VÀ MUA HÀNG NĂM 2021)	51
BẢNG 16: SỐ LƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA STK BÌNH QUÂN NĂM 2020 VÀ 2021	59
BẢNG 17: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH CÔNG TY HỢP NHẤT	69
BẢNG 19: VỐN ĐIỀU LỆ.....	71
BẢNG 20: NGUỒN VỐN KINH DOANH CỦA CÔNG TY HỢP NHẤT	71
BẢNG 21: NGUỒN VỐN KINH DOANH CỦA CÔNG TY MẸ.....	71
BẢNG 22: TÌNH HÌNH VỐN CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY HỢP NHẤT	72
BẢNG 23: TÌNH HÌNH VỐN CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY MẸ.....	72
BẢNG 24: CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA CÔNG TY HỢP NHẤT	74
BẢNG 25: CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA CÔNG TY MẸ.....	74
BẢNG 26: CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA CÔNG TY HỢP NHẤT	75
BẢNG 27: CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA CÔNG TY MẸ.....	75
BẢNG 28: TÌNH HÌNH CÁC KHOẢN PHẢI NỘP THEO LUẬT ĐỊNH CỦA CÔNG TY HỢP NHẤT	76
BẢNG 29: TÌNH HÌNH CÁC KHOẢN PHẢI NỘP THEO LUẬT ĐỊNH CỦA CÔNG TY MẸ	77
BẢNG 30: TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP QUỸ CỦA CÔNG TY.....	77
BẢNG 31: TỔNG DƯ NỢ VAY TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT.....	78
BẢNG 32: CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY GIAI ĐOẠN NĂM 2019, 2020, 2021 VÀ QUÝ 1/2022	78
BẢNG 33: KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022.....	82

(Phần còn lại của trang này là cố ý để trống)

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ

Bà **Đặng Mỹ Linh** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông **Đặng Triệu Hòa** Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ông **Phan Như Bích** Chức vụ: Giám đốc Tài chính (kiêm Kế toán trưởng)

Ông **Nguyễn Tự Lực** Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Ông **Lê Thành Nam** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 22/2022/MBS-UQ ngày 01 tháng 06 năm 2022 của Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Chứng khoán MB cho ông Lê Thành Nam.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán MB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 07/2021/MBS/IBHCM1-HĐTV ngày 31 tháng 05 năm 2021 với Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ cung cấp.

(Phần còn lại của trang này là cố ý để trống)

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Tăng trưởng kinh tế trước và trong thời kỳ đại dịch Covid-19

Nền kinh tế toàn cầu trong những năm gần đây đã đánh dấu những bước tăng trưởng vượt bậc. Việt Nam được hưởng lợi từ những tác động tích cực từ sự tăng trưởng chung của nền kinh tế toàn cầu. Những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiềm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định .v.v. đã giúp tình hình kinh tế vĩ mô những năm qua có bước chuyển mình mạnh mẽ. Những thay đổi mang tính đột phá về thể chế kinh tế giai đoạn 2016 - 2019, dù mới chỉ là bước đầu, đã có tác động tích cực đến môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Sợi Thép Kỳ nói riêng.

Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng Tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Việt Nam đã có nhiều khả quan với mức tăng trưởng lần lượt là 6,68% trong năm 2015; 6,1% trong năm 2016 và 6,81% trong năm 2017. GDP năm 2018 tăng 7,08% so với năm 2017, cao nhất trong vòng 10 năm qua. Năm 2019, GDP đạt 7,02%, vượt mục tiêu Chính phủ đề ra là 6,78% và cũng là năm thứ hai liên tiếp GDP tăng trưởng trên 7%. Quốc hội đã quyết nghị mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2020 là mức 6,8%.

Năm 2020, dịch Covid-19 đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến kinh tế toàn cầu nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Tình hình xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam sang một số thị trường chính như Trung Quốc và các nước trong Liên minh Châu Âu (EU) bị sụt giảm. Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm 2020 của Việt Nam tăng 2,91% và là một trong những nước có mức tăng trưởng cao nhất thế giới trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, phản ánh được tính đúng đắn trong điều hành của Chính phủ và sự nỗ lực của người dân, doanh nghiệp trong thực hiện mục tiêu vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế xã hội. Theo Báo cáo hàng năm về 193 nền kinh tế năm 2020 của Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh tại Anh (CEBR), dự báo kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng trung bình 7% trong giai đoạn 2021-2025 và sẽ vươn lên vị trí thứ 19 thế giới vào năm 2035.

(Phần còn lại của trang này là cố ý để trống)

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020



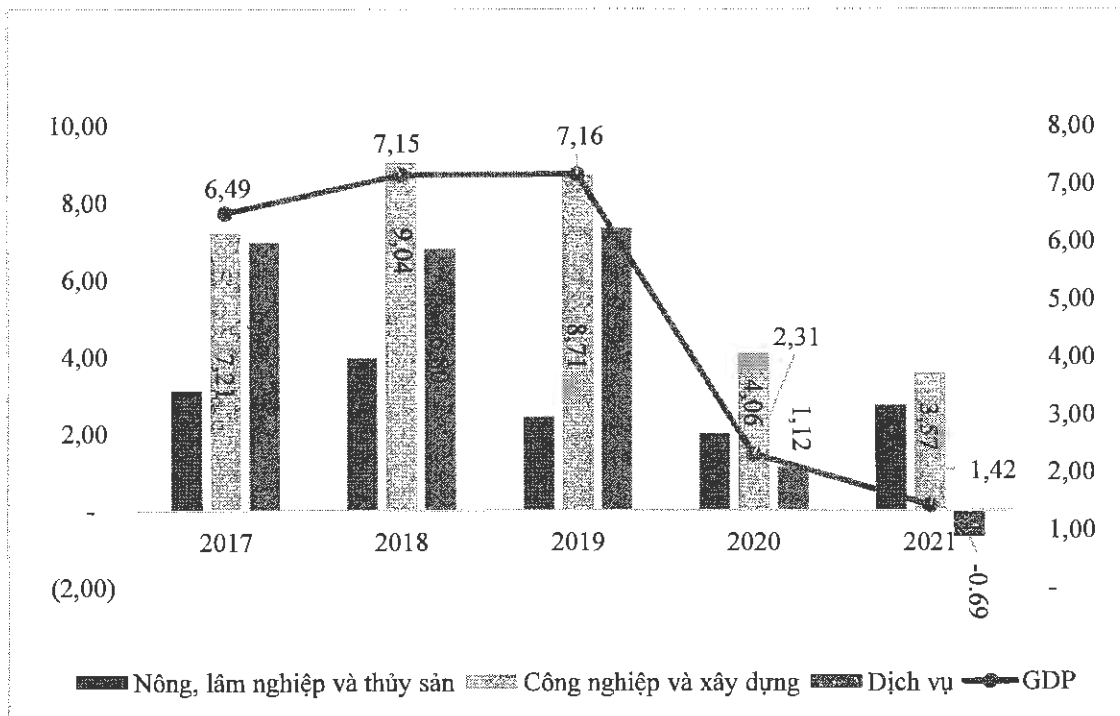
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Sang năm 2021, sự quay lại của đợt dịch Covid-19 lần thứ 4 tại Việt Nam, khiến cho toàn bộ vùng kinh tế Nam Bộ phải đóng cửa trong gần như suốt Quý 3 đã gây ra ảnh hưởng vô cùng lớn tác động xấu lên nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp sản xuất nói riêng. Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý 3 và 9 tháng năm 2021 của Tổng cục Thống kê, GDP Quý 3/2021 ước tính giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam tính và công bố GDP quý đến nay. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,04%; khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 5,02%; khu vực dịch vụ giảm 9,28%; tiêu dùng cuối cùng giảm 2,83% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 1,61%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 2,51%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 10,75%.

Cũng theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý 3 và 9 tháng năm 2021 của Tổng cục Thống kê, GDP 9 tháng đầu năm 2021 chỉ tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,74%, đóng góp 23,52%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,57%, đóng góp 98,53%; khu vực dịch vụ giảm 0,69%, làm giảm 22,05%.

(Phần còn lại của trang này là cố ý để trống)

Hình 2: Tốc độ tăng GDP 9 tháng so với cùng kỳ các năm 2017 -2021

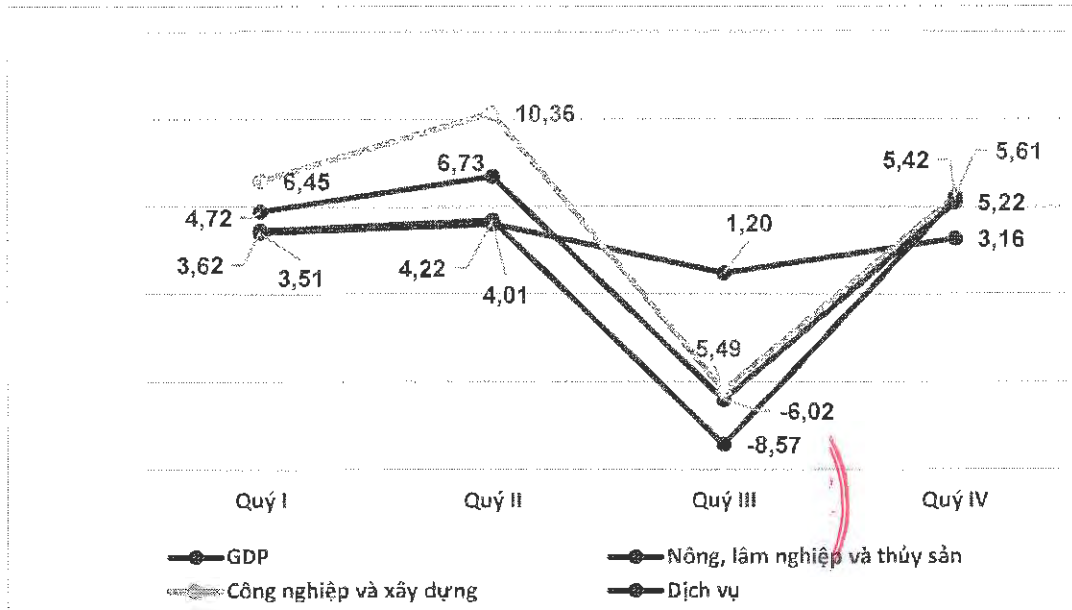


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Dưới sự lãnh đạo thống nhất của cả hệ thống chính trị và sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành những quyết sách kịp thời để phòng, chống dịch và phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 ban hành quy định tạm thời “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”, cùng với các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, sự đồng lòng, nhất trí của các cấp, các ngành, các địa phương, sự đồng tình, ủng hộ, chia sẻ và tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, các hoạt động kinh tế - xã hội Quý 4 và năm 2021 của Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ.

Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý 4 và năm 2021 của Tổng cục Thống kê, GDP Quý 4/2021 ước tính tăng 5,22% so với cùng kỳ năm trước, tuy cao hơn tốc độ tăng 4,61% của năm 2020 nhưng thấp hơn tốc độ tăng của Quý 4 các năm 2011-2019. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,16%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,61%; khu vực dịch vụ tăng 5,42%. Về sử dụng GDP Quý 4/2021, tiêu dùng cuối cùng tăng 3,86% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 3,37%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,28%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 11,36%. Ước tính GDP năm 2021 tăng 2,58% (Quý 1 tăng 4,72%; Quý 2 tăng 6,73%; Quý 3 giảm 6,02%; Quý 4 tăng 5,22%) so với năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong Quý 3/2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế năm 2021, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, đóng góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, đóng góp 63,80%; khu vực dịch vụ tăng 1,22%, đóng góp 22,23%.

Hình 3: Tốc độ tăng giảm GDP các quý năm 2021 (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Sang đến 2022, khi Việt Nam thực hiện mở cửa lại hoàn toàn nền kinh tế, Chính phủ đã thực hiện triển khai chương trình phục hồi kinh tế xã hội theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội, và bước đầu đã cho thấy các kết quả khả quan. Theo Báo cáo tình hình kinh tế xã hội Quý I năm 2022 của Tổng cục thống kê, trong Quý 1/2022 các hoạt động sản xuất được đẩy mạnh, chuỗi cung ứng toàn cầu dần được khơi thông. Tuy nhiên, chiến tranh giữa Nga và U-crai-na đã tạo ra một cuộc khủng hoảng lớn ảnh hưởng đến các nền kinh tế lớn trên thế giới và là một cú sốc ảnh hưởng nặng nề đến tăng trưởng toàn cầu. Việc Trung Quốc quyết tâm thực hiện chiến dịch đóng cửa hoàn toàn nền kinh tế để phòng chống dịch Covid 19 cũng làm tắc nghẽn nguồn cung hàng hóa, dẫn đến giá các loại hàng hóa trên thị trường thế giới tăng cao. Giá dầu thô, khí đốt tự nhiên và khí tự nhiên hóa lỏng tăng mạnh nhất kể từ năm 2011, tạo áp lực lớn đến lạm phát toàn cầu. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) nhận định tăng trưởng toàn cầu có thể giảm hơn 1 điểm phần trăm trong năm 2022, so với mức dự báo 4,5% đưa ra vào tháng 12/2021. Tổ chức Fitch Rating điều chỉnh giảm 0,7 điểm phần trăm, dự báo tăng trưởng GDP thế giới năm 2022 xuống còn 3,5%. Ngân hàng Thế giới dự báo mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ đạt 4,1% năm 2022 trong khi con số này của Quỹ Tiền tệ Quốc tế là 4,4%

Các rủi ro kinh tế và chính sách chắc chắn có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Sợi Thép Kỹ (STK) trên nhiều khía cạnh, cả về chiều sâu lẫn chiều rộng. Đối mặt với đại dịch Covid-19 hoành hành trên toàn thế giới trong năm 2020 và 2021, đặc biệt đại dịch bùng phát lần thứ 4 tại Việt Nam trong Quý 3/2021 đã kéo theo những hệ lụy về việc đình trệ trong sản xuất kinh doanh, cả ở khía cạnh cung và cầu. Chuỗi cung ứng bị đình trệ do các quốc gia trên thế giới thực hiện giãn cách, đóng cửa biên giới hay áp dụng các biện pháp kiểm soát hàng hóa và thông quan nghiêm ngặt dẫn đến việc chậm trễ trong việc vận chuyển nguyên liệu đầu vào cũng như xuất khẩu đầu ra, làm tăng chi phí vận hành của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc thực hiện giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến nội tại của các doanh nghiệp nói chung và STK nói riêng bị suy giảm khi lực lượng công nhân là lực lượng bị ảnh hưởng trực tiếp, dẫn đến

sức sản xuất giảm. Ngoài ra, để thực hiện theo các quy định về phòng chống dịch của Chính phủ, doanh nghiệp bắt buộc phải tăng thêm chi phí cho việc quản lý phòng chống dịch Covid-19 trong phạm vi sản xuất của mình. Ở khía cạnh nguồn cầu trên thị trường, các thị trường chủ đạo cũng là các quốc gia bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nên lượng cầu có phần suy giảm so với các năm trước. Với lực cầu ở trong nước, cũng là tình trạng tương tự khi GDP Quý 3 năm 2021 giảm mạnh và chứng kiến mức giảm sâu nhất trong nhiều năm trở lại đây. Đối với các diễn biến mới trên thế giới vào đầu năm 2022, các nền kinh tế lại phải đối mặt với các rủi ro khác đến từ việc tác nghẽn chuỗi cung ứng và sự mất ổn định về kinh tế, chính trị trên toàn cầu. Các diễn biến này hoàn toàn mang tính bất ngờ và đòi hỏi các doanh nghiệp cũng như các Chính phủ phải có sự thích ứng nhanh và đúng đắn với tình hình chung.

1.2. Tình hình lạm phát

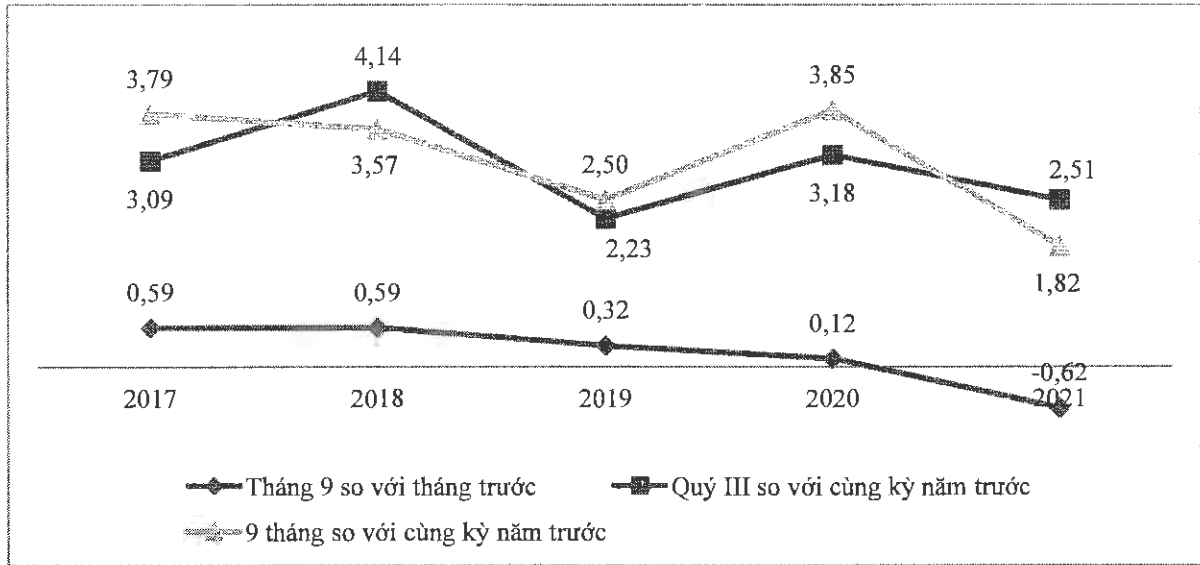
Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng sẽ dẫn đến tăng chi phí sản xuất kinh doanh trong khi giá hàng hoá lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

Giai đoạn 2016-2020, lạm phát bình quân của Việt Nam ở mức thấp kỷ lục trong nhiều năm qua, một phần là do ảnh hưởng của sự lao dốc của giá dầu thô và tác động từ các chính sách chỉ đạo, điều hành của Chính phủ. Giai đoạn 2020 cho tới nay khi dịch Covid-19 bắt đầu hoành hành trên diện rộng, các Chính phủ và các Ngân hàng trung ương trên thế giới đều phải mở các gói cứu trợ qua chính sách tiền tệ, chính sách tài khoá, điều này gián tiếp làm lượng tiền lưu thông nhiều hơn và gây ra nguy cơ lạm phát. Thêm vào đó, dịch bệnh cũng làm gián đoạn chuỗi cung ứng trên toàn thế giới, dẫn đến sự tăng giá hàng hóa ở nhiều mặt hàng. Trong năm 2021 được chia thành 2 giai đoạn khá rõ nét là trước và sau khi Chính phủ có những điều hành rất quyết liệt để phòng, chống dịch và phát triển kinh tế - xã hội, đưa toàn bộ nền kinh tế “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”.

Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý 3 năm 2021 của Tổng cục Thống kê, 9 tháng đầu năm 2021 Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng so với cùng kỳ năm trước do giá xăng dầu, giá dịch vụ giáo dục, giá gạo, vật liệu bảo dưỡng nhà ở. Lạm phát cơ bản tháng 9/2021 giảm 0,26% so với tháng trước, tăng 0,74% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 9 tháng năm 2021 tăng 0,88% so với bình quân cùng kỳ năm 2020.

(Phần còn lại của trang này là cố ý để trống)

Hình 4: Tốc độ tăng/giảm CPI của tháng 9, Quý 3 và 9 tháng năm 2021 (%)

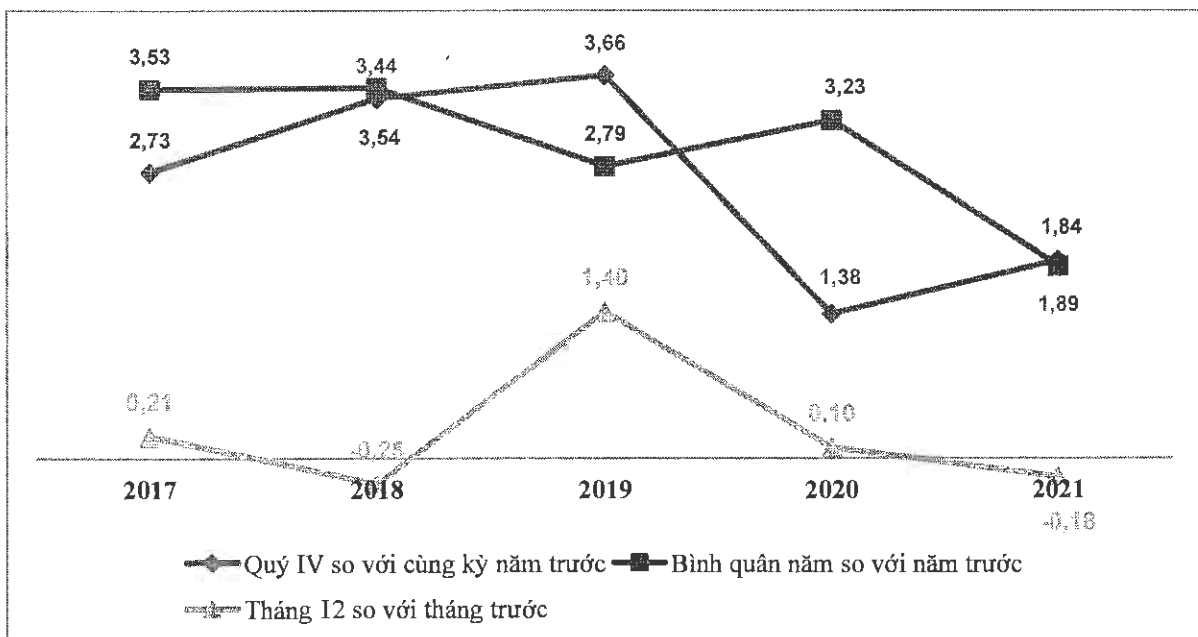


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Quý 4/2021, CPI giảm 0,38% so với quý trước và tăng 1,89% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó: Giao thông tăng 17,66% so với cùng kỳ năm trước; đồ uống và thuốc lá tăng 2,36%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 1,19%; may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,98%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,95%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,22%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,19%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,36%. Có 3 nhóm có chỉ số giá giảm so với cùng kỳ năm trước là giáo dục giảm 2,91%; bưu chính viễn thông giảm 0,78%; văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,35%.

(Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý 4 và năm 2021 – Tổng cục Thống kê)

Hình 5: Tốc độ tăng/giảm CPI của tháng 12, Quý IV và bình quân các năm giai đoạn 2017-2021 (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Bình quân năm 2021 CPI tăng 1,84% so với bình quân năm 2020, mức tăng bình quân năm thấp nhất kể từ năm 2016. CPI bình quân năm 2021 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

(i) Giá xăng dầu trong nước tăng 31,74% so với năm trước (làm CPI chung tăng 1,14 điểm phần trăm), giá gas tăng 25,89% (làm CPI chung tăng 0,38 điểm phần trăm);

(ii) Giá gạo tăng 5,79% so với năm trước (làm CPI chung tăng 0,15 điểm phần trăm) do giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu, nhu cầu tiêu dùng gạo nếp và gạo tẻ ngon tăng trong dịp Lễ, Tết và nhu cầu tích lũy của người dân trong thời gian giãn cách xã hội;

(iii) Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 7,03% so với năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào (làm CPI chung tăng 0,14 điểm phần trăm);

(iv) Giá dịch vụ giáo dục tăng 1,87% so với năm trước (làm CPI chung tăng 0,1 điểm phần trăm) do ảnh hưởng từ đợt tăng học phí năm học mới 2020-2021 theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

(Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý 4 và năm 2021 của Tổng cục Thống kê)

Đứng trước làn sóng mới khi các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ của Chính phủ được đưa vào thực thi, điều mà sẽ có khả năng gây nên lạm phát và các biến động về tỷ giá trong các năm tới, STK sẽ là đối tượng được hưởng lợi nhưng cũng sẽ là đối tượng bị ảnh hưởng, tùy theo diễn biến chung của tình hình vĩ mô. Việc kích thích kinh tế của Chính phủ chắc chắn sẽ tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất, đặc biệt là các chính sách ưu đãi về thuế, lãi suất vay, các loại chi phí định kỳ nộp cho ngân sách, các ưu đãi khác. Tuy nhiên, những doanh nghiệp sản xuất như STK cũng sẽ phải đối mặt với rủi ro lạm phát khi thực hiện kích thích kinh tế khi giá cả của các yếu tố đầu vào có chiều hướng tăng lên. Việc các chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng do lạm phát cũng phát sinh những khó khăn cho STK, điển hình là việc tăng giá vốn và các chi phí vận hành nhà máy.

Lạm phát ở thời điểm cuối 2021 và đầu 2022 một phần cũng bắt nguồn từ việc đình đốn các chuỗi cung ứng trên thế giới, do các lý do địa chính trị (như chiến tranh Nga – Ukraina). Trong quý I/2022, lạm phát cơ bản bình quân tăng 0,81% so với bình quân cùng kỳ năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 1,92%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, xăng, dầu và gas tăng. (Theo Báo cáo tình hình Kinh tế Xã hội Quý 1 năm 2022 của Tổng cục Thống kê). Đến hết Quý I/2022, lạm phát diễn ra trên toàn cầu đến một phần từ các chi phí duy trì chuỗi cung ứng (logistic, nhân công..), do tác động của biến động chính trị thế giới nên bị đẩy lên cao, vì vậy tổng quan là giá cả các mặt hàng đều tăng, vậy nên ở phía đầu ra thì STK cũng có thể sẽ được hưởng lợi khi các mặt hàng về xơ sợi, dệt tăng giá do các yếu tố trên.

1.3. Lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sử dụng nguồn vay lớn từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp.

Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp của năm 2021, tổng phương tiện thanh toán tăng 8,93% so với cuối năm 2020; huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 8,44%; tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 12,97% *(Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý 4 và năm 2021 của*

Tổng cục Thống kê).

Năm 2021, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều hành ổn định các mức lãi suất để phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát và thị trường tiền tệ. Hiện lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam bình quân của ngân hàng thương mại trong nước ở mức 0,1%-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,3%-3,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,2%-5,7%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng; 5,5%-6,6%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 24 tháng và 6,1%-6,8% đối với kỳ hạn trên 24 tháng. Các tổ chức tín dụng tiếp tục cắt giảm chi phí hoạt động, giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ nền kinh tế tăng trưởng. Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng có tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh thuộc lĩnh vực ưu tiên là 4,5%/năm. Chất lượng tín dụng được nâng cao, góp phần kiểm soát lạm phát, đẩy lùi tín dụng đen; tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, tín dụng cho tiêu dùng và cho vay bằng ngoại tệ (Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý 4 và năm 2021 của Tổng cục Thống kê).

Quý I năm 2022, trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục giữ nguyên mức lãi suất điều hành, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng tiếp tục giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ nền kinh tế phục hồi. Tính đến thời điểm 21/3/2022, tổng phương tiện thanh toán tăng 2,49% so với cuối năm 2021 (cùng thời điểm năm 2021 tăng 1,49%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 2,15% (cùng thời điểm năm 2021 tăng 0,54%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 4,03% (cùng thời điểm năm 2021 tăng 1,47%). Trong quý I/2022, lãi suất được điều hành phù hợp với cân đối vĩ mô, lạm phát và mục tiêu của chính sách tiền tệ. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục giữ nguyên mức lãi suất điều hành, duy trì nguồn vốn chi phí thấp để các tổ chức tín dụng có điều kiện giảm lãi suất cho vay; giảm chi phí hoạt động, tập trung mọi nguồn lực để hỗ trợ và đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh (Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý I năm 2022 của Tổng cục Thống kê).

Bên cạnh những rủi ro có phải gặp phải trong giai đoạn phục hồi kinh tế sau Covid-19, thì STK lại có thể tiếp cận với những cơ hội mới. Việc giảm bề mặt lãi suất cho vay là tác nhân quan trọng giúp STK có thể tiếp cận được nguồn vốn rẻ cả trên thị trường tiền tệ lẫn thị trường vốn để có thể mở rộng năng lực sản xuất của mình. Điều này tùy thuộc vào nội tại của Công ty trước khi xảy ra dịch Covid-19, để có thể thích ứng nhanh với thời kỳ lãi suất thấp và đứng trước các cơ hội để thu tóm thêm thị trường và thị phần. Đối với STK, đây là cơ hội vì trong thời điểm này là thời cơ để có thể thực hiện các dự án mở rộng để tăng năng lực sản xuất trong khi vẫn giữ nguyên được nội tại trước đây. Việc giữ ổn định các mức lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam sẽ giúp cho STK có cơ hội tiếp cận và duy trì các nguồn vốn tiếp sức cho quá trình hồi phục sau đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, STK cũng cần có các kế hoạch kinh doanh cụ thể, đi kèm với chiến lược về cơ cấu vốn để tận dụng tốt được giai đoạn ổn định của lãi suất.

1.4. Rủi ro về tỷ giá

Công tác điều hành tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) trong năm 2021 có rất nhiều yếu tố thuận chiều dù bối cảnh dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp.

Thứ nhất, Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã tuyên bố bắt đầu cắt giảm quy mô chương trình mua tài sản từ đầu tháng 11. Đây là động thái đầu tiên của FED trong việc “hãm dòng chảy” sự hỗ trợ khổng lồ mà cơ quan này đã dành cho thị trường và nền kinh tế trong đại dịch Covid-19. Theo đó, FED sẽ giảm mỗi tháng 15 tỷ USD trong quy mô của chương trình. Trước khi cắt giảm, chương trình có quy mô 120 tỷ USD mỗi tháng. Nhiều ngân hàng trung ương khác tại Liên minh Châu Âu hay Vương quốc Anh cũng khẳng định chưa vội tăng các mức lãi suất điều hành.

Thứ hai, cán cân thương mại hàng hóa Việt Nam xuất siêu trở lại trong tháng 9/2021 với giá trị 360 triệu USD và tiếp tục đạt 1,1 tỷ USD trong tháng 10/2021, đã kéo mức nhập siêu 10 tháng đầu năm 2021 xuống còn 1,45 tỷ USD (Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý 3 năm 2021 của Tổng cục Thống kê).

Thứ ba, trong tuần đầu tháng 11/2021, NHNN đã mua vào khoảng gần 1,3 tỷ USD tăng cường dự trữ ngoại hối ở mức giá 22.750 VND/USD trước khi giảm giá mua vào xuống 22.650 VND/USD. Điều này cũng cho thấy nguồn cung USD trên thị trường Việt Nam hiện khá dồi dào (Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý 4 và năm 2021 của Tổng cục Thống kê).

Sang đến hết Quý 1 năm 2022, tỷ giá trung tâm tiếp tục được điều hành linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường và mục tiêu của chính sách tiền tệ. Nhờ đó, tỷ giá và thị trường ngoại tệ nhìn chung ổn định, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chủ động trong xây dựng và triển khai sản xuất kinh doanh, phòng ngừa rủi ro tỷ giá. Hoạt động thanh toán trong nền kinh tế diễn ra an toàn, hiệu quả, thông suốt; khuôn khổ pháp lý cho hoạt động thanh toán tiếp tục được hoàn thiện, thanh toán không dùng tiền mặt được đẩy mạnh. (Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý 1 năm 2022 của Tổng cục Thống kê).

Tỷ giá ảnh hưởng đến hoạt động của STK trên cả khía cạnh nhập khẩu lẫn xuất khẩu. Các nguyên vật liệu đầu vào hầu hết được STK nhập khẩu từ nước ngoài do thị trường trong nước chưa đáp ứng được nguồn nguyên vật liệu này, việc tỷ giá biến động có thể tác động trực tiếp lên chi phí sản xuất. Tuy nhiên, xuất khẩu chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu doanh thu của STK, được các đối tác khách hàng thanh toán bằng ngoại tệ, trong bối cảnh các Ngân hàng Trung ương trên thế giới đang có xu hướng thắt lại các gói hỗ trợ kinh tế, trong khi Chính phủ Việt Nam mới ban hành gói kích thích kinh tế (tổng giá trị 350.000.000.000.000 đồng theo Nghị quyết số 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ) có thể dẫn tới chênh lệch về cung tiền giữa Việt Nam đồng và các đồng ngoại tệ khác, vì vậy việc nhận thanh toán bằng ngoại tệ có thể giúp STK giảm thiểu một phần các rủi ro về biến động tỷ giá.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động của STK chịu sự điều chỉnh của nhiều bộ Luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Bộ Luật Lao Động, Bộ Luật dân sự, Luật Thương mại, Luật Bảo vệ môi trường... Bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật, chính sách và các quy định khác liên quan đến ngành nghề đều có tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh Công ty.

Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, vì thế, các luật và văn bản hướng dẫn có thể sẽ còn được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Điều này đòi hỏi STK phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn

ché mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

STK đã có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với những thay đổi về môi trường pháp lý ở Việt Nam cũng như luật quốc tế của các quốc gia giao thương hàng hóa với STK.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào

Đặc thù nguyên liệu đầu vào để sản xuất sản phẩm của STK là hạt polyester chip (PET chip). Chi phí nguyên liệu đầu vào chiếm hơn 70% trong cơ cấu giá vốn hàng bán và chịu ảnh hưởng lớn bởi sự biến động của giá dầu. Đây là yếu tố cơ bản và quan trọng nhất tác động đến kết quả kinh doanh của STK.

Để giảm thiểu rủi ro từ sự biến động giá nguyên vật liệu đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh, STK đã chủ động mở rộng nguồn cung cấp nguyên vật liệu, không phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhà cung cấp nào. Đồng thời, STK đa dạng hóa danh mục khách hàng và cơ chế khớp hợp đồng mua nguyên liệu với hợp đồng bán thành phẩm để có thể duy trì được biên lợi nhuận giữa giá bán thành phẩm và giá mua hạt nhựa polyester chip.

3.2. Rủi ro tỷ giá

Hiện tại, doanh thu từ hàng xuất khẩu trực tiếp tại STK chiếm hơn 50% cơ cấu tổng doanh số; đồng thời, nguyên vật liệu là hạt nhựa polyester chip chiếm khoảng 55% - 60% trong giá vốn hàng bán được STK nhập khẩu bằng USD. Do đó, doanh thu bằng USD có thể đủ để trả tiền nguyên vật liệu nhập khẩu và vì vậy rủi ro tỷ giá đối với hoạt động thương mại của STK có thể kiểm soát được. Tuy nhiên, do STK vay ngoại tệ ngắn hạn để tài trợ việc nhập khẩu nguyên vật liệu và vay dài hạn bằng ngoại tệ để tài trợ cho các dự án (khoản vay ngoại tệ dài hạn đã trả hết vào ngày 31/3/2021) nên việc biến động trong tỷ giá ngoại tệ so với Việt Nam đồng cũng sẽ ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận của STK.

Để kiểm soát rủi ro từ vấn đề biến động tỷ giá, STK luôn theo dõi sát sao các diễn biến tỷ giá, nhằm đánh giá, dự đoán xu hướng, để có thể hạn chế đến mức tối đa những biến động của tỷ giá gây ảnh hưởng xấu đến hiệu quả kinh doanh của STK.

3.3. Rủi ro vận hành

Rủi ro vận hành thường xảy ra khi nhân viên không tuân thủ các qui trình sản xuất có thể gây ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Đây là rủi ro được STK đánh giá cao vì dễ xảy ra và gây hệ quả lớn. Do đó, STK rất chú trọng đến công tác đào tạo kỹ năng tay nghề tại hiện trường, thường xuyên cập nhật các qui trình hoạt động, tiến hành kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ quy định của bộ phận sản xuất và tăng cường vai trò tự kiểm soát trong quá trình hoạt động đối với mỗi nhân viên.

3.4. Rủi ro môi trường

Nguyên vật liệu chính của STK là hạt nhựa PET chip, một chế phẩm của dầu mỏ và nguyên vật liệu phụ là ống giấy, thùng giấy là những sản phẩm mà việc sản xuất có thể gây ô nhiễm môi

trường và suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên. Chính vì thế, các qui định và chính sách trên thế giới về môi trường đặc biệt là về vấn đề khai thác dầu mỏ và tài nguyên rừng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn cung của các nguyên vật liệu này, qua đó gây tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của STK.

Để giảm thiểu những rủi ro này, STK đã thực hiện nghiên cứu phát triển các loại sản phẩm mới như Sợi tái chế (sợi Recycle) (sử dụng hạt nhựa tái chế -Recycled PET chip được tái chế từ các chai nhựa polyester để giảm thiểu khai thác dầu mỏ) và phối hợp với đơn vị cung ứng để nâng cao chất lượng sản phẩm ống giấy POY để có thể tái sử dụng lại nhiều lần (qua đó hạn chế việc khai thác rừng). Ngoài ra, STK còn đưa ra các cam kết, ban hành Sổ tay môi trường và các chính sách hướng dẫn quản lý và sử dụng hóa chất độc hại để giảm thiểu tối đa các tác động xấu của quá trình sản xuất kinh doanh đến môi trường xung quanh.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Rủi ro của đợt chào bán có thể xảy ra khi STK không phân phối hết số lượng cổ phiếu chào bán. Trong đợt chào bán này, Công ty thực hiện chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (CDHH) theo tỷ lệ 5:1 với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. Khối lượng chào bán không quá lớn với giá chào bán thấp hơn so với giá thị trường của STK. Rủi ro của đợt chào bán được đánh giá là khá thấp vì đối tượng được chào bán là cổ đông hiện hữu, là những người hiểu rõ định hướng phát triển, tình hình kinh doanh cũng như có sự gắn kết lâu năm với doanh nghiệp. Đây là yếu tố tích cực góp phần thành công của đợt chào bán.

Trong trường hợp đợt chào bán không huy động đủ số tiền dự kiến phát hành, STK sẽ cân nhắc những kế hoạch huy động vốn khác để bổ sung vốn như sử dụng vốn tự có của Công ty, vốn vay từ các tổ chức tín dụng...

5. Rủi ro pha loãng

5.1. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)

Khi phát hành thêm cổ phần, EPS của STK có thể sẽ bị suy giảm do lợi nhuận sau thuế phải chia cho một số lượng cổ phiếu lớn hơn sau khi phát hành cũng như tốc độ tăng trưởng lợi nhuận có thể không theo kịp với tốc độ tăng lên của vốn điều lệ. Tỷ lệ thay đổi về EPS tạm tính của STK nếu phát hành thành công để tăng vốn điều lệ trong năm 2022 cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số liệu	Đơn vị tính
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	278.479.651.838	đồng
2	Số lượng cổ phiếu (SLCP) lưu hành tính đến trước khi phát hành	68.185.294	cổ phần
3	SLCP dự kiến phát hành	13.637.058	cổ phần
4	SLCP lưu hành sau khi phát hành thêm	81.822.352	cổ phần
5	EPS dự kiến nếu không phát hành thêm	4.084	đồng
6	EPS dự kiến khi phát hành thêm	3.403	đồng
8	Tỷ lệ thay đổi của EPS	17%	%

(*): Theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ

5.2. Rủi ro pha loãng thị giá cổ phiếu

Trong trường hợp thị giá cổ phiếu lớn hơn giá chào bán thì giá cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = \frac{(\text{SLCP trước phát hành} \times \text{Giá cổ phiếu trước phát hành} + \text{SLCP phát hành cho CĐHH} \times \text{Giá phát hành})}{\text{Tổng SLCP sau phát hành}}$$

Giá cổ phiếu sau phát hành của STK trong công thức trên được tính như sau:

STT	Nội dung	Giá trị	Đơn vị
1	Tổng số lượng cổ phần tính đến 25/04/2022	70.726.944	cổ phần
2	Cổ phiếu quỹ	2.541.650	cổ phần
3	Số lượng cổ phiếu lưu hành trước thời điểm thực hiện phát hành	68.185.294	cổ phần
4	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	13.637.058	cổ phần
5	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành sau phát hành thêm	81.822.352	cổ phần
6	Giá cổ phiếu vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền (*)	50.000	đồng
7	Giá phát hành thêm dự kiến	10.000	đồng
8	Giá tham chiếu (sau khi điều chỉnh) (*)	43.333	đồng

(*): Giá sử giá đóng cửa cổ phiếu STK vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 50.000 đồng/ cổ phiếu. Tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của cổ phiếu STK được xác định như sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá thị trường (sau khi điều chỉnh)} &= \frac{68.185.294 \times 50.000 + 13.637.058 \times 10.000}{81.822.352} \\ &= 43.333 \text{ đồng/cổ phiếu} \end{aligned}$$

Lưu ý: Giá cổ phiếu của Công ty có thể biến động và thay đổi tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua, ví dụ nêu trên chỉ nhằm mục đích chứng minh sự thay đổi về giá cổ phần khi cổ phiếu bị pha loãng.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do 2 nguyên nhân chính (i) sự thiếu hụt chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị. Để hạn chế rủi ro quản trị, STK luôn tuân thủ các quy định

về quản trị công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành và áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin chặt chẽ.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh,.. trên quy mô lớn. Nếu những rủi ro này xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty. Để hạn chế tối đa các thiệt hại, Công ty luôn tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản có giá trị lớn, bảo hiểm lao động, cháy nổ, rủi ro gián đoạn hoạt động kinh doanh...

(Phần còn lại của trang này là cố ý để trống)

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản cáo bạch này có nghĩa như sau:

- Công ty/ Tổ chức phát hành/TCPH/STK/Sợi Thể Kỹ	Công ty Cổ phần Sợi Thể Kỹ
- Công ty con/UNITEX	Công ty Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX
- Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
- UBND	Ủy ban Nhân dân
- Giấy CNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- TP. HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
- CTCP	Công ty cổ phần
- CP	Cổ phần
- CBCNV	Cán bộ công nhân viên
- ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT	Hội đồng quản trị
- BKS	Ban kiểm soát
- TGD	Tổng Giám đốc
- FDI	Foreign Direct Investment
- HĐKD	Hoạt động kinh doanh
- LNST	Lợi nhuận sau thuế
- DTT	Doanh thu thuần
- SAP	Phần mềm SAP ERP (Enterprise Resource Planning)
- Sợi DTY	Sợi Draw Textured Yarn
- Sợi POY	Sợi Partially Oriented Yarn
- Sợi FDY	Sợi Fully Draw Yarn
- TSCĐ	Tài sản cố định
- TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
- TNCN	Thu nhập cá nhân
- VDL	Vốn điều lệ
- VSD	Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên công ty viết bằng tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỸ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài : CENTURY SYNTHETIC FIBER CORPORATION

Tên công ty viết tắt : CENTURY CORP

Mã cổ phiếu : STK

Sàn niêm yết : HOSE

Đại diện theo pháp luật : Ông Đặng Triệu Hòa – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Logo : 

Vốn điều lệ : 707.269.440.000 đồng

Giấy CNĐKDN : Số 0302018927 cấp lần đầu ngày 11/04/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 10/08/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp

Trụ sở chính : Khu B1-1 Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP. HCM

Điện thoại : (028) 3790 7565

Fax : (028) 3790 7566

Email : csf@century.vn

Website : www.thekey.vn

Ngành nghề kinh doanh:

Tên ngành	Mã ngành
Sản xuất sợi Chi tiết: Sản xuất sợi tơ tổng hợp	1311 (Chính)
Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

✓ 2000: Thành lập ngày 01/06/2000

Sợi Thế Kỹ tiền thân là Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Thương mại Thế Kỹ, được thành lập ngày 01/06/2000 theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4101001242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư

TP.HCM cấp ngày 01/06/2000, chuyên sản xuất sợi DTY (Draw Textured Yarn) từ nguyên liệu sợi POY (Partially Oriented Yarn) nhập khẩu.

Trụ sở và nhà máy của Sợi Thέ Kỹ đặt trong khuôn viên có diện tích 16.800 m² tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP. HCM. Tổng công suất thiết kế cho nhà máy sản xuất sợi DTY đạt 4.800 tấn/năm.

✓ *2003: Đầu tư mở rộng năng lực sản xuất*

Năm 2003, tận dụng cơ hội phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp dệt may, Sợi Thέ Kỹ đã đầu tư mở rộng công suất sản xuất DTY lên gấp đôi, tương đương 9.600 tấn/năm để đáp ứng nhu cầu thị trường. Nhà máy được trang bị các dây chuyền sản xuất hiện đại được nhập khẩu từ Tập đoàn Oerlikon Barmag chuyên sản xuất sợi tổng hợp polyester với đầy đủ các quy cách chủng loại.

✓ *2005: Chuyển đổi thành công ty cổ phần*

Ngày 11/04/2005, Sợi Thέ Kỹ được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Sợi Thέ Kỹ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003288 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng. Sự thay đổi mang tính chiến lược này giúp Sợi Thέ Kỹ đa dạng hóa các nguồn vốn huy động nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển không ngừng của Công ty.

✓ *2007: Tăng vốn, mở rộng đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, nhận chứng chỉ ISO 9001:2000*

Sợi Thέ Kỹ nhận chứng chỉ ISO 9001:2000 được cấp bởi tổ chức AFNOR (the Association Francaise de Normalisation), một chi nhánh của hệ thống tiêu chuẩn hóa Châu Âu (CEN) và là thành viên của Tổ chức tiêu chuẩn quốc tế (ISO). Hiện tại, Công ty đã được cấp chứng chỉ ISO 9001:2008. Các quy trình quản lý sản xuất luôn tuân thủ nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn hệ thống ISO 9001:2008, KAIZEN, 5S do các chuyên gia Nhật Bản tư vấn và triển khai.

Tháng 9/2007, Sợi Thέ Kỹ tăng vốn điều lệ bằng cách phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cổ đông chiến lược và nhân viên. Vốn điều lệ tăng từ 50 tỷ đồng lên 91,5 tỷ đồng. Nguồn vốn huy động thêm được Công ty dùng để đầu tư thêm nhà máy sản xuất nguyên liệu đầu vào sợi POY từ hạt polyester chips với công suất 14.500 tấn/năm và mở rộng thị trường xuất khẩu để đưa các sản phẩm mang thương hiệu “Century” khẳng định vị trí trên trường quốc tế. Tổng công suất sản xuất sợi DTY nâng lên 15.000 tấn/năm.

✓ *2008: Trở thành một trong những công ty Việt Nam đầu tiên sản xuất sợi polyester microfilament (sợi xơ dài) từ polyester chip*

Sợi Thέ Kỹ đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất sợi POY (nguyên liệu đầu vào để sản xuất sợi DTY) để góp phần gia tăng lợi nhuận. Việc đầu tư sản xuất sợi POY còn hướng đến mục tiêu giảm sự phụ thuộc vào nguyên liệu POY nhập khẩu, đặc biệt là sự biến động giá cả và nguồn cung sợi POY. Tổng công suất sản xuất sợi POY đạt 14.500 tấn/năm. Đầu tư phát triển dây chuyền sản xuất sợi POY là một bước ngoặt trong quá trình phát triển và mở ra cơ hội mới cho Sợi Thέ Kỹ vì với sự kiện này, Sợi Thέ Kỹ chính thức trở thành một trong những công ty Việt Nam đầu tiên sản xuất sợi polyester microfilament từ polyester chip.

✓ *2009 - 2010: Tăng vốn và đầu tư xây dựng nhà máy thứ hai tại Chi nhánh Trảng Bàng, Tây Ninh*

Tháng 6/2009, Sợi Thể Kỹ thành lập “Chi nhánh Công ty Cổ phần Sợi Thể Kỹ” tại địa chỉ: Đường số 8, Khu công nghiệp Trảng Bàng, xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh với Giấy chứng nhận đầu tư số 45211000130 ngày 26/06/2009 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Tây Ninh cấp.

Sợi Thể Kỹ thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và nhà đầu tư chiến lược để tăng vốn điều lệ lên 180 tỷ đồng. Nguồn vốn huy động được sử dụng để thực hiện đầu tư nhà máy sản xuất sợi POY, DTY, FDY tại Chi nhánh Trảng Bàng, tăng công suất sản xuất DTY và POY thêm 11.000 tấn/năm. Nhà máy này được khởi công xây dựng vào ngày 28/11/2009 và bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất từ 18/01/2011.

✓ *2011: Trở thành Công ty đại chúng*

Ngày 21/02/2011, Sợi Thể Kỹ chính thức trở thành công ty đại chúng. Việc trở thành công ty đại chúng thể hiện cam kết của Công ty luôn đem lại lợi ích tối đa cho cổ đông và khách hàng. Công ty luôn nâng cao năng lực quản trị, minh bạch trong quản lý và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

✓ *2011 - 2013: Đưa vào hoạt động nhà máy sợi tại Chi nhánh Trảng Bàng*

Nhà máy sợi thứ hai tại Chi nhánh Trảng Bàng được khánh thành để đưa vào khai thác thương mại từ tháng 01/2011. Ngoài POY và DTY, nhà máy còn sản xuất thêm sản phẩm mới FDY để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và thị trường. Với dự án này đã nâng tổng công suất toàn công ty lên 29.500 tấn POY/năm và 37.000 tấn DTY & FDY/năm.

Để đáp ứng cho chiến lược phát triển dài hạn của Công ty, từ đầu năm 2012, Công ty đã chính thức áp dụng hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp hiện đại SAP All-in-One và cho đến hiện nay tất cả các tác nghiệp đã được vận hành trên hệ thống quản lý dữ liệu này.

✓ *2014: Đón đầu xu hướng, nắm bắt cơ hội*

Để nắm bắt cơ hội từ xu thế dịch chuyển đại trà các nhà sản xuất từ Trung Quốc qua Việt Nam, cơ hội tăng thêm do Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) mang lại đồng thời để tối ưu hóa quy mô sản xuất của Công ty, STK đã triển khai dự án đầu tư nhà máy mở rộng Trảng Bàng giai đoạn 3 với tổng vốn đầu tư 34,2 triệu USD.

Sợi Thể Kỹ phát hành thành công 3.000.000 cổ phiếu ra công chúng theo hình thức đấu giá thu được 75 tỷ đồng để tài trợ cho dự án xây dựng nhà máy mở rộng Trảng Bàng giai đoạn 3.

✓ *2015: Niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE), phát triển thành công sản phẩm mới Sợi tái chế*

Ngày 30/09/2015, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại HOSE với mã cổ phiếu: STK. Uy tín thương hiệu và giá trị của Công ty được nâng cao.

Ngày 18/09/2015, nhà máy mở rộng Trảng Bàng Giai đoạn 3 chính thức đi vào hoạt động. Nhà máy có công suất sản xuất khoảng 15.000 tấn sợi POY/năm và 15.000 tấn sợi DTY/năm, góp phần nâng tổng công suất toàn Công ty lên khoảng 52.000 tấn DTY & FDY/năm. Bên cạnh các dàn máy kéo sợi DTY tự động có công nghệ hiện đại do Tập đoàn Oerlikon Barmag (Châu Âu)

sản xuất, nhà máy mới còn được trang bị Hệ thống điều khiển Trung tâm (“POC”-“Plant Operation Center”).

Công ty đã hợp tác với một doanh nghiệp lớn trong ngành nhằm phát triển thành công sản phẩm Sợi tái chế từ hạt nhựa tái chế, bước đầu triển khai thành công chiến lược đa dạng hóa phân khúc sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn.

Nắm bắt cơ hội ở các thị trường mới nhờ hưởng ưu đãi thuế suất thông qua các Hiệp định Thương mại Tự Do (“FTAs”).

✓ *2016: Xây dựng bàn đạp cho Phát triển bền vững*

Tiếp tục đầu tư mở rộng nhà máy Trảng Bàng 4, nâng tổng công suất của Công ty lên 60.000 tấn DTY và FDY/năm vào cuối năm 2016.

Được Tổ chức Control Union cấp Giấy chứng nhận GRS 3.0 (Global Recycled Standard) về sản xuất tái chế.

Được Tổ chức SGS cấp giấy xác nhận sản phẩm của Công ty tuân thủ các qui định về sử dụng hóa chất độc hại theo qui định của Luật REACH, là luật về an toàn của Liên minh Châu Âu liên quan đến thủ tục đăng ký, đánh giá, cấp phép và hạn chế sử dụng các loại hóa chất, do Cục Hóa Chất Châu Âu (European Chemical Agency) ban hành.

Ký hợp đồng nhượng quyền thương hiệu về sản xuất sợi tái chế với một doanh nghiệp lớn cùng ngành và bắt đầu triển khai bán mặt hàng này cho các khách hàng tại thị trường Việt Nam và quốc tế.

✓ *2017: Nắm bắt cơ hội để tăng trưởng vượt trội*

Đưa nhà máy Trảng Bàng 4 vào hoạt động, nâng tổng công suất sản xuất lên 63.000 tấn/năm.

Khai thác thành công hai thị trường mới là Hàn Quốc và Nhật Bản.

Nhằm bắt kịp xu hướng sử dụng sợi tái chế, STK đã hợp tác với Tập đoàn Unifi để trở thành nhà sản xuất nhượng quyền dưới thương hiệu REPREVE cung cấp sản phẩm cho các nhãn hàng lớn trên thế giới. Sản phẩm của STK cũng được cấp chứng chỉ OEKO-TEX 100 chứng nhận sản phẩm không thải hóa chất độc hại ra môi trường theo chương trình ZDHC (The Zero Discharge of Hazardous Chemicals).

Công ty hợp tác với đối tác chiến lược thành lập Công ty cổ phần E.DYE Việt Nam chuyên sản xuất Sợi màu, không gây ô nhiễm môi trường nước và tiết kiệm nước sạch.

✓ *2018, 2019: Tiếp tục mở rộng quy mô đón đầu xu hướng dịch chuyển trong chuỗi cung ứng sản xuất toàn cầu*

Nhận thấy việc được hưởng lợi của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ Trung, STK lên kế hoạch thực hiện mở rộng quy mô sản xuất nhà máy xơ sợi tổng hợp POY, DTY với tổng mức đầu tư hơn 100 tỷ đồng. Dự án đã chính thức hoàn thiện việc chạy thử máy móc và đưa vào vận hành 100% công suất vào đầu năm 2019.

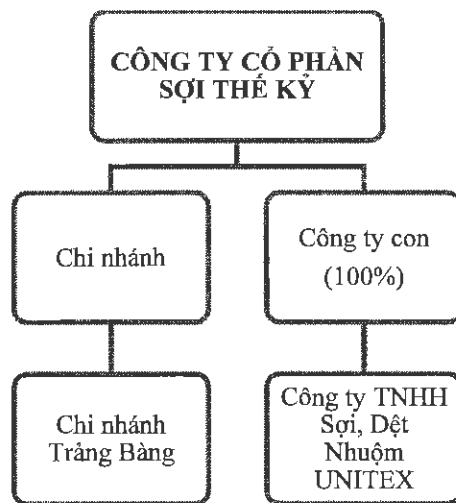
✓ *2020, 2021: Tập trung vào sản phẩm chiến lược là Sợi tái chế*

Sợi tái chế là sản phẩm chiến lược mang lại biên lợi nhuận cao cho Công ty. Công đặt mục tiêu nâng cao tỷ lệ sợi tái chế trên tổng doanh thu. Công ty đẩy mạnh phát triển các thị trường mới như Mỹ và thị trường nội địa, tiếp tục mở rộng mạng lưới khách hàng trong nước và trên toàn thế giới.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty một cách nhất quán, tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty.

Hình 6: Cơ cấu tổ chức của Công ty



Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ

Theo cơ cấu trên, Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ có 01 công ty con là Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX có trụ sở đặt tại Lô A17.1, đường C1, Khu công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và có 01 chi nhánh đặt tại đường số 8, Khu công nghiệp Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

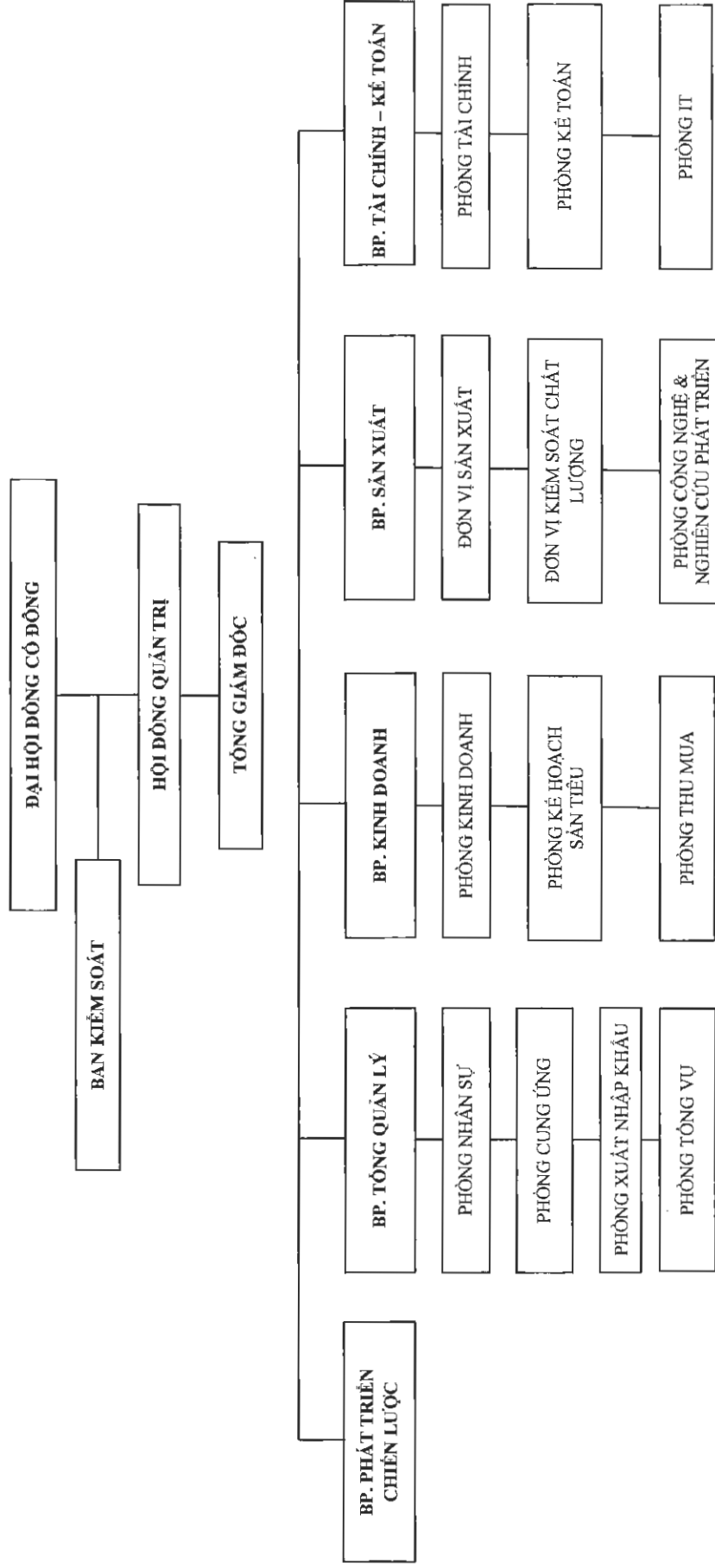
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các Luật, quy định khác có liên quan và Điều lệ Công ty. Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình sau:

(Phần còn lại của trang là cố ý để trống)



Hình 7: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Thép Kỷ

(Phần còn lại của trang này là cố ý để trống)

Bộ máy quản lý của Công ty bao gồm các cơ quan chính sau:

Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. ĐHĐCĐ có những trách nhiệm chính: thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về hướng phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà không được ủy quyền. HĐQT có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Công ty, xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Công ty đồng thời đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do ĐHĐCĐ đề ra.

Ban kiểm soát: Là cơ quan có nhiệm vụ giúp ĐHĐCĐ giám sát và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Tổng Giám đốc: Là người chịu trách nhiệm điều hành, quản lý, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT về phương án kinh doanh và phương án đầu tư, kiến nghị cách bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc quyền quyết định của HĐQT, quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong Công ty và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan đến hay bắt nguồn từ các nhiệm vụ trên.

Các phòng ban, đơn vị trong Công ty: Thực hiện công việc theo chức năng chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc đạt hiệu quả và năng suất cao. Các phòng ban của Công ty bao gồm:

❖ Phòng Kinh doanh

- Chức năng bán hàng: Xây dựng và phát triển mạng lưới khách hàng, thực hiện đàm phán giao dịch bán hàng. Theo dõi đơn hàng, tiến độ giao hàng, tiến độ thanh toán của khách hàng.
- Nghiên cứu thị trường: Tìm hiểu nhu cầu, giá cả, tiềm năng của thị trường và thị phần hiện hữu của Công ty. Đánh giá nhu cầu của khách hàng và tìm hiểu quy luật cung cầu theo mùa vụ của sản phẩm Công ty đang kinh doanh. Từ đó dự báo hướng phát triển giúp Công ty xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh chính xác.
- Hỗ trợ, chăm sóc khách hàng: Thường xuyên liên hệ khách hàng, tiếp nhận và giải quyết tất cả những yêu cầu từ khách hàng về cung cấp mẫu mới, thời gian giao hàng, chất lượng phục vụ, chất lượng sản phẩm.

❖ Phòng Kế hoạch sản tiêu

- Lập kế hoạch sản xuất thực tế cho nhà máy DTY, FDY và POY theo đơn đặt hàng; kiểm soát tiến độ sản xuất, tỷ lệ chất lượng hàng theo mục tiêu để đảm bảo giao hàng đúng kế hoạch.

- Lập kế hoạch trên SAP: Tạo lệnh sản xuất trên SAP, tạo yêu cầu gia công cho chi nhánh nhà máy Trảng Bàng, điều tiết hàng POY giữa Hội sở và chi nhánh đáp ứng yêu cầu sản xuất.
- Cung ứng nguyên vật liệu đáp ứng cho nhà máy sử dụng: Cân đối và đề nghị mua đúng, đủ, hợp lý các nguyên vật liệu, phụ liệu, dầu tằm sợi phục vụ cho sản xuất; theo dõi nhu cầu nguyên vật liệu về đúng tiến độ; kiểm soát tồn kho theo định mức tối đa – tối thiểu.

❖ Phòng thu mua

- Bảo đảm cung cấp vật tư, nguyên liệu, thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất. Thực hiện đàm phán với các nhà cung cấp dịch vụ, đáp ứng yêu cầu sản xuất và sử dụng của các phòng ban trong Công ty.
- Chịu trách nhiệm về việc đáp ứng tiến độ mua hàng, hàng hóa đáp ứng đúng theo tiêu chuẩn yêu cầu về chất lượng, số lượng, qui cách, chủng loại với giá cả phù hợp và chứng từ thanh toán đầy đủ, hợp lệ theo qui định.
- Phối hợp các bộ phận liên quan kiểm soát và xây dựng kế hoạch đặt hàng, kế hoạch giao hàng đảm bảo an toàn tồn kho, đáp ứng sản xuất và kế hoạch lập ra phải hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm.
- Xây dựng mạng lưới nhà cung ứng, theo dõi đánh giá năng lực nhà cung ứng, giúp Công ty có được mạng lưới các nhà cung ứng ổn định về chất lượng, đảm bảo số lượng, thời gian và giá cả tốt nhất.

❖ Bộ phận Sản xuất – Kiểm soát chất lượng

- Quản lý điều hành hoạt động sản xuất: bố trí, sắp xếp, quản lý nhân sự đáp ứng nhu cầu sản xuất. Đào tạo nâng cao tay nghề cho nhân viên.
- Triển khai kế hoạch sản xuất: tổ chức sản xuất đáp ứng yêu cầu đơn hàng và kế hoạch sản xuất đề ra.
- Kiểm soát quá trình sản xuất: kiểm soát chất lượng sản phẩm đảm bảo chất lượng sản phẩm cung cấp cho khách hàng đúng tiến độ theo kế hoạch. Lập ngân sách và định mức sử dụng hàng tháng về chi phí, nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất. Kiểm soát quy trình tác nghiệp để đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt mục tiêu.
- Thống kê, đánh giá, cải tiến quy trình sản xuất: cập nhật số liệu thống kê, đánh giá kết quả sản xuất hàng ngày và đưa ra kế hoạch cải thiện để nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm các lãng phí trong sản xuất. Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc việc định hướng và dự báo sản xuất.

❖ Phòng Công nghệ và Nghiên cứu phát triển (QA-R&D)

- Thỏa mãn yêu cầu của thị trường và khách hàng: tìm hiểu thông tin về yêu cầu của khách hàng đối với sản phẩm; hướng dẫn khách hàng sử dụng sản phẩm hiệu quả; cung cấp sản phẩm mẫu cho khách hàng.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm: thu thập thông tin chất lượng sản phẩm cùng loại trên thị trường. Tận dụng dữ liệu từ trung tâm lưu trữ dữ liệu của Công ty, phân tích các bất cập tiềm ẩn đối với chất lượng sản phẩm.
- Giải quyết khiếu nại: trong trường hợp phát sinh khiếu nại từ khách hàng sẽ phân tích nguyên nhân, phối hợp đơn vị liên quan giải quyết khiếu nại, theo dõi kết quả cải thiện sau khiếu nại.
- Phát triển sản phẩm mới: phối hợp với kinh doanh và thông tin từ khách hàng, phát triển các sản phẩm có tính năng mới so với sản phẩm hiện hữu của công ty dựa trên sự am hiểu đặc tính thiết bị của công ty và tính khả thi sản xuất sản phẩm mới.

❖ Phòng Nhân sự

- Nghiên cứu và hoạch định phát triển nguồn nhân lực: thiết lập điều chỉnh cơ cấu tổ chức nhân sự cấp công ty và cấp phòng theo mục tiêu phát triển của Công ty. Xây dựng mục tiêu, chính sách và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực. Quản lý nguồn lao động và quan hệ nhân sự.
- Tuyển dụng, đào tạo: lập kế hoạch tuyển dụng theo kế hoạch và theo yêu cầu sản xuất. Xác định nhu cầu và tổ chức các lớp đào tạo nội bộ và bên ngoài. Đánh giá hiệu quả các chương trình đào tạo.
- Quản lý, thực hiện chế độ, chính sách về lương, thưởng, phúc lợi, trợ cấp: xây dựng quy chế thu nhập phù hợp với mô hình hoạt động kinh doanh của các đơn vị. Xây dựng hệ thống tiền thưởng và các phúc lợi khác.

❖ Phòng Kế toán tài chính

- Kiến tạo nguồn lực tài chính cho sự nghiệp kinh doanh của Công ty. Cung cấp các thông tin tài chính kế toán chính xác, kịp thời và hữu ích phục vụ công tác quản trị và điều hành cho Ban lãnh đạo Công ty.
- Hoàn thiện và phát triển công cụ quản lý, kiểm soát nguồn thu – chi, kiểm soát vật tư, tài sản; Kiểm soát chi phí, phản ánh kết quả kinh doanh, phân tích và đưa ra định hướng đầu tư, chính sách kinh doanh nhằm đạt hiệu quả tối ưu nhất cũng như giảm thiểu rủi ro cho Công ty.
- Bộ phận Tài chính thực hiện một phần chức năng kiểm soát nội bộ:
 - Kiểm soát về tài chính: thông qua việc thiết lập các thủ tục kiểm toán nhằm ngăn ngừa các rủi ro về tình hình tài chính và đảm bảo các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.
 - Tham mưu cho Ban Lãnh đạo: xác định rủi ro và khuyến nghị giải pháp hạn chế, triệt tiêu rủi ro.

❖ Phòng Công nghệ thông tin:

- Quản lý hạ tầng thông tin và phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch ngắn, trung và dài hạn về ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch của Công ty.
- Đảm bảo kỹ thuật, an toàn thông tin cho các hoạt động công nghệ thông tin của Công ty.

❖ Phòng Tổng vụ

- Giữ gìn kỷ luật theo nội quy và các quy định khác của Công ty.
- Bảo vệ tài sản Công ty thông qua công tác cơ sở hạ tầng, quản lý con người và tài sản ra vào cổng Công ty.
- Thực hiện công tác hậu cần thông qua các hoạt động cung cấp xe đưa rước cán bộ nhân viên, suất ăn giữa ca, chăm sóc sức khỏe, nhà trọ, đồng phục, đồ bảo hộ lao động.
- Thực hiện công tác quản trị, hành chính, pháp chế: lễ tân, tổ chức sự kiện nội bộ, cập nhật giấy phép kinh doanh, trung tâm lưu trữ.
- Công tác bảo vệ, an ninh trật tự, bảo hộ lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường.
- Bộ phận ISO thực hiện một phần chức năng kiểm soát nội bộ đối với các vấn đề về hoạt động: kiểm soát việc thực thi các quy trình chức năng, nhiệm vụ các phòng ban theo chiều dọc, quy trình nghiệp vụ theo chiều ngang.

❖ Phòng Cung ứng

- Quản lý hàng hóa, kho bãi.
- Quản lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác sổ sách, số liệu, chứng từ liên quan đến hàng hóa, vật tư, linh kiện, nguyên phụ liệu.
- Thực hiện tác nghiệp nhập xuất kho hàng hóa, vật tư, linh kiện, nguyên phụ liệu đúng tiêu chuẩn yêu cầu, đúng tiến độ, đúng chứng từ và trình tự tác nghiệp qui định.
- Điều động các phương tiện vận chuyển bên ngoài thực hiện giao hàng theo tiến độ và yêu cầu của khách hàng.
- Bảo quản hàng hóa theo quy định tiêu chuẩn đối với từng mặt hàng. Chịu trách nhiệm sắp xếp hàng hóa bảo đảm dễ quản lý và dễ xuất nhập theo nguyên tắc quy định.
- Giao nhận hàng hóa đáp ứng nhu cầu sản xuất.
- Phối hợp theo dõi lịch xuất, nhập hàng để sắp xếp bố trí và thực hiện công việc hiệu quả.
- Lập các thủ tục chứng từ liên quan đến việc giao nhận hàng hóa và chịu trách nhiệm về tính chính xác và hợp lệ của các chứng từ.
- Thực hiện việc giao nhận hàng hóa và bảo quản hàng hóa trong quá trình giao nhận vận chuyển đảm bảo đúng tiến độ yêu cầu đáp ứng kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ chức phát hành

Không có.

5.2. Thông tin về công ty con của Tổ chức phát hành, các công ty mà Tổ chức phát hành nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

TT	Tên công ty	Ngày thành lập	Số Giấy CNĐKDN	Hoạt động KD chính	Tỷ lệ sở hữu (%) – Tỷ lệ biểu quyết (%)			Ghi chú
					31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	
1	Công ty TNHH MTV Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX	29/06/2015	45203300336	Sản xuất xơ, sợi dệt nhân tạo	100% - 100%	100% - 100%	100% - 100%	Công ty con
2	Công ty Cổ phần E.Dye Việt Nam	17/04/2017	0314352362	Bán buôn tổng hợp	35,44%- 35,44%	36% - 36%	0% - 0%	Đã thoái vốn

Nguồn: Sợi Thế Kỳ

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 14-2021/NQHĐQT ngày 28/10/2021, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần E.Dye Việt Nam với tổng giá trị thanh toán là 3.401.915.870 đồng (tương đương 153.933 USD), trong đó bao gồm phần vốn góp tại E.DYE Việt Nam và các khoản thanh toán liên quan kèm theo. Sau khi chuyển nhượng hoàn tất, Công ty không còn là cổ đông của Công ty Cổ phần E.Dye Việt Nam.

5.3. Thông tin về công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Công ty chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần vào năm 2005 với số vốn điều lệ là 50 tỷ đồng. Kể từ khi trở thành công ty cổ phần đến nay, Công ty đã thực hiện các đợt tăng vốn điều lệ như sau:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của Công ty

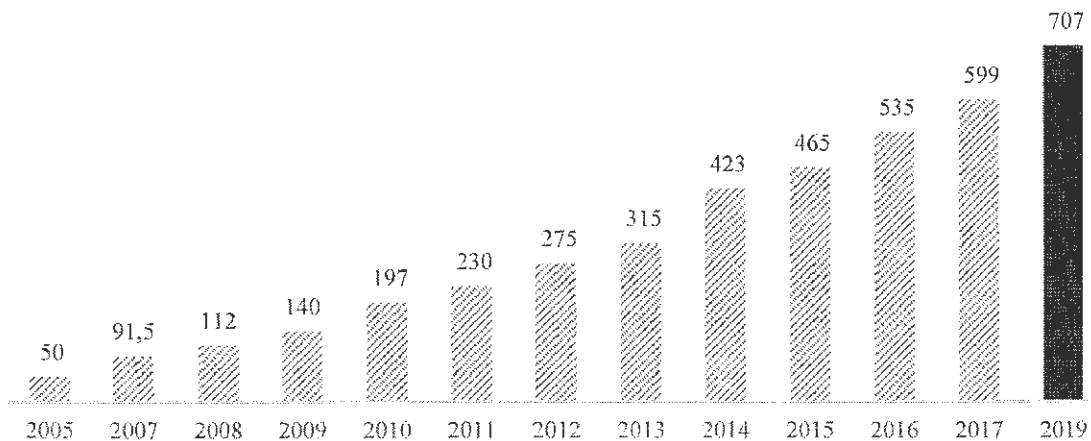
STT	Thời gian thực hiện	Hình thức tăng vốn	Vốn tăng (ngàn đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (ngàn đồng)	Cơ quan cấp phép
1	05/2005	Cổ phần hóa: vốn điều lệ ban đầu	-	50.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM

STT	Thời gian thực hiện	Hình thức tăng vốn	Vốn tăng (ngàn đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (ngàn đồng)	Cơ quan cấp phép
2	05/2007	- Cổ đông sáng lập - Người lao động	15.000.000	65.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
3	09/2007	- Cổ đông hiện hữu - Đối tác chiến lược	26.500.000	91.500.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
4	01/2008	Đối tác chiến lược	8.500.000	100.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
5	12/2008	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu thưởng tỷ lệ: 12%)	12.000.000	112.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
6	11/2009	Cổ đông hiện hữu (phát hành thêm tỷ lệ: 25%)	28.000.000	140.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
7	01/2010	Đối tác chiến lược (phát hành riêng lẻ)	40.000.000	180.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
8	09/2010	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu thưởng tỷ lệ: 10%)	17.326.400	197.326.400	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
9	07/2011	- Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 15%) - Người lao động (ESOP 2010)	32.561.940	229.888.340	UBCKNN (Theo thông báo đã đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBCKNN ngày 06/04/2011 và ngày 07/06/2011) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
10	05/2012	Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 20%)	45.026.570	274.914.910	UBCKNN (Theo công văn số 1236/UBCK-QLPH ngày 20/04/2012) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
11	06/2013	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 15%)	40.510.930	315.425.840	UBCKNN (Theo công văn số 2024/UBCK-QLPH ngày 22/05/2013) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
12	06/2014	Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 15% và cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 10%)	77.627.520	393.053.360	UBCKNN (Theo công văn số 1883/UBCK-

STT	Thời gian thực hiện	Hình thức tăng vốn	Vốn tăng (ngàn đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (ngàn đồng)	Cơ quan cấp phép
					QLPH ngày 08/05/2014) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
13	12/2014	Chào bán cổ phiếu ra công chúng theo hình thức đấu giá	30.000.000	423.053.360	UBCKNN (Theo Giấy chứng nhận số 92/GCN-UBCK ngày 31/10/2014) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
14	12/2015	Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 10%)	42.304.990	465.358.350	UBCKNN (Theo công văn số 6512/UBCK-QLPH ngày 15/10/2015) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
15	06/2016	Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 10% và cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 05%)	69.801.890	535.160.240	UBCKNN (Theo công văn số 2602/UBCK-QLCB ngày 17/05/2016) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
16	09/2017	Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 12%)	64.217.740	599.377.980	UBCKNN (Theo công văn số 4401/UBCK-QLCB ngày 29/06/2017) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
17	04/2019	- Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỉ lệ 100:7) và (tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỉ lệ 10%) - Người lao động (ESOP 2018)	599.377.980	707.269.440	UBCKNN (Theo Giấy chứng nhận số 83/GCN-UBCK ngày 28/12/2018) Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM

Nguồn: CTCP Sợi Thể Kỹ

Hình 8: Quá trình tăng vốn điều lệ qua các năm (đơn vị: tỷ đồng)



Nguồn: CTCP Sợi Thế Kỷ

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Không có.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành**8.1. Cổ phiếu phổ thông**

Tính đến ngày 25/04/2022, cơ cấu cổ đông của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ cụ thể như sau:

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ tại ngày 25/04/2022

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	1.405	59.419.003	84,01%
1	Cổ đông tổ chức	35	14.720.034	20,81%
2	Cổ đông cá nhân	1.370	44.698.969	63,20%
II	Cổ đông nước ngoài	114	8.766.291	12,39%
1	Cổ đông tổ chức	37	7.934.238	11,22%
2	Cổ đông cá nhân	77	832.053	1,18%
III	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0%
IV	Cổ phiếu quỹ	1	2.541.650	3,59%
	Tổng cộng	1.520	70.726.944	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 25/04/2022 của CTCP Sợi Thế Kỷ

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

8.2. Các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật: 100%
Căn cứ Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; căn cứ vào tra cứu về ngành nghề, lĩnh vực đầu tư kinh doanh của Công ty cổ phần Sợi Thép Kỹ được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia dangkykinhdoanh.gov.vn và tham chiếu danh mục điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài tại daotunuoengoi.gov.vn thì tỷ lệ sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài áp dụng với Công ty tối đa là 100%.
Căn cứ Công văn số 6772/UBCK-PTTT ngày 28/10/2021 của UBCKNN, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ là 100%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty: Không có.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty hiện tại: Tính đến ngày 25/04/2022, Công ty có tổng cộng 114 nhà đầu tư nước ngoài trong đó có 77 nhà đầu tư cá nhân và 37 nhà đầu tư tổ chức, nắm giữ tổng cộng 12,39% vốn điều lệ của Công ty.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Tổng quan về đặc điểm, tính thời vụ của ngành, sản phẩm, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty

a. Tổng quan ngành

Theo Bộ Công Thương, Việt Nam là nhà xuất khẩu hàng may mặc lớn thứ tư trên thị trường thế giới sau Trung Quốc, EU và Bangladesh với thị phần xuất khẩu đạt 7,05% vào năm 2020, tăng cao so với 5,54% của năm 2016. Trong khi đó, thị phần hàng may mặc của Trung Quốc liên tục bị thu hẹp từ 34,31% năm 2016 xuống còn 29,45% trong năm 2020.

Trong giai đoạn 2016 – 2020, khả năng cạnh tranh của hàng may mặc Việt Nam không ngừng được nâng cao, trong khi xuất khẩu hàng may mặc của toàn thị trường thế giới giảm bình quân 0,26%/năm thì xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam vẫn tăng trưởng bình quân 6,13%/năm trong giai đoạn này. Trong bối cảnh đó, xuất khẩu hàng may mặc Trung Quốc giảm bình quân 4,11%/năm, Ấn Độ giảm 7,12%/năm, Indonesia giảm 0,39%/năm,.. và xuất khẩu của các thị trường cạnh tranh khác như Thổ Nhĩ Kỳ tăng bình quân 0,45%/năm, Bangladesh tăng 2,47%,.. Nhờ các ưu đãi thuế quan theo các hiệp ước thương mại cùng với việc hoàn thiện chuỗi cung ứng, khả năng cạnh tranh của các sản phẩm may mặc Việt Nam không ngừng được nâng lên, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam trong tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn thế giới không ngừng được tăng cao và tăng bền vững trong giai đoạn 2016 – 2020.

b. Đặc điểm, tính thời vụ của ngành

Hàng dệt may có những đặc trưng riêng biệt ảnh hưởng rất nhiều đến sản xuất và buôn bán. Đặc trưng nổi bật của thương mại thế giới hàng dệt may là một trong những yếu tố cần thiết để tăng cường tính cạnh tranh của sản phẩm và đảm bảo xuất khẩu thành công trên thị trường quốc tế. Ngành hàng dệt may có một số đặc trưng nổi bật sau đây:

+ Sản phẩm dệt may là loại sản phẩm có yêu cầu rất phong phú, đa dạng tùy thuộc vào đối tượng tiêu dùng. Người tiêu dùng khác nhau về văn hoá, phong tục tập quán, tôn giáo, khác nhau về khu vực địa lý, khí hậu, về giới tính, tuổi tác... sẽ có nhu cầu rất khác nhau về trang phục. Nghiên cứu thị trường để nắm vững nhu cầu của từng nhóm người tiêu dùng trong các bộ phận thị trường khác nhau có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc tiêu thụ sản phẩm.

+ Khi buôn bán các sản phẩm dệt may cần chú trọng đến yếu tố thời vụ. Phải căn cứ vào chu kỳ thay đổi của thời tiết trong năm ở từng khu vực thị trường mà cung cấp hàng hoá cho phù hợp. Điều này cũng liên quan đến vấn đề thời hạn giao hàng, hàng dệt may cần được giao đúng thời hạn để cung cấp hàng hoá kịp thời vụ.

+ Thu nhập bình quân đầu người, thói quen tiêu dùng, cơ cấu tỉ lệ chi tiêu cho hàng may mặc trong tổng thu nhập dân cư và xu hướng thay đổi cơ cấu tiêu dùng trong tổng thu nhập... có tác động lớn đến xu hướng tiêu thụ hàng dệt may. Với các thị trường có mức thu nhập bình quân, tỉ lệ chi tiêu cho hàng may mặc cao, yêu cầu về mẫu mã, kiểu dáng, chất lượng... sẽ trở nên quan trọng hơn các yếu tố về giá cả.

+ Một đặc trưng nổi bật của công nghệ dệt may là được bảo hộ chặt chẽ ở hầu hết các nước trên thế giới bằng những chính sách thể chế đặc biệt. Trước khi hiệp định về hàng dệt may - kết quả quan trọng của vòng đàm phán Uruguay ra đời và phát huy tác dụng, việc buôn bán quốc tế các sản phẩm dệt may được điều chỉnh theo những thể chế thương mại này. Nhờ đó, phần lớn các nước nhập khẩu thiết lập các hạn chế đối với nhập khẩu hàng dệt may. Mức thuế phổ biến đánh vào hàng dệt may cũng cao hơn so với các hàng hoá công nghiệp khác. Bên cạnh đó, từng nước nhập khẩu còn đề ra những qui định riêng đối với hàng dệt may nhập khẩu. Những thể chế nhằm bảo hộ sản xuất hàng dệt may của mỗi nước và hạn chế nhập khẩu này đã chi phối thị trường hàng dệt may trên thế giới, ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất và buôn bán hàng dệt may trên thế giới.

+ Các thị trường tiêu thụ ngày càng xuất hiện nhiều rào cản kỹ thuật. Nhiều điều kiện về kiểm soát, tiêu chuẩn, chất lượng... ngày càng gia tăng, do đó việc xâm nhập các thị trường ngày càng khó khăn, đặc biệt là thị trường EU, Mỹ và Nhật. Các tiêu chuẩn quản lý tại các thị trường tiêu thụ này ngày càng chặt chẽ và nghiêm khắc. Cùng với đó là thị hiếu người tiêu dùng của thị trường này cũng khá khó tính, có chọn lọc đặc biệt với hàng dệt may. Đây là ngành mà Châu Âu có xu hướng chuyển dần sang các khu vực khác, nên thị trường này đang có xu hướng nhập khẩu hàng dệt may và hàng may mặc. Các nhà nhập khẩu Châu Âu luôn tìm kiếm những thị trường rẻ nhưng phải đẹp. Họ luôn cố hạ giá thành sản phẩm tới mức thấp nhất tại nơi cơ sở đặt gia công. Do ngành dệt may bị coi là một ngành có tác động nhiều tới môi trường (nước, không khí) nên các công ty trong ngành (đặc biệt là các thương hiệu thời trang hàng đầu) đang có những cam kết mạnh mẽ về bảo vệ môi trường, nhu cầu đối với sản phẩm thân thiện với môi trường sẽ tăng lên.

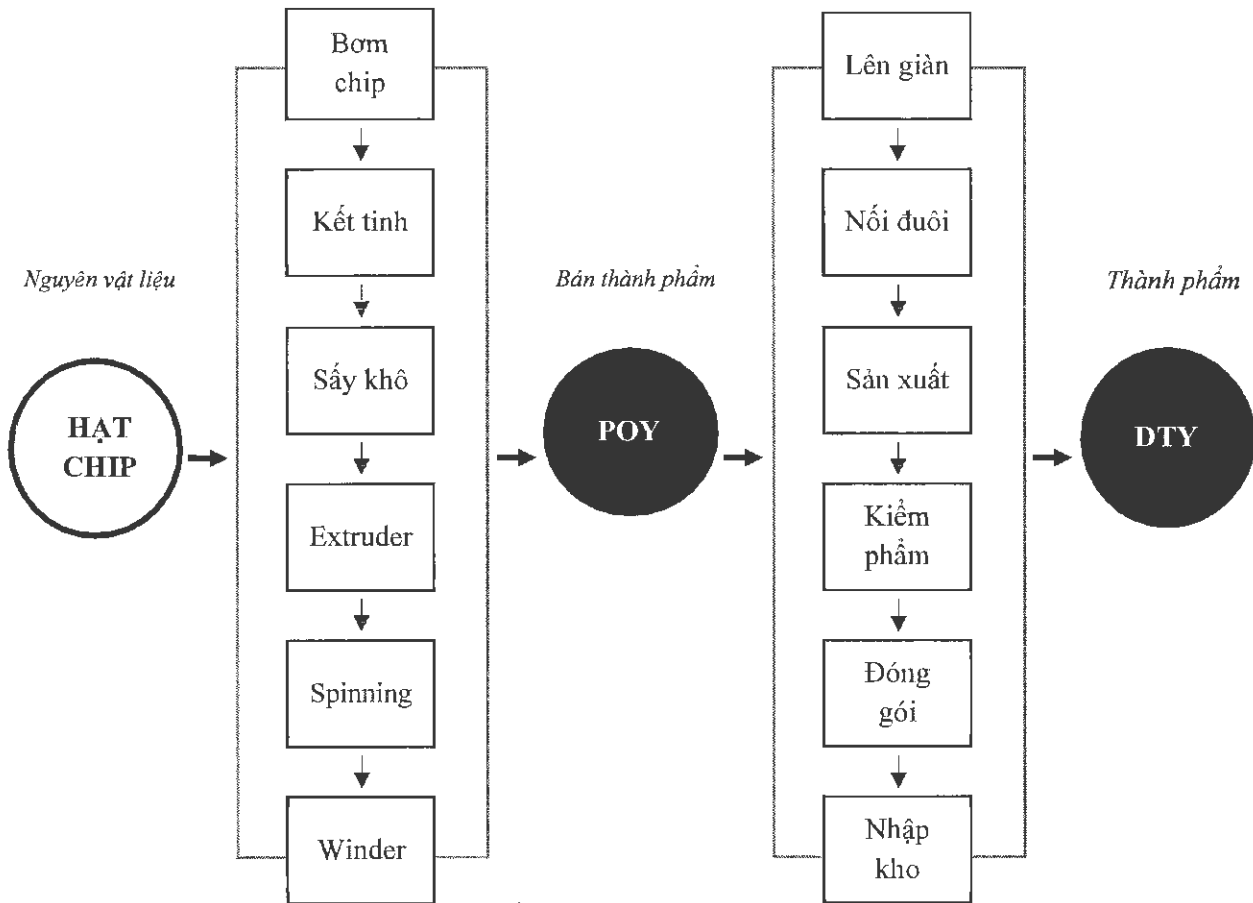
c. Các sản phẩm, lĩnh vực chính của Công ty

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ là sản xuất và kinh doanh sợi tổng hợp. Sản phẩm chính của Công ty là sợi filament (sợi dài) chất lượng cao: bao gồm sợi DTY (Drawn Textured Yarn - sợi dún) và sợi FDY (Fully Drawn Yarn - sợi định hướng toàn phần). Sản phẩm sợi được sử dụng để sản xuất quần áo thể thao-dã ngoại, giày thể thao, túi vải polyester, đồ bơi, rèm-màn cửa, đệm bọc xe hơi, băng quần y tế...

10.1.2. Quy trình sản xuất

Quy trình sản xuất tại Công ty là chuỗi quy trình khép kín, đảm bảo các yêu cầu đặc thù của ngành sản xuất xơ sợi, cũng như các yêu cầu chung khác về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, an toàn môi trường. Quy trình sản xuất của Công ty được mô tả cụ thể như hình sau:

Hình 9: Quy trình sản xuất của Công ty



Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ

Công ty có 2 nhà máy đặt tại Củ Chi và Trảng Bàng với tổng diện tích là 68.000 m².



Nhà máy Củ Chi

Được thành lập năm 2000
 Công suất đạt 20.000 tấn/năm

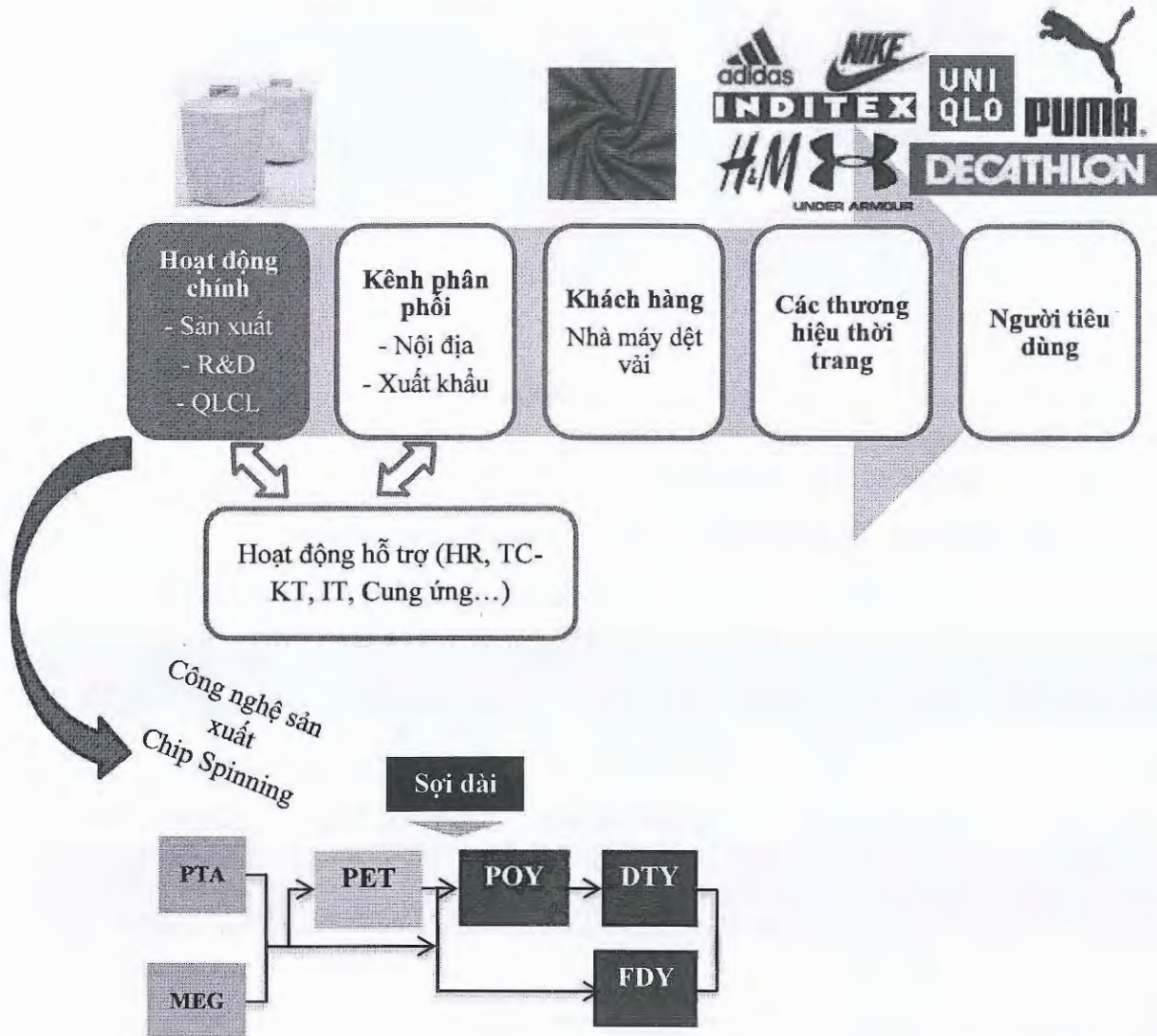


Nhà máy Trảng Bàng

Được thành lập năm 2010
 Công suất đạt 43.000 tấn/năm

10.1.3. Chuỗi giá trị cung ứng

Hình 10: Chuỗi giá trị cung ứng của sản phẩm sợi



Nguồn: CTCP Sợi Thế Kỳ

10.1.4. Địa bàn kinh doanh

Với bề dày gần 20 năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sợi, Công ty đã xây dựng được mạng lưới đối tác, khách hàng, nhà cung cấp trên toàn thế giới như Mỹ, Mexico, các quốc gia trong khối EU, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan...

(Phần còn lại của trang này là cố ý để trống)



Hình 11: Các thị trường chính của Công ty



Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Thép Kỹ

- Thị trường đã và đang phát triển
- Thị trường đang trong quá trình phát triển

10.1.5. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận, sản lượng tiêu thụ theo sản phẩm

Bảng 3: Doanh thu, lợi nhuận, sản lượng, tiêu thụ các dòng sản phẩm chính của Công ty

Doanh thu (đồng)				
Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Quý 1/2022
DTY	1.997.788.418.979	1.627.748.947.372	1.856.293.120.505	571.842.579.699
FDY	231.196.204.684	137.917.391.267	186.095.592.118	68.225.805.425
Tổng cộng	2.228.984.623.663	1.765.666.338.639	2.042.388.712.623	640.068.385.124
Sản lượng (tấn)				
Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Quý 1/2022
DTY	43.164	37.566	41.870	13.587
FDY	5.614	3.109	4.669	1.889
Tổng cộng	48.779	40.675	46.559	15.477
Tiêu thụ (tấn)				
Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Quý 1/2022
DTY	43.416	39.437	37.683	10.870
FDY	5.728	3.564	4.202	1.511
Tổng cộng	49.144	43.001	41.885	12.381
Lợi nhuận (đồng)				
Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Quý 1/2022
DTY	192.768.386.866	126.740.863.636	248.530.098.900	68.979.390.411
FDY	21.655.011.192	17.619.800.352	29.949.552.938	7.324.280.904
Tổng cộng	214.423.398.058	144.360.663.988	278.479.651.838	76.303.671.315

Nguồn: CTCP Sợi Thép Kỹ

10.2. Tài sản

10.2.1. Danh sách Tài sản cố định của Công ty

Bảng 4: Tình hình tài sản cố định của Công ty tính đến 31/03/2022

Chỉ tiêu	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	%Giá trị còn lại/Nguyên giá
Công ty mẹ			
Tài sản cố định hữu hình	2.059.705.280.344	780.884.206.939	37,91%
Nhà cửa, vật kiến trúc	304.608.626.458	151.356.190.188	49,69%
Máy móc và thiết bị	1.565.972.049.649	593.066.076.206	37,87%
Phương tiện vận tải	184.332.878.157	36.304.489.052	19,70%
Thiết bị văn phòng	4.791.726.080	157.451.493	3,29%
Tài sản cố định vô hình	14.385.298.205	73.384.241	0,51%
Phần mềm máy tính	14.385.298.205	73.384.241	0,51%
Tổng cộng	2.074.090.578.549	780.957.591.180	37,65%
Hợp nhất			
Tài sản cố định hữu hình	2.059.705.280.344	780.884.206.939	37,91%
Nhà cửa, vật kiến trúc	304.608.626.458	151.356.190.188	49,69%
Máy móc và thiết bị	1.565.972.049.649	593.066.076.206	37,87%
Phương tiện vận tải	184.332.878.157	36.304.489.052	19,70%
Thiết bị văn phòng	4.791.726.080	157.451.493	3,29%
Tài sản cố định vô hình	14.385.298.205	73.384.241	0,51%
Phần mềm máy tính	14.385.298.205	73.384.241	0,51%
Tổng cộng	2.074.090.578.549	780.957.591.180	37,65%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất và Công ty mẹ năm 2021 đã kiểm toán, Báo cáo tài chính hợp nhất và Công ty mẹ Quý 1/2022 của CTCP Sợi Thế Kỷ

10.2.2. Danh sách đất đai, nhà xưởng

Bảng 5: Danh sách đất đai, nhà xưởng của Công ty tính đến 31/03/2022

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Loại hình	Thời hạn sử dụng	Mục đích
1	B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi	16.777,50	Đất khu công nghiệp	Đến tháng 06/2050	Xây dựng nhà xưởng

STT	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Loại hình	Thời hạn sử dụng	Mục đích
2	Đường số 08, KCN Trảng Bàng, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh	61.030	Đất khu công nghiệp	Đến ngày 14/07/2053	Xây dựng nhà xưởng
3	Lô A17.1, Đường C1, KCN Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh (*)	100.183,13	Đất khu công nghiệp	Đến ngày 26/12/2058	Xây dựng nhà xưởng

Nguồn: CTCP Sợi Thép Kỷ

Ghi chú: (*) Lô đất này thuộc sở hữu của công ty con, Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX.

10.2.2. Một số tài sản lớn của Công ty

Bảng 6: Danh sách một số tài sản lớn của Công ty tính đến 31/03/2022

Chỉ tiêu	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	%Giá trị còn lại/Nguyên giá
Dây chuyên sản xuất POY	542.242.020.041	190.525.864.387	35,14%
Máy sản xuất sợi DTY	694.200.725.555	262.541.998.469	37,82%
Máy sản xuất sợi FDY	177.487.640.334	97.429.189.321	54,89%

Nguồn: CTCP Sợi Thép Kỷ

10.3. Doanh thu và lợi nhuận theo thị trường hoạt động

Bảng 7: Doanh thu của Công ty theo thị trường hoạt động

Thị trường	Doanh thu			
	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Quý 1/2022
Nhật Bản	376.987.675.141	243.724.433.961	365.122.518.255	57.044.116.143
Hàn Quốc	53.483.151.458	30.725.411.237	12.630.622.890	
Thái Lan	352.800.239.445	296.457.983.204	263.919.007.182	90.859.741.985
Việt Nam	1.363.500.387.482	1.041.126.732.729	1.178.060.321.290	429.856.868.037
Mỹ	18.406.451.335	45.919.931.738	92.645.879.159	23.982.612.864
Thị trường khác	63.806.718.802	107.711.845.771	130.010.363.847	38.325.046.095
Tổng cộng	2.228.984.623.663	1.765.666.338.639	2.042.388.712.623	640.068.385.124

Nguồn: CTCP Sợi Thép Kỷ

(Phần còn lại của trang này là có ý để trống)

Bảng 8: Lợi nhuận của Công ty theo thị trường hoạt động

Lợi nhuận				
Thị trường	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Quý 1/2022
Nhật Bản	36.265.381.767	20.605.467.260	49.784.446.581	6.800.328.824
Hàn Quốc	3.889.753.835	1.712.494.477	1.722.185.127	-
Thái Lan	33.938.603.871	24.986.525.509	35.985.350.281	10.831.548.705
Việt Nam	131.165.725.969	85.352.066.737	160.628.496.471	51.243.988.820
Mỹ	-	5.438.337.322	12.632.263.394	2.859.009.212
Thị trường khác	9.163.932.616	6.265.772.682	17.726.909.983	4.568.795.754
Tổng cộng	214.423.398.058	144.360.663.988	278.479.651.838	76.303.671.315

Nguồn: CTCP Sợi Thép Kỹ

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Năm 2020 và 2021 là 2 năm đặc biệt khó khăn đối với toàn bộ nền kinh tế Việt Nam nói chung và Sợi Thép Kỹ nói riêng, khi tác động của những đợt cách ly toàn xã hội khiến chuỗi cung ứng bị đình trệ, nhu cầu đặt hàng của các đối tác bị gián đoạn, bên cạnh đó là các vấn đề về tổ chức sản xuất, quản trị nhân sự để thích nghi với các biện pháp chống dịch khiến cho tình hình sản xuất kinh doanh không mấy khả quan.

Năm 2020 là năm chịu ảnh hưởng rõ rệt nhất từ các yếu tố trên khi doanh thu thuần giảm 21% so với 2019, kéo theo lợi nhuận gộp và lợi nhuận ròng từ hoạt động kinh doanh giảm lần lượt là 28% và 34% so với 2019.

Năm 2021, mặc dù phải trải qua toàn bộ Quý III rất khó khăn khi dịch Covid 19 lần 4 quay lại và lan rộng tại khu vực phía Nam, nhưng nhìn chung tình hình sản xuất kinh doanh đã khả quan hơn. Tăng trưởng doanh thu năm 2021 đạt 16% so với năm 2020, tuy nhiên nếu so sánh với năm 2019 thì doanh thu thuần năm 2021 vẫn giảm 8%. Tuy nhiên, lợi nhuận gộp năm 2021 đã có mức tăng nhẹ so với trước khi dịch Covid 19 diễn ra (năm 2019) là 6%, cùng với lợi nhuận ròng từ hoạt động kinh doanh vẫn theo sát được đà tăng trưởng của 2018 – 2019.

Bảng 9: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Thay đổi 2020 /2019	Năm 2021	Thay đổi 2021 /2020	Thay đổi năm 2021 /2019	Quý 1/2022
1	Doanh thu thuần	2.228.984.623.663	1.765.666.338.639	-21%	2.042.388.712.623	16%	-8%	76.303.671.315
2	Giá vốn hàng bán	1.874.854.239.562	1.510.394.847.210	-19%	1.667.905.910.801	10%	-11%	528.126.331.494
3	Lợi nhuận gộp	354.130.384.101	255.271.491.429	-28%	374.482.801.822	47%	6%	111.942.053.630
4	Lợi nhuận thuần từ	248.190.399.073	164.036.248.395	-34%	285.178.159.681	74%	15%	88.927.235.517

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Thay đổi 2020/2019	Năm 2021	Thay đổi 2021/2020	Thay đổi năm 2021/2019	Quý 1/2022
	hoạt động kinh doanh							
5	Lợi nhuận trước thuế	252.920.154.639	164.489.243.330	-35%	285.738.564.088	74%	13%	89.045.851.598
6	Lợi nhuận sau thuế	214.423.398.058	144.360.663.988	-33%	278.479.651.838	93%	30%	76.303.671.315
7	Doanh thu hoạt động tài chính	14.278.599.770	11.483.697.913	-20%	18.043.108.556	57%	26%	4.909.187.752
8	Đầu tư, góp vốn vào công ty liên kết, công ty khác	1.697.845.959	7.616.226.913	349%	6.097.134.018	-20%	259%	6.097.134.018

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020, 2021 đã kiểm toán, Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1/2022 của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ

- Đối với mảng kinh doanh chính: sản xuất xơ, sợi:

+ Năm 2020, 2021 với mục tiêu là duy trì hoạt động qua thời kỳ dịch bệnh, Công ty đã có những thay đổi đáng kể trong nội tại, cụ thể là việc giảm chi phí tài chính xuống mức thấp nhất có thể: chi phí tài chính của năm 2019 là hơn 35 tỷ đồng, đến năm 2020 đã giảm xuống còn hơn 21 tỷ đồng, năm 2021 còn hơn 8 tỷ đồng.

+ Sản phẩm: sản phẩm chủ đạo của Công ty vẫn là DTY và FDY, nhờ có các định hướng đúng đắn trong kinh doanh nên dù năm 2020 sản lượng tiêu thụ lẫn doanh thu có bị sụt giảm nhưng sang đến năm 2021 khi các thị trường lớn như EU, Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản mở cửa giao thương trở lại thì các chỉ tiêu về mức sản lượng và mức tiêu thụ đã dần tăng trở lại.

Bảng 10: Sản lượng sản xuất và tiêu thụ của Công ty từ năm 2019 đến năm 2021 và Quý 1 năm 2022

Sản lượng (tấn)						
Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Thay đổi 2020/2019	Năm 2021	Thay đổi 2021/2020	Quý 1/2022
DTY	43.164	37.566	-13%	41.870	11%	13.587
FDY	5.614	3.109	-45%	4.669	50%	1.889
Tổng cộng	48.779	40.675	-17%	46.559	14%	15.477
Tiêu thụ (tấn)						
Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Thay đổi 2020/2019	Năm 2021	Thay đổi 2021/2020	Quý 1/2022
DTY	43.416	39.437	-9%	37.683	-4%	10.870

FDY	5.728	3.564	-38%	4.202	18%	1.511
Tổng cộng	49.144	43.001	-13%	41.885	-3%	12.381

Nguồn: CTCP Sợi Thế Kỹ

+ Đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải vào khu vực kinh doanh, nhà xưởng đã có sẵn:

Bảng 11: Tình hình đầu tư, thanh lý tài sản cố định hữu hình của Công ty

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
Số đầu năm	2.049.933.670.971	2.055.787.018.466	2.054.740.200.284	2.058.140.940.344
Mua mới	5.315.997.451	-	3.400.740.060	1.564.340.000
Thanh lý, nhượng bán	4.305.043.426	1.046.818.182	0	0
Số cuối năm	2.055.787.018.466	2.054.740.200.284	2.058.140.940.344	2.059.705.280.344

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020, 2021 đã kiểm toán, Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1/2022 của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ

Trong 3 năm từ năm 2019 đến năm 2021, việc vận hành các nhà máy có sẵn về cơ bản là ổn định nên phần đầu tư thêm vào máy móc thiết bị là không nhiều. Đa phần các khoản chi thêm là các khoản chi cải tạo, thay thế các thiết bị, phương tiện vận tải đã hết niên hạn sử dụng.

Hiện tại Công ty đang có các dây chuyền sản xuất sợi POY, các máy sản xuất sợi DTY và sợi FDY do Tập đoàn Oerlikon Barmag (Đức) cung cấp cũng như các thiết bị phụ trợ khác trong quá trình sản xuất sợi. Tổng công suất thiết kế tính đến cuối năm 2021 lên đến 63.000 tấn sợi/năm.

+ Đầu tư mở rộng năng lực sản xuất

Từ năm 2019, Công ty đã lên kế hoạch mở rộng nhà máy sản xuất sợi tổng hợp do công ty con (UNITEX) đầu tư, tuy nhiên năm 2020 vướng phải tình hình dịch bệnh nên chưa triển khai được kế hoạch một cách cụ thể. Đến năm 2021, Công ty đã đi vào triển khai nhà máy, bằng việc kí các hợp đồng đặt cọc mua máy móc thiết bị với đối tác cung cấp Đài Loan (Multicom Machinery Taiwan Ltd – đại lý được Oerlikon Barmag – nhà sản xuất máy chỉ định). Tổng giá trị thanh toán cho đối tác tính đến thời điểm 31/12/2021 là hơn 10 tỷ đồng (Theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán – phần Trả trước cho người bán ngắn hạn). Bên cạnh đó, Công ty cũng xúc tiến việc đàm phán với các nhà thầu để xây dựng khu vực nhà máy mới trên thửa đất đã xin được Giấy chứng nhận đầu tư và được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (100.183,13 m²) tại Lô A17.1, Đường C1, Khu công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

- Đối với việc đầu tư, góp vốn vào các Công ty khác

Tính đến năm 2020, Công ty có 2 khoản đầu tư dài hạn vào các công ty khác là:

- (i) Đầu tư vào công ty liên kết: Công ty cổ phần E.DYE Việt Nam: giá trị đầu tư là 2.386.800.000 đồng, tỷ lệ sở hữu tương đương 36%. Đây là công ty hoạt động chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, hỗ trợ được STK trong việc nghiên cứu.
- (ii) Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Dintsun Việt Nam: giá trị đầu tư là 6.097.134.018 đồng, tỷ lệ sở hữu tương đương 5%. Đây là Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp tại xã Xây Đá B, huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng. Sợi Thể Kỹ và các đối tác sẽ hình thành chuỗi cung ứng sợi, dệt nhuộm, may mặc để làm các loại hàng may mặc cho các nhãn hàng thời trang lớn trên thế giới tại cụm công nghiệp này

Đến năm 2021, Công ty đã rút toàn bộ phần vốn tại Công ty cổ phần E.DYE Việt Nam do không thống nhất được phương án hợp tác kinh doanh giữa các bên.

10.5. Các hợp đồng lớn

Bảng 12: Các hợp đồng lớn của Công ty được kí kết trong năm 2020

TT	Hợp đồng	Đối tác	Quốc gia	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Thời hạn hiệu lực	Mối quan hệ với HĐQT, Kiểm soát viên, Ban điều hành, cổ đông lớn
1	TKY-201029/EX-9	Y.R.C TEXTILE LIMITED	Thái Lan	DTY	16,2	30/12/2020	Không có
2	TKY-200218/EX-2	Y.R.C TEXTILE LIMITED	Thái Lan	DTY	7,4	31/5/2020	Không có
3	TKY-201205/EX-1	CHORI CO., LTD.	Nhật Bản	DTY	16,1	31/12/2020	Không có
4	TKY-200710/EX-2	LEAR CORPORATION	Mỹ	DTY	2,2	15/9/2020	Không có
5	TKY-200710/EX-3	UNIFI ASIA PACIFIC (HONG KONG) COMPANY ,LIMITED	Indonesia	DTY	6,88	30/9/2020	Không có
6	TKY-200812/EX-3	CHORI CO., LTD.	Nhật Bản	DTY	2	30/11/2020	Không có
7	0838/ HDMB – 2020	CÔNG TY TNHH FORMOSA TAFFETA	Việt Nam	DTY	3,3	30/9/2020	Không có
8	TKY-200103/EX-15	GAIN LUCKY LTD	Việt Nam	DTY	2,8	31/03/2020	Không có
9	TKY-200311/EX-3	GAIN LUCKY LTD	Việt Nam	DTY	1,7	31/5/2020	Không có
10	1623/ HDMB – 2020	CÔNG TY TNHH FORMOSA TAFFETA	Việt Nam	DTY	4,46	31/12/2020	Không có

Nguồn: CTCP Sợi Thể Kỹ

(Phần còn lại của trang này là cố ý để trống)

Bảng 13: Các hợp đồng lớn của Công ty được kí kết trong năm 2021

TT	Hợp đồng	Đối tác	Quốc gia	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Thời hạn hiệu lực	Mối quan hệ với HĐQT, Kiểm soát viên, Ban điều hành, cổ đông lớn
1	TKY-210519/EX-4	Y.R.C TEXTILE LIMITED	Thái Lan	DTY	23,65	30-09-2021	Không có
2	TKY-210116/EX-5	CHORI CO., LTD.	Nhật Bản	DTY	21,15	31-07-2021	Không có
3	TKY-210217/EX-1	UNIFI ASIA PACIFIC (HONG KONG) COMPANY ,LIMITED	Hong Kong	DTY	18,79	30-09-2021	Không có
4	TKY-210830/EX-1	THAI TORAY SYNTHETICS COMPANY LIMITED	Thái Lan	DTY	18,49	31-01-2022	Không có
5	TKY-210108/EX-1	Y.R.C TEXTILE LIMITED	Thái Lan	DTY	18	30-05-2021	Không có
6	0838/HĐMB-2021	CÔNG TY TNHH DỆT NHUỘM NAM PHƯƠNG	Việt Nam	DTY	13,55	31-10-2021	Không có
7	1181/HĐMB-2021	CÔNG TY TNHH DỆT NHUỘM NAM PHƯƠNG	Việt Nam	DTY	13,43	28-02-2022	Không có
8	TKY-210821/EX-3	Y.R.C TEXTILE LIMITED	Thái Lan	DTY	11,73	31-12-2021	Không có
9	TKY-210811/EX-1	THAI TORAY SYNTHETICS COMPANY LIMITED	Thái Lan	DTY	7,75	31-12-2021	Không có
10	0058/HĐMB-2021	CÔNG TY TNHH DỆT NHUỘM NAM PHƯƠNG	Việt Nam	DTY	6,3	31-05-2021	Không có

Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ

(Phần còn lại của trang này là chỗ ý để trống)

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 14: Các Khách hàng và nhà cung cấp lớn của Công ty năm 2020 (ước tính trên Tổng giá trị bán hàng và mua hàng năm 2020)

TT	Đối tác	Quốc gia	Sản phẩm	Giá trị giao dịch	Thời hạn hiệu lực	Mối quan hệ với HĐQT, Kiểm soát viên, Ban điều hành, cổ đông lớn
1	Y.R.C TEXTILE CO., LTD	Thái Lan	DTY	16,6% trên Tổng giá trị bán hàng	Giao dịch bán hàng ngắn hạn thường xuyên	Không có
2	CHORI CO., LTD	Nhật Bản	DTY, FDY	9,5% trên Tổng giá trị bán hàng	Giao dịch bán hàng ngắn hạn thường xuyên	Không có
3	GAIN LUCKY VIETNAM LTD	Việt Nam	DTY	5,9% trên Tổng giá trị bán hàng	Giao dịch bán hàng ngắn hạn thường xuyên	Không có
4	CÔNG TY TNHH FORMOSA TAFFETA	Việt Nam	DTY, FDY	8,5% trên Tổng giá trị bán hàng	Giao dịch bán hàng ngắn hạn thường xuyên	Không có
5	TREASURE STAR INTERNATIONAL CORP	Việt Nam	DTY, FDY	4,4% trên Tổng giá trị bán hàng	Giao dịch bán hàng ngắn hạn thường xuyên	Không có
6	TAINAN SPINNING CO.,LTD.	Đài Loan	Hạt nhựa (PET CHIP)	40% trên Tổng giá trị mua hàng	Giao dịch mua hàng ngắn hạn thường xuyên	Không có
7	UNIFI TEXTILES (SUZHOU) CO.,LTD.	Trung Quốc	Hạt nhựa (PET CHIP)	45% trên Tổng giá trị mua hàng	Giao dịch mua hàng ngắn hạn thường xuyên	Không có

Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ

(Phần còn lại của trang này là chỗ ý để trống)

Bảng 15: Các Khách hàng và nhà cung cấp lớn của Công ty năm 2021 (ước tính trên Tổng giá trị bán hàng và mua hàng năm 2021)

TT	Đối tác	Quốc gia	Sản phẩm	Giá trị giao dịch	Thời hạn hiệu lực	Mối quan hệ với HĐQT, Kiểm soát viên, Ban điều hành, cổ đông lớn
1	CHORI CO., LTD	Nhật Bản	DTY, FDY	12,5% trên Tổng giá trị bán hàng	Giao dịch bán hàng ngắn hạn thường xuyên	Không có
2	Y.R.C TEXTILE CO., LTD	Thái Lan	DTY	11,3% trên Tổng giá trị bán hàng	Giao dịch bán hàng ngắn hạn thường xuyên	Không có
3	UNIFI ASIA PACIFIC HONGKONG LTD	HongKong	DTY	6,9% trên Tổng giá trị bán hàng	Giao dịch bán hàng ngắn hạn thường xuyên	Không có
4	Công Ty TNHH Chori Việt Nam	Việt Nam	DTY	5,6% trên Tổng giá trị bán hàng	Giao dịch bán hàng ngắn hạn thường xuyên	Không có
5	LEAR CORPORATION	Mỹ	DTY	4,5% trên Tổng giá trị bán hàng	Giao dịch bán hàng ngắn hạn thường xuyên	Không có
5	DESIPRO Pte. Ltd.	Việt Nam	DTY	3,6% trên Tổng giá trị bán hàng	Giao dịch bán hàng ngắn hạn thường xuyên	Không có
6	TAINAN SPINNING CO.,LTD.	Đài Loan	Hạt nhựa (PET CHIP)	45% trên Tổng giá trị mua hàng	Giao dịch mua hàng ngắn hạn thường xuyên	Không có
7	UNIFI TEXTILES (SUZHOU) CO.,LTD.	Trung Quốc	Hạt nhựa (PET CHIP)	50% trên Tổng giá trị mua hàng	Giao dịch mua hàng ngắn hạn thường xuyên	Không có

Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Thép Kỹ

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

- Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

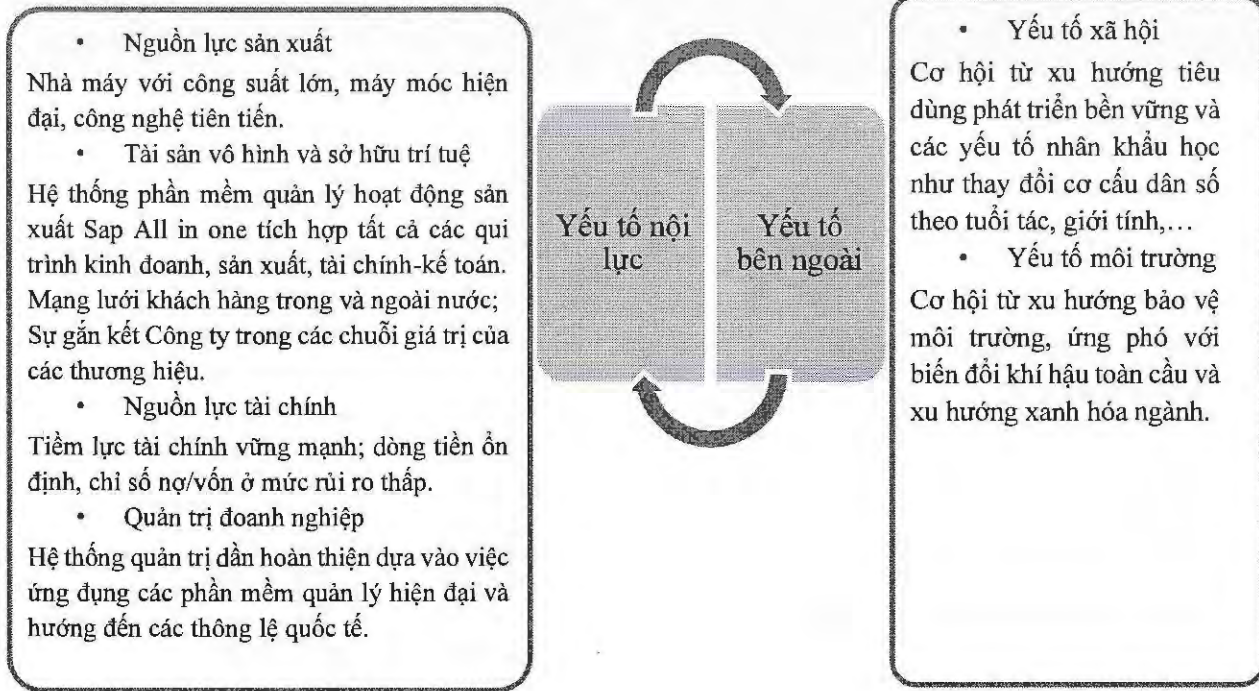
Sợi Thép Kỹ là một trong những doanh nghiệp sản xuất sợi polyester filament ở Việt Nam. Tổng công suất sản xuất sợi DTY và sợi FDY của Sợi Thép Kỹ hiện nay là 63.000 tấn/năm. Phân khúc thị trường mà Sợi Thép Kỹ định vị tới là sợi DTY, FDY trung cao, cung cấp cho các khách hàng có yêu cầu chất lượng cao, các khách hàng cung cấp sản phẩm cho những thương hiệu quốc tế.

Sau hơn 20 năm kể từ ngày thành lập, Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ đã không ngừng nỗ lực, vượt qua những thử thách khó khăn từ các yếu tố bên ngoài đến nội bộ Công ty để nâng cao chất lượng

sản phẩm - dịch vụ, phát triển bền vững và nắm bắt cơ hội từ xu thế dệt may toàn cầu và của Việt Nam.

Với mục tiêu tiên phong trong ngành sợi dệt và trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu, chiến lược của Sợi Thế Kỷ là sẽ mở rộng quy mô và thị phần trong nước và trên toàn cầu, gắn kết vào chuỗi cung ứng của các thương hiệu trên toàn cầu.

Các yếu tố tạo động lực tăng trưởng của STK:



So sánh năng lực sản xuất với một số công ty trong cùng ngành như sau:

STT	Tên Công ty	Năng lực sản xuất
1	Tập đoàn Dệt may Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - 12 đơn vị sản xuất sợi: 147.486 tấn sợi/năm - 5 đơn vị sản xuất vải dệt thoi: 124 triệu mét/năm - 5 đơn vị sản xuất vải dệt kim: 18 nghìn tấn/năm - 24 công ty sản xuất hàng may mặc: 320 triệu sản phẩm/năm
2	Tổng công ty cổ phần may Việt Tiến	<ul style="list-style-type: none"> - 8 xí nghiệp may: 24,2 triệu sản phẩm/năm
3	Công ty cổ phần Dệt may	<ul style="list-style-type: none"> - 2 nhà máy sợi: 22.000 tấn/năm - 1 nhà máy dệt thoi: 10 triệu mét/năm - 1 nhà máy dệt kim: 10.000 tấn/năm - 1 nhà máy nhuộm - 3 nhà máy may: 27 triệu sản phẩm/năm
4	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ	<ul style="list-style-type: none"> - 2 nhà máy: 63.000 tấn/năm

(Nguồn: Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh ngành dệt may – Công ty Chứng khoán Phú Hưng)

- Triển vọng phát triển của ngành (Nguồn: Tham khảo Báo cáo ngành dệt may 2021 của VCBS)

- ✓ Kim ngạch xuất nhập khẩu mảng xơ, dệt sợi trên thế giới tập trung vào 10 khu vực/quốc gia trọng điểm. Trong đó, Trung Quốc, EU, Ấn Độ là nhà xuất khẩu lớn nhất với 65,8% sản lượng và 66,9% giá trị. Về phía nhập khẩu, EU và Mỹ là khu vực/quốc gia nhập khẩu lớn nhất. Gần đây, Trung Quốc và Việt Nam chứng kiến sự gia tăng lớn trong xuất khẩu xơ, sợi, vải đạt lần lượt 154,1 tỷ USD và 10 tỷ USD, tăng 28,9% và 10,7% so với 2019. Việt Nam lần đầu tiên vượt Hàn Quốc trở thành nước xuất khẩu xơ, sợi lớn thứ 6 trên thế giới.
- ✓ Trước tình hình dịch bệnh Covid-19 trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp và còn có thể kéo dài trong 1 - 2 năm tới. Do đó, giai đoạn 2021 - 2023 được dự báo vẫn là giai đoạn mà xuất khẩu dệt may, sơ sợi tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, ngành dệt may đang đứng trước cơ hội phát triển rất lớn từ các Hiệp định thương mại tự do đã được ký kết, đặc biệt là tiềm năng mở rộng xuất khẩu đến các thị trường lớn trên thế giới. Đồng thời, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung khiến các doanh nghiệp tìm kiếm đối tác ngoài lãnh thổ Trung Quốc, mà Việt Nam là nước nhiều tiềm lực để được lựa chọn. Theo Bộ Công thương, năm 2021, xuất khẩu dệt may Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng 10% so với năm trước, đạt từ 39-39,5 tỷ USD.
- ✓ Cơ hội: Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam – EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) có hiệu lực sẽ hỗ trợ tích cực cho hoạt động xuất khẩu sản phẩm sơ sợi và dệt may từ Việt Nam. Thị phần dệt may và xơ sợi của Việt Nam tại Mỹ, EU vẫn mở rộng. Xu hướng dịch chuyển nguồn cung ứng dệt may thế giới ra khỏi Trung Quốc và Việt Nam là một trong những điểm đến của các nhà nhập khẩu, hãng bán lẻ. Covid-19 cũng làm thay đổi một số xu hướng. Đó là thúc đẩy nhu cầu về các sản phẩm thể thao. Đồng thời cũng thúc đẩy số hóa trong toàn ngành với gần 40% tổng doanh số bán hàng hiện đang được tạo ra từ các kênh kỹ thuật số. Niềm tin tiêu dùng ngày càng tăng sẽ mang lại cơ hội cho ngành dệt may. Việc triển khai vắc xin tại các thị trường xuất khẩu chủ lực như Mỹ và EU ngày càng cao khiến chỉ số tiêu dùng tăng (Nguồn: Báo cáo ngành Dệt may 2021 của VCBS).
- ✓ Trên thực tế nhờ sự hỗ trợ của Hiệp định EVFTA, trong 6 tháng đầu năm 2021, Việt Nam xuất khẩu sản phẩm may mặc sang EU tăng 19% so với cùng kỳ, đạt 1,4 tỷ USD, xuất khẩu xơ, sợi đạt 18 triệu USD, tăng mạnh gần 80% so với cùng kỳ. Trong đó các thị trường tăng mạnh là Pháp 40%, Hà Lan 21%, Tây Ban Nha 20% (Nguồn: Báo cáo ngành Dệt may 2021 của VCBS).

- Định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới:

Từ bối cảnh ngành dệt may trong nước và ngoài nước cùng với những xu hướng mới của ngành, Sợi Thép Kỹ xác định những cơ hội và thách thức trong ngắn hạn, trung dài hạn như sau:

(Phần còn lại của trang này là cố ý để trống)

Cơ hội từ xu hướng chung	Cơ hội cho Sợi Thể Kỹ	Hành động của Sợi Thể Kỹ
<p>Nhu cầu về sợi Polyester nói chung và phân khúc hàng thể thao cao cấp vẫn được đánh giá tăng trưởng mạnh mẽ dù dịch Covid-19 có thể kéo dài.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng của các thương hiệu thời trang trong việc nhanh chóng chuyển đổi từ kênh bán hàng truyền thống sang bán hàng và phân phối trực tuyến có thể giúp Công ty ổn định doanh số bán hàng. - Người tiêu dùng ưu tiên những hoạt động thể dục thể thao tại nhà hoặc cá nhân như chạy bộ, đạp xe đạp, bơi lội - Nhiều thành phố ở Mỹ thực hiện một số chính sách sử dụng phương tiện thân thiện với môi trường như xe đạp, vì vậy nhu cầu về quần áo có độ co giãn cao và chống thấm nước theo đó tăng lên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu năm 2022 đạt 54% (năm 2021 đã đạt 50%). - Phát triển mạng lưới khách hàng cho các thương hiệu giày-quần áo thể thao, nội thất ô tô, y tế... - Hơn 70% doanh thu của Sợi Thể Kỹ đến từ các nhà cung ứng cho khoảng 30 thương hiệu lớn trên toàn cầu (Nike, Adidas, Target, Puma, Uniqlo...).
<p>Việc dịch chuyển các đơn hàng dệt may sang Việt nam để tận dụng các ưu đãi thuế quan theo Các hiệp định thương mại được ký kết sẽ thúc đẩy nhu cầu ở thị trường nội địa</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có mạng lưới bán hàng nội địa, xuất khẩu gián tiếp; mối liên hệ chặt chẽ và gắn kết với các nhà cung ứng cho các thương hiệu lớn trên toàn cầu. - Việc Việt Nam ký kết các hiệp định thương mại như EVFTA, CPTPP, UKVNFTA cũng như có khả năng kiểm soát dịch bệnh tốt cũng tạo điều kiện thuận lợi thu hút nhiều hơn các đơn hàng gia công từ các thương hiệu, từ đó cũng làm nhu cầu trong nước tăng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 2021, tỷ lệ doanh thu trong nước của Sợi Thể Kỹ chiếm khoảng 62% trên tổng doanh thu.
<p>Thách thức từ xu hướng chung</p>	<p>Thách thức đối với Sợi Thể Kỹ</p>	<p>Hành động của Sợi Thể Kỹ</p>
<p>Rủi ro nền kinh tế suy thoái và nhu cầu sụt giảm có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kịch bản nền kinh tế sẽ phục hồi có xác suất không cao. Thay vào đó, khả năng cao hơn là thị trường phục hồi chậm và tiếp tục suy thoái. - Mặc dù phân khúc hàng thể thao cao cấp vẫn có dư địa tăng trưởng hơn so với các mặt hàng khác nhưng vẫn 	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng hóa thị trường và mạng lưới khách hàng; - Phát triển thêm sản phẩm mới, mở rộng phân khúc khách hàng; - Nâng cao hiệu quả hoạt động, nhằm tăng biên lợi nhuận, giảm chi phí sản xuất;

Cơ hội từ xu hướng chung	Cơ hội cho Sợi Thép Kỹ	Hành động của Sợi Thép Kỹ
	<p>cần thời gian để phục hồi về giai đoạn trước dịch bệnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhu cầu chung về may mặc sẽ vẫn chịu tác động giảm do những yếu tố như tỷ lệ thất nghiệp tăng, thu nhập giảm. - Các hiện tượng gián đoạn chuỗi cung ứng (nguyên vật liệu, container rỗng, v.v) có thể làm ảnh hưởng tới nguồn cung ứng nguyên vật liệu của doanh nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Linh hoạt quản lý chênh lệch giữa giá bán và giá nguyên vật liệu, ổn định lợi nhuận của Công ty; - Có chính sách phúc lợi hỗ trợ người lao động trong trường hợp nghỉ việc tạm thời do giảm công suất nhà máy.
Dịch bệnh vẫn còn nguy cơ tiếp tục lây lan trong cộng đồng.	- Rủi ro xảy ra khi CBCNV nhiễm bệnh có thể khiến công suất hoạt động nhà máy giảm xuống làm tăng chi phí, giảm giờ làm của người lao động, hạn chế sự ổn định nguồn nhân lực.	

Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Thép Kỹ

10.8. Hoạt động Marketing

Xây dựng thương hiệu và quảng bá hình ảnh doanh nghiệp ra công chúng được xem là một nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp trên thương trường. Với bề dày hoạt động hơn 18 năm, các sản phẩm mang thương hiệu “Century” đã chiếm lĩnh được lòng tin và sự tín nhiệm từ khách hàng. Sợi Thép Kỹ định vị phân khúc thị trường sợi DTY, FDY trung cao, do vậy Công ty tập trung vào các khách hàng có yêu cầu chất lượng cao, các khách hàng cung cấp sản phẩm cho những thương hiệu quốc tế. Bên cạnh đó, theo xu hướng sử dụng các loại sợi tái chế trong dệt may, Công ty cũng dần nâng cao tỷ trọng mặt hàng này trong hoạt động sản xuất và kinh doanh. Từng đối tượng khách hàng Công ty có cách tiếp cận thích hợp:

- Thiết lập mối quan hệ với các văn phòng đại diện của các thương hiệu quốc tế để biết kế hoạch đặt hàng từng mùa vụ.
- Phát triển mạng lưới khách hàng trong khối ASEAN (Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á - Association of South East Asian Nations), khối CPTPP (Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương - Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership) và những khách hàng có đầu ra sản phẩm tiêu thụ tại thị trường Châu Âu, Mỹ.
- Duy trì mạng lưới khách hàng hiện hữu, khai thác thêm khách hàng từ các nước Thái Lan, Đài Loan, Hàn Quốc, doanh nghiệp FDI (Đầu tư trực tiếp nước ngoài - Foreign Direct Investment) hiện hữu và doanh nghiệp FDI mới theo xu thế dịch chuyển công xưởng sản xuất từ Trung Quốc vào Việt Nam.

- Khách hàng chủ yếu và tiềm năng của Công ty trong thời gian tới là các nhà sản xuất dệt may trong nước, các doanh nghiệp FDI có nhà máy tại Việt Nam nhằm tận dụng xu thế hội nhập. Ngoài ra STK cũng sẽ tiếp tục mở rộng tìm kiếm nguồn khách hàng là các nhà sản xuất dệt may ở nước ngoài.
- Phòng QA - R&D của Công ty phối hợp với Phòng Kinh doanh để cung cấp dịch vụ tiền mại (before sales) và hậu mại (after sales) cho khách hàng thông qua trao đổi với khách hàng (các nhà sản xuất vải) để nắm rõ sản phẩm cuối cùng, đặc thù công nghệ, máy móc thiết bị để tư vấn cho khách hàng. Từ đó Phòng sản xuất, Phòng kỹ thuật của Công ty sẽ dựa vào nhu cầu đặc thù của khách hàng để đáp ứng sản phẩm phù hợp.

Công ty cam kết mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm tốt, hoàn thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ, mang đến cho mọi khách hàng sự hài lòng cao nhất. Đây chính là mục tiêu giá trị mà Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ luôn mong muốn làm tốt hơn nữa.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

CTCP Sợi Thế Kỹ đã đăng ký nhãn hiệu “Century” và được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa có hiệu lực cho đến năm 2031.

Ngoài ra, Công ty đã được đăng ký bảo hộ tại Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật Bản, Đài Loan, Indonesia, Hàn Quốc và Công ty đang tiến hành đăng ký bảo hộ thương hiệu này ở một số quốc gia khác.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Từ năm 2017 đến nay, Công ty đã tiến hành nghiên cứu và phát triển sản phẩm sợi tái chế, sợi tái chế có thêm nhiều tính năng như sợi tái chế màu, sợi tái chế có độ co giãn cao, sợi tái chế chống tia cực tím... Ngoài ra Công ty cũng phát triển thành công các loại sợi đặc biệt như sợi CD, sợi dope dyed, sợi cross-section, sợi co giãn cao, sợi side-by-side, sợi by-shrinkage...

Hiện nay, Công ty đang trong quá trình thử nghiệm và sản xuất hàng mẫu cho khách hàng trong nước và trên thế giới. Các chính sách dành cho nghiên cứu và phát triển của Công ty đặt ra để giải quyết các tiêu chí sau:

- Thỏa mãn yêu cầu của thị trường và khách hàng.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Theo dõi, giám sát chất lượng sản phẩm từ các phản hồi của khách hàng. Công ty có bộ phận nghiên cứu và phát triển (phòng QA-R&D) sẽ trực tiếp nhận các phản hồi từ khách hàng và đi sâu tìm hiểu lý do, theo dõi kết quả sau khi cải thiện.
- Phát triển sản phẩm mới: phối hợp với kinh doanh và thông tin từ khách hàng, phát triển các sản phẩm có tính năng mới so với sản phẩm hiện hữu của Công ty dựa trên sự am hiểu đặc tính thiết bị của công ty và tính khả thi sản xuất sản phẩm mới.

Đánh giá về tác động của công tác nghiên cứu và phát triển đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Bên cạnh việc mở rộng qui mô hoạt động, Công ty cũng chú trọng hoạt động nghiên cứu phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng cao để nâng cao hiệu quả hoạt động. Trong các năm vừa qua, Công



ty đã thành công trong việc phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi tái chế, sợi màu sử dụng công nghệ dope dyed và các loại sợi có tính năng đặc biệt như sợi co giãn cao, sợi hút ẩm,... Nhờ việc nâng tỷ trọng các sản phẩm có giá trị gia tăng cao nêu trên, doanh thu và lợi nhuận của Công ty đã được cải thiện đáng kể trong các năm qua. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục phát triển các tính năng đặc biệt cho các sản phẩm sợi tái chế như sợi màu, sợi co giãn sử dụng nguyên liệu tái chế, v.v. Song song với việc phát triển sản phẩm mới, hoạt động nghiên cứu phát triển cũng góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, tỷ lệ hàng thành phẩm, hiệu suất hoạt động, tiết giảm nguyên liệu, năng lượng.

10.11. Chiến lược kinh doanh

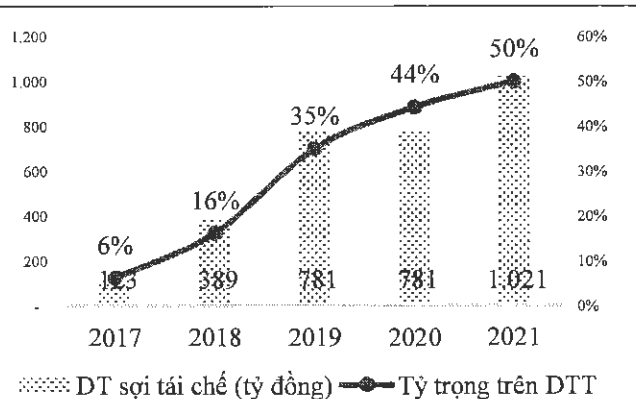
10.11.1. Chiến lược phát triển trung dài hạn


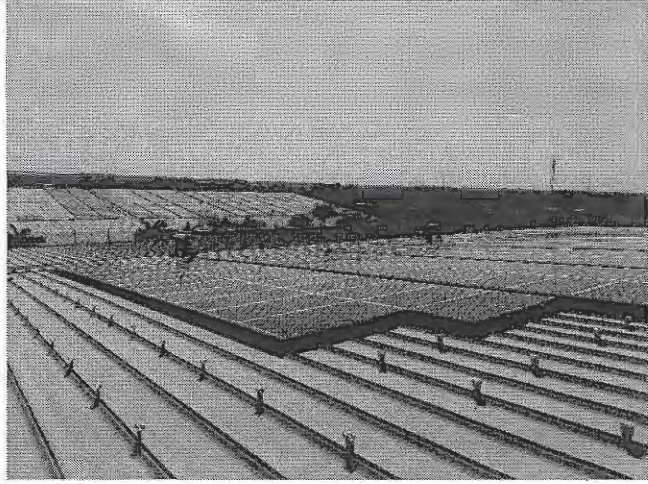
Mục tiêu cốt lõi	Chiến lược trung-dài hạn
<ul style="list-style-type: none"> - Vươn lên nhóm dẫn đầu thị trường. - Cung ứng sản phẩm chất lượng cao với mức giá cạnh tranh. - Đạt tốc độ tăng trưởng cao và duy trì tình hình tài chính lành mạnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng quy mô và thị phần trong nước và trên toàn cầu, gắn kết vào chuỗi cung ứng của các thương hiệu trên toàn cầu. - Nâng cao năng lực cạnh tranh: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về khả năng công nghệ và quản lý ✓ Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới có chất lượng cao. ✓ Nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng; ✓ Tối đa hóa biên lợi nhuận. - Tối đa hóa giá trị doanh nghiệp và các bên liên quan.

10.11.2. Chiến lược trong ngắn hạn

Tập trung phát triển sản phẩm sợi tái chế-sợi đặc biệt thân thiện với môi trường

Nhận thức được vai trò quan trọng của phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty không tách rời với nhiệm vụ phát triển theo hướng bền vững trong bối cảnh Trái Đất nóng lên trên toàn cầu, Sợi Thế Kỹ đã và đang không ngừng nghiên cứu và phát triển các sản phẩm có nguồn gốc thân thiện với môi trường và hạn chế gây hại cho môi trường.



<p>Chiếm lĩnh thị phần ở phân khúc cung cấp cho các thương hiệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Với xu hướng chuyên dịch các xưởng dệt-may từ các nước khác về Việt Nam để tận dụng lợi thế vùng nguyên liệu, chiến lược Sợi Thế Kỳ sẽ liên tục tập trung mở rộng mạng lưới khách hàng cung cấp trong nước và xuất khẩu cho các thương hiệu, phục vụ sản xuất các mặt hàng dệt-may như quần áo, giày dép, các sản phẩm nội thất trong nhà, y tế, nội thất ô tô. - Gắn kết thương hiệu STK - nhà cung cấp nguyên liệu chất lượng cao vào các chuỗi cung ứng của các thương hiệu lớn. 	
<p>Tiết giảm hao phí trong sản xuất</p> <p>Đề gia tăng hiệu quả hoạt động cho toàn Công ty và ổn định doanh thu-lợi nhuận, STK chủ trương trong ngắn hạn sẽ giảm tối đa hao phí trong nhà máy.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiện toàn đội ngũ quản lý sản xuất, nâng cao trình độ của tác nghiệp viên; - Thiết lập và củng cố các quy trình rà soát lỗi trong điều kiện sản xuất, hạn chế tỷ lệ sản phẩm không đạt chất lượng; - Áp dụng nền tảng công nghệ để quản lý và kiểm soát chất lượng sản phẩm; - Thực hành các biện pháp tiết kiệm điện, nước sử dụng trong đó có xây dựng hệ thống năng lượng mặt trời. 	
<p>Nâng cao năng lực nghiên cứu phát triển và năng lực quản lý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuê chuyên gia có giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất sợi để đào tạo, chuyên giao kiến thức về công nghệ và quản lý cho cán bộ của STK. 	

10.11.3. Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến

Ngoài các kế hoạch về marketing và mở rộng thị phần, nguồn lực quan trọng nhất đến từ việc Công ty mở rộng quy mô sản xuất và nâng cao công suất sản xuất. Nguồn vốn đầu tư chủ yếu đến

từ nguồn lợi nhuận sau thuế để lại của Công ty, nguồn vốn phát hành thêm và nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng.

10.12. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Không có.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng và cơ cấu người lao động

Bảng 16: Số lượng người lao động của STK bình quân năm 2020 và 2021

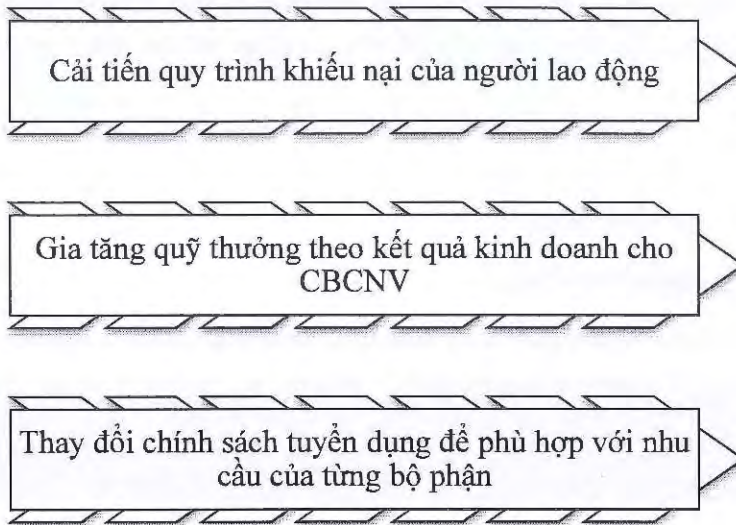
Chỉ tiêu	Bình quân năm 2020	Bình quân năm 2021
Theo giới tính	Số lượng	Số lượng
Nam	820	747
Nữ	211	180
Theo độ tuổi		
18-30 tuổi	537	529
30-50 tuổi	473	384
50 tuổi trở lên	21	14
Theo trình độ		
Cấp 2,3	449	377
Tốt nghiệp THPT	253	260
Trung cấp/ Cao Đẳng	261	234
Đại học trở lên	68	56
Theo vị trí công việc		
Quản lý	58	46
Nhân viên văn phòng	162	158
Công nhân	811	723
Theo chu kỳ		
Lao động thường xuyên	1.031	927
Lao động thời vụ	0	0
Tổng cộng lao động toàn Công ty	1.031	927

Nguồn: CTCP Sợi Thép Kỳ

11.2. Chính sách dành cho người lao động

Nhận thức được nguồn nhân lực có vai trò vô cùng quan trọng, STK đã chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên theo phương châm: “Sáng tạo – Cầu tiến – Chuyên nghiệp – Hiệu quả”. Đây luôn là điều mà Ban Tổng Giám đốc Công ty ưu tiên và chú trọng hàng đầu.

Hình 12: Những thay đổi trong chính sách người lao động trong năm 2020 và 2021



Nguồn: CTCP Sợi Thép Kỹ

Chính sách tuyển dụng

Với tiêu chí lấy người lao động làm nền tảng và động lực cho sự phát triển của Công ty, STK luôn chú trọng đến công tác tuyển dụng đầu vào, đảm bảo đủ năng lực và trình độ phục vụ cho định hướng phát triển của Công ty. Với đặc thù ngành đòi hỏi lao động có trình độ cao, STK chủ trương đưa ra mức lương cạnh tranh nhằm thu hút nguồn lao động có chất lượng cao, có thâm niên và kinh nghiệm trong nghề nhằm xây dựng đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm, mang lại hiệu quả cao trong công việc.

Chính sách đào tạo

Đầu tư và phát triển con người là một trong những yếu tố cốt lõi của Công ty nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của xã hội. STK thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ với các nội dung thiết thực, nhằm ứng dụng tốt trong thực tiễn công. Các chương trình đào tạo trong năm thường gồm các chương trình sau:

Tên khóa đào tạo	Đơn vị được đào tạo
Chính sách xã hội	CBCNV
Huấn luyện phòng cháy chữa cháy	CBCNV
Huấn luyện Sơ cấp cứu	CBCNV
Đào tạo an toàn lao động	CBCNV
Đào tạo về An toàn hóa chất	CBCNV
Đào tạo nâng cao tay nghề nhóm Bảo dưỡng	Bảo Dưỡng
Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ Cơ POY	POY
Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ Điện	Điện

Tên khóa đào tạo	Đơn vị được đào tạo
Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ ĐM DTY	DTY
Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ Lên giàn	Lên Giàn
Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ nối đuôi	Nối Đuôi
Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ QC POY	QC POY
Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ Cấp liệu	Cấp Liệu
Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ Winder	Winder
Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ Chuẩn bị	Chuẩn Bị
Đào tạo quy trình sản xuất POY	Kinh Doanh
Hướng dẫn về tư chứng nhận xuất xứ hàng hóa, cơ chế REX	Kinh Doanh
Cập nhật, hướng dẫn tra cứu thuế xuất nhập khẩu; đọc hiểu quy tắc cụ thể mặt hàng và cách áp dụng hiệu quả các điều kiện ưu đãi thuế quan trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) có hiệu lực năm 2020 - Những lưu ý về C/O (Certificate of Origin) và các hình thức tự chứng nhận xuất xứ	Kinh Doanh
Khóa học chuyên sâu: "Quy tắc xuất xứ hàng hóa và thủ tục chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA)"	Kinh Doanh
Khóa học: "Hướng dẫn tra cứu áp dụng hiệu quả các ưu đãi về Thuế xuất nhập khẩu - Quy tắc xuất xứ theo Thông tư 11/2020/TT-BCT, Nghị định số 111/2020/NĐ-CP về biểu thuế xuất nhập khẩu trong Hiệp định EVFTA"	Kinh Doanh

Nguồn: CTCP Sợi Thép Kỹ

	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Số lượng khóa đào tạo	22	21	40
✓ Đào tạo nội bộ	15	12	36
✓ Thuê ngoài	7	9	4
Chi phí đào tạo sử dụng thực tế (triệu đồng)	43,4	17,5	24,2
Chi phí đào tạo sử dụng thực tế (triệu đồng) (tính thêm lương cho nhân viên đào tạo)	973,4	1.100	769,3
Số giờ đào tạo trung bình (giờ/người/năm)	130,83	138,4	235,07

Nguồn: CTCP Sợi Thép Kỹ

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- ❖ Lương cơ bản



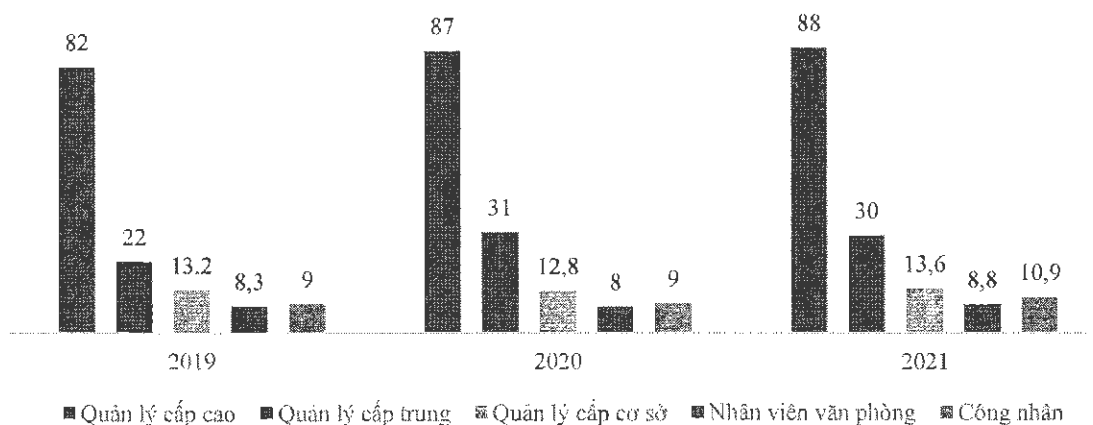


Công ty cam kết luôn căn cứ theo mức lương tối thiểu vùng theo từng năm để xây dựng, điều chỉnh hệ thống thang lương bảng lương phù hợp theo quy định của Nhà nước. Mức lương làm cơ sở tham gia bảo hiểm cho người lao động được căn cứ theo thang bảng lương của Công ty. Đồng thời, người lao động hàng năm luôn được thay đổi lương cơ bản kịp thời theo quy định của nhà nước.

❖ Lương thực nhận

Khối văn phòng	Khối sản xuất
Tùy thuộc vào tính chất của từng vị trí công việc, Công ty sẽ xây dựng mức lương theo từng bậc tương ứng từng vị trí công việc.	Hưởng lương theo sản phẩm và theo hiệu suất làm việc. Đơn giá lương sản phẩm sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại từng thời điểm.

Hình 13: Thu nhập bình quân của người lao động tại STK (triệu đồng/người/tháng)



Nguồn: CTCP Sợi Thế Kỹ

Trong năm 2019 thu nhập bình quân của người lao động tăng 5% so với năm 2018, tình hình mức thu nhập bình quân của khối quản lý cấp cao và cấp trung tại doanh nghiệp trong 2020 có sự tăng trưởng bình quân 22,5% so với năm 2019. Năm 2021, thu nhập bình quân của người lao động tăng 5% so với năm 2020.

❖ Tiền thưởng

Tiền thưởng cho người lao động được căn cứ theo quy chế trả lương thưởng của Công ty, được tính vào thu nhập hàng tháng nếu các cá nhân đạt được các tiêu chí thưởng theo quy chế, có các loại tiền thưởng như sau:

- Thưởng tác nghiệp viên
- Thưởng chấp hành nội quy
- Thưởng hoàn thành nhiệm vụ
- Thưởng bậc tay nghề
- Thưởng theo doanh số bán hàng

- Thường hiệu quả mua hàng
- Thường cho vị trí bốc xếp/ phụ kho/ xe nâng
- Thường các ngày Lễ

Ngoài tiền thưởng hàng tháng như trên, cuối năm Công ty sẽ trích thưởng cho CBCNV:

- Thưởng Tết
- Thưởng đột xuất theo hiệu quả hoạt động và kết quả doanh thu của Công ty trong năm

❖ Chế độ bảo hiểm

Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp thực hiện theo quy định của Nhà nước, tỷ lệ tham gia bảo hiểm của CBCNV Công ty là 100%. Ngoài ra, Công ty thực hiện mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn bộ người lao động của Công ty.

❖ Phúc lợi

Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm chăm sóc đến đời sống của CBCNV làm việc tại Công ty thông qua các chính sách hỗ trợ như sau:

- Nhà trọ cho CBCNV
- Bữa ăn phụ giữa ca làm việc
- Bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các vị trí công việc có điều kiện làm việc nặng nhọc, độc hại
- Ngày nghỉ định kỳ hằng năm
- Khám sức khỏe định kỳ
- Phụ cấp điện thoại
- Hỗ trợ lao động nữ có con nhỏ: làm việc 7 giờ/ngày đối với lao động nữ có con nhỏ dưới 1 tuổi; hỗ trợ sữa cho nữ lao động có con nhỏ dưới 3 tuổi;
- Tạo cơ hội cho người lao động tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho CBCNV (ESOP) với giá ưu đãi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông từng năm.

❖ Bảo đảm an toàn và sức khỏe cho người lao động

- Tuân thủ và đáp ứng các yêu cầu pháp luật Nhà nước liên quan sức khỏe, an toàn lao động cho toàn thể người lao động, các nhà cung ứng và các bên liên quan trong suốt quá trình hoạt động của Công ty;
- Nhận diện, đánh giá và có biện pháp phòng tránh, kiểm soát các rủi ro như dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn... và thành lập quy trình lao động và đưa vào nội dung đào tạo cho người lao động trước khi làm việc;
- Trang bị đồng phục bảo hộ lao động;
- Đảm bảo cung cấp các phương tiện hỗ trợ y tế cần thiết cho tất cả người lao động;
- Cung cấp đầy đủ thiết bị, phương tiện đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ;

- Đảm bảo người lao động được đào tạo, huấn luyện đầy đủ trước khi làm việc, thường xuyên huấn luyện về sức khỏe, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, quản lý chất thải, vận chuyển và xử lý hóa chất và các nguyên vật liệu nguy hiểm cho người lao động và các cấp quản lý theo quy định pháp luật hiện hành;
- Định kỳ 6 tháng một lần, Tổng Giám đốc sẽ xem xét đánh giá điều chỉnh, bổ sung những bất cập của chính sách cho phù hợp với Luật định;
- Tham vấn các chính sách liên quan để các bên có thể kịp thời đóng góp và nâng cao tính hiệu quả áp dụng của các chính sách trong hoạt động sản xuất của Công ty;
- Đo kiểm môi trường lao động theo quy định của Bộ Y tế.

Trong 2021, nhằm đảm bảo sức khỏe người lao động làm việc trong Công ty và ngăn ngừa lây nhiễm dịch bệnh Covid-19 trong cộng đồng, Công ty đã áp dụng những biện pháp nghiêm ngặt tại nhà máy để đảm bảo an toàn cho toàn thể CBCNV:

- Yêu cầu 100% người lao động luôn đeo khẩu trang và sử dụng nước rửa tay sát khuẩn;
- Kiểm tra thân nhiệt 3 lần ngày cho toàn thể CBCNV khi vào công ty làm việc;
- Khai báo y tế và dùng ứng dụng Blue zone để kịp thời phát hiện nguy cơ truyền nhiễm;
- Giãn cách không gian và ngăn chõ ngồi tại nhà ăn Công ty;
- Luôn phiên thời gian nghỉ trưa và ăn cơm cho toàn thể CBCNV, hạn chế tụ tập;
- Nghỉ luôn phiên để giảm nguy cơ tiếp xúc và truyền nhiễm;
- Làm vách ngăn chõ ngồi tại khu vực làm việc;
- Phung khử trùng và sát khuẩn thường xuyên tại Công ty;
- Thực hiện họp trực tuyến để giảm nguy cơ từ họp trực tiếp đông người.

❖ Hoạt động đóng góp cho cộng đồng

Trong năm 2021, Công ty tiếp tục xây dựng quỹ học bổng cho học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục tại đại phương chung tay cùng nhà nước xây dựng và nâng cao trình độ, xóa mù chữ và chất lượng giáo dục tại địa phương với kinh phí hơn 13 triệu đồng và hơn 13 suất học bổng tại các trường Trung cấp nghề Củ Chi, Cao đẳng nghề Tây Ninh.

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	2019	2020	2021
Tổng số tiền lương-thưởng đã chi trả cho người lao động	107,7	107,5	113,2
Tổng giá trị giao dịch với nhà cung cấp	1.484	953,5	1.321
+ Giá trị giao dịch với nhà cung cấp nội địa	197,4	93,2	140,1
Tổng tiền thuế đã đóng trong năm (bao gồm thuế GTGT, thuế XNK, Thuế TNDN, Thuế TNCN, Thuế tài nguyên và các loại thuế khác...)	167,8	68,5	116,6

Nguồn: Sợi Thế Kỷ

- ❖ Đảm bảo chế độ phúc lợi với tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội là 100%, giá trị ước tính 5,3 tỷ đồng;

- ❖ Đóng góp ngân sách nhà nước thông qua việc tuân thủ nộp thuế trong năm;
- ❖ Tạo ra thêm nhiều công ăn việc làm cho người dân địa phương với chính sách tuyển dụng và đãi ngộ tốt cho người lao động;
- ❖ Chi trả lương-thưởng cho người lao động năm 2021 ước tính 113,2 tỷ đồng;
- ❖ Thưởng với hơn 2 tháng lương vào Tết Nguyên Đán;
- ❖ Chính sách bảo hiểm 24h cho toàn thể CBCNV với tỷ lệ tham gia là 100%;
- ❖ Chính sách bồi dưỡng độc hại tại chỗ hàng tháng cho CBCNV bằng hiện vật, chế độ đưa đón CBCNV miễn phí, hỗ trợ miễn phí nhà trọ, phụ cấp điện thoại, tặng quà lễ, tết cho CBCNV;
- ❖ Hỗ trợ cho các chương trình giáo dục thông qua việc tặng các xuất học bổng cho các trường trung cấp nghề nhằm nâng cao trình độ cho người dân lao động địa phương.

Chống tham nhũng - hối lộ

Ban điều hành Công ty luôn chú trọng đề cao các hoạt động chống tham nhũng và đảm bảo công bằng trong môi trường làm việc. Trong toàn bộ hệ thống hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các nguyên tắc đạo đức cơ bản nhằm tạo ra sự liêm chính trong các hoạt động. Trong trường hợp bất kỳ nhân viên nào của Công ty bị phát hiện vi phạm hoặc nhận hối lộ của khách hàng và nhà cung ứng đều sẽ bị xử lý kỷ luật một cách nghiêm khắc và sẽ không có bất kỳ sự khoan nhượng nào đối với bất kỳ hành vi hối lộ, mua chuộc hay những khoản lợi ích không chính đáng khác nếu nó đi ngược với các quy định pháp luật, và quy định của Công ty hay các quy tắc đạo đức tại những quốc gia mà chúng tôi hoạt động.

Phát hành cổ phiếu cho người lao động

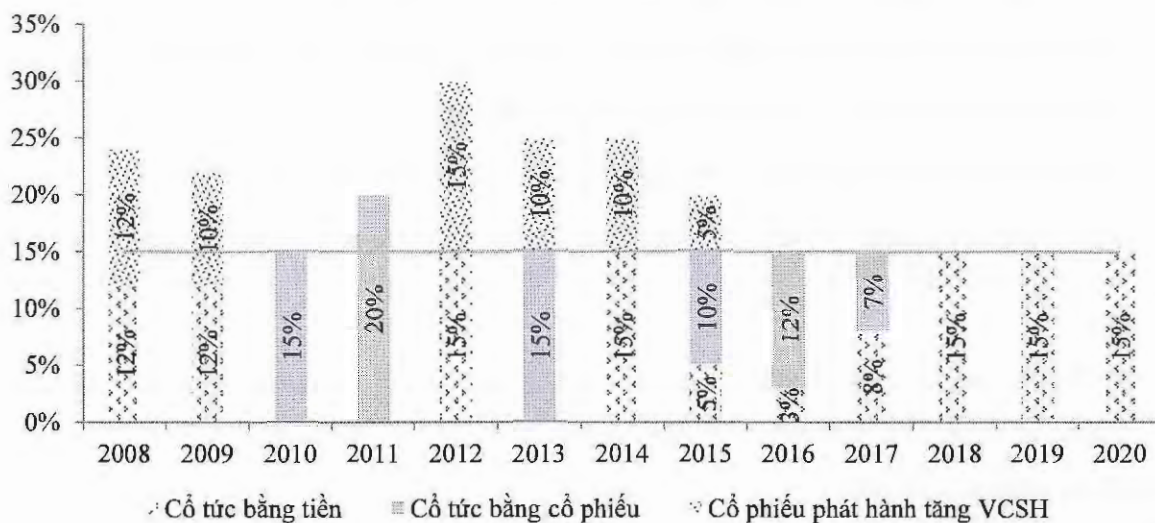
Việc phát hành cổ phiếu cho người lao động cũng được Công ty cân nhắc là một trong những hình thức phúc lợi nhằm gia tăng lợi ích của người lao động gắn với Công ty, giúp củng cố lực lượng nhân sự, đặc biệt là các nhân sự tay nghề cao, chất lượng và đồng hành cùng doanh nghiệp trong thời gian dài.

Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động: theo quy chế do HĐQT Công ty ban hành theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông tại các thời điểm phát hành cổ phiếu.

(Phần còn lại của trang này là cố ý để trống)

12. Chính sách cổ tức

Hình 14: Chính sách cổ tức của Công ty từ năm 2008 – năm 2020



Nguồn: CTCP Sợi Thế Kỷ

- Chính sách cổ tức của Sợi Thế Kỷ luôn ổn định và duy trì mức chi trả cổ tức trên mệnh giá là 15% cho cổ đông. Tùy theo kết quả kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm, cổ tức chi trả có thể bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu và tỷ lệ này có thể lớn hơn hoặc bằng 15% nhưng không nhỏ hơn 15%.
- Chính sách chi trả cổ tức hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

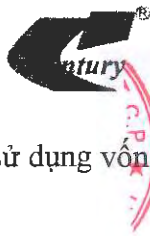
13.1. Báo cáo tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán gần nhất

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép phát hành số 83/GCN-UBCK ngày 28/12/2018.
- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03-2019/NQĐHĐCĐ/TK ngày 02/04/2019.
- Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành chi tiết như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Hạng mục	Số tiền
1	Số tiền thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu	
	Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động	59.937.800.000
2	Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho Cán bộ công nhân viên (ESOP)	
	Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động	6.000.000.000
TỔNG CỘNG		65.937.800.000

Nguồn: CTCP Sợi Thế Kỷ



Lũy kế đến ngày 09/10/2019, Công ty đã sử dụng vốn từ đợt phát hành để bổ sung vốn lưu động, cụ thể như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Hạng mục	Số tiền
1	Chi tiền bảo hiểm	6.556.242.592
2	Chi tiền điện	59.428.919.815
TỔNG CỘNG		65.985.162.407

Nguồn: Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn của Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán A&C

13.2. Thay đổi trong việc sử dụng vốn thực tế có sự điều chỉnh so với phương án ban đầu:

	Phương án ban đầu	Phương án điều chỉnh
Phương án sử dụng vốn	Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để đầu tư cho Dự án Trảng Bàng giai đoạn 4	Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho Tổ chức phát hành
Phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Đại hội đồng cổ đông Theo nghị quyết số 03-2018/NQ-ĐHĐCĐ/TK	Đại hội đồng cổ đông Theo nghị quyết số 03-2019/NQ-ĐHĐCĐ/TK
Nguyên nhân điều chỉnh		Điều chỉnh do tiến độ thực tế dự án không còn phù hợp với thời điểm kết thúc đợt phát hành.
Thời điểm thực hiện		02/04/2019

Nguồn: CTCP Sợi Thế Kỷ

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

a. Thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất

– Hợp đồng thuê đất số 02/HĐCT ký ngày 03/07/2000 và các phụ lục hợp đồng giữa Công ty Thương mại Củ Chi (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp – Thương mại Củ Chi) và Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Thế Kỷ (nay là Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ).

Địa điểm: B1-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP.HCM

Diện tích: 16.777,50 m²

Thời hạn thuê: Đến tháng 6/2050.

Thời hạn thanh toán: Trả tiền thuê đất 05 năm một lần, thời hạn thanh toán gần nhất là ngày 31/07/2020 cho tiền thuê 5 năm (07/2020 đến 06/2025)

Phí duy tu và bảo dưỡng: Thanh toán hàng năm

– Hợp đồng thuê lại đất số 18/HĐ-TLĐ ký ngày 21/07/2009 và các phụ lục hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Tây Ninh và Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

Địa điểm: Đường số 8 Khu công nghiệp Trảng Bàng, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh

Diện tích: 50.000 m²

Thời hạn thuê: Đến ngày 14/07/2053.

Tiền thuê đất: Sợi Thế Kỹ đã thanh toán tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian sử dụng đất.

Phí duy tu cơ sở hạ tầng: Thanh toán hàng năm.

– Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 26/HĐ-TQSDĐ ký ngày 31/10/2017 và các phụ lục hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Tây Ninh và Chi nhánh Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ

Địa điểm: Đường số 8, Khu công nghiệp Trảng Bàng, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh

Diện tích: 11.030 m²

Thời hạn thuê: Đến ngày 14/07/2053.

Tiền thuê đất: Sợi Thế Kỹ đã thanh toán tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian sử dụng đất.

Phí duy tu cơ sở hạ tầng: Thanh toán hàng năm.

– Hợp đồng thuê lại đất số 05/15/HĐTLĐ-TTCIZ ký ngày 30/06/2015 và các phụ lục hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Thành Thành Công và Công ty Cổ phần Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX (nay là Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX)

Địa điểm: Lô A17.1, Đường C1, Khu công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

Diện tích: 100.183,13 m²

Thời hạn thuê: Đến ngày 26/12/2058.

Tiền thuê đất: UNITEX đã thanh toán tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian sử dụng đất.

Phí duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng: Thanh toán hàng năm

b. Thông tin về các cam kết ngoại bảng: Không có.

c. Thông tin về trái phiếu chưa đáo hạn: Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ xin cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm

hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

Bảng 17: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh Công ty hợp nhất

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	So sánh 2019/2020	So sánh 2020/2021	Quý 1/2022
Tổng giá trị tài sản	2.071.273.056.132	1.703.389.106.213	1.971.139.649.226	-18%	16%	2.076.762.241.749
Doanh thu thuần	2.228.984.623.663	1.765.666.338.639	2.042.388.712.623	-21%	16%	640.068.385.124
Lợi nhuận từ HĐKD	248.190.399.073	164.036.248.395	285.178.159.681	-34%	74%	88.927.235.517
Lợi nhuận khác	4.729.755.566	452.994.935	560.404.407	-90%	24%	118.616.081
Lợi nhuận trước thuế	252.920.154.639	164.489.243.330	285.738.564.088	-35%	74%	89.045.851.598
Lợi nhuận sau thuế	214.423.398.058	144.360.663.988	278.479.651.838	-33%	93%	76.303.671.315
Tỷ lệ cổ tức	15%	15%	15%	-	-	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020, 2021 đã kiểm toán và Quý 1/2022

của Công ty cổ phần Sợi Thể Kỹ

- Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế trong năm 2020 giảm 21% và 33% tương ứng so với năm 2019 vì năm 2020 Công ty bắt đầu chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ đợt dịch Covid 19.
- Sang đến năm 2021, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế tăng trưởng so với 2020 ở mức lần lượt là 16% và 93%, sở dĩ có mức tăng trưởng lớn như vậy vì đang so sánh kết quả của năm 2021 với một nền tảng tăng trưởng thấp của năm 2020. Khi so sánh 2 chỉ tiêu trên của năm 2021 với năm 2019, thì doanh thu của năm 2021 vẫn chưa đạt lại được mốc cũ của thời điểm trước khi xảy ra dịch Covid 19 (năm 2019) (chỉ bằng khoảng 91% của 2019). Lý do là năm 2021 mặc dù một số thị trường chiến lược như EU, Mỹ đã có sự mở cửa giao thương trở lại, nhưng đợt dịch Covid- 19 lần thứ 4 đã làm gián đoạn gần như toàn bộ nền kinh tế Việt Nam trong suốt Quý 3 và STK cũng không nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng đó.

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	So sánh 2020/2019	So sánh 2020/2021	Quý 1/2022
Tổng giá trị tài sản	2.069.956.413.253	1.701.745.871.990	1.969.936.449.566	-18%	16%	2.075.475.220.517
Doanh thu thuần	2.228.984.623.663	1.765.666.338.639	2.042.388.712.623	-21%	16%	640.068.385.124
Lợi nhuận từ HĐKD	248.204.710.028	163.709.657.051	285.583.194.244	-34%	74%	88.843.413.945
Lợi nhuận khác	4.729.755.566	452.994.935	595.404.407	-90%	31%	118.616.081
Lợi nhuận trước thuế	252.934.465.594	164.162.651.986	286.178.598.651	-35%	74%	88.962.030.026
Lợi nhuận sau thuế	214.437.709.013	144.034.072.644	278.919.686.401	-33%	94%	76.236.434.368
Tỷ lệ cổ tức	15%	15%	15%	-	-	

Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2019, 2020, 2021 đã kiểm toán và Quý 1/2022

của Công ty cổ phần Sợi Thể Kỳ

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

a. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong giai đoạn 2019 -2021

Năm 2020 sẽ đi vào lịch sử với sự tác động kinh hoàng của đại dịch Covid-19 ở khắp nơi trên thế giới. Để ngăn ngừa sự lây lan của dịch bệnh nguy hiểm này, nhiều quốc gia đã thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội, dẫn đến sự đảo lộn trong cuộc sống của người dân: người lớn làm việc tại nhà hoặc mất việc, học sinh nghỉ học hoặc học trực tuyến, các cơ sở kinh doanh thương mại và dịch vụ bị đóng cửa. Hệ quả là nhiều người lao động bị thất nghiệp và mất thu nhập, thương mại quốc tế bị sụt giảm nghiêm trọng và các chuỗi cung ứng toàn cầu bị tê liệt. Trong bối cảnh đó, ngành dệt may toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tuy nhiên nhờ khả năng kiểm soát dịch bệnh tốt của Việt Nam trong năm 2020, nên so với các đối thủ cạnh tranh như Trung Quốc, Ấn Độ, ngành dệt may Việt Nam đã hạn chế được sự sụt giảm kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc ở các thị trường lớn như Mỹ và Nhật. Do những khó khăn trong việc bán hàng trong giai đoạn Quý 2 và Quý 3-2020 khi các thị trường tiêu thụ sản phẩm may mặc chính như Mỹ, EU và Nhật Bản chìm trong bệnh dịch, doanh thu và lợi nhuận năm 2020 của Sợi Thể Kỳ đã sụt giảm với tỷ lệ tương ứng là 20,8% (doanh thu) và 33,1% (lợi nhuận) so với năm 2019.

b. Dự báo những nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022 – 2023

Năm 2021 thị trường chung trên thế giới vẫn chưa phục hồi hoàn toàn vì vẫn còn những đợt bùng phát dịch bệnh ở các thị trường lớn. Đặc biệt, tại Việt Nam đợt dịch Covid-19 lần thứ 4 kéo dài hết Quý 2 và Quý 3 năm 2021, cả nước phải thực hiện giãn cách triệt để trên diện rộng đã làm xáo trộn và gián đoạn chuỗi cung ứng sản xuất. Mặc dù vậy, tăng trưởng của ngành dệt may, xơ sợi

Việt Nam nói chung và của STK nói riêng trong các năm tới vẫn còn nhiều cơ hội. Các lợi thế về thuế quan của Việt Nam trong các hiệp định thương mại đã ký với Nhật Bản, Hàn Quốc, CPTPP và Hiệp định tự do thương mại Việt Nam EU (“EVFTA”), cũng như khả năng kiểm soát bệnh dịch của Việt Nam sẽ là lực hút các đơn hàng dệt may dịch chuyển về Việt Nam. Với bối cảnh thị trường đó, STK sẽ tiếp tục tập trung vào chiến lược sản phẩm và lấy khách hàng làm trọng tâm, tận dụng cơ hội để mở rộng mạng lưới khách hàng, đa dạng hoá sản phẩm với các tính năng khác nhau, kiện toàn chuỗi cung ứng nguyên liệu-thành phẩm, nhằm đạt được những thắng lợi mới trong năm 2021.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 18: Vốn điều lệ

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
Vốn điều lệ (đồng)	707.269.440.000	707.269.440.000	707.269.440.000

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020, 2021 đã kiểm toán và Quý 1/2022 của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ

Bảng 19: Nguồn vốn kinh doanh của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

ST T	Chỉ tiêu	Hợp nhất			
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
I	Tổng nợ	988.153.508.712	620.597.385.805	712.146.217.980	741.465.139.188
1	Nợ ngắn hạn	823.668.989.301	568.582.386.996	711.866.113.607	741.111.619.731
2	Nợ dài hạn	164.484.519.411	52.014.998.809	280.104.373	353.519.457
II	Vốn chủ sở hữu	1.083.119.547.420	1.082.791.720.408	1.258.993.431.246	1.335.297.102.561
	Tổng nguồn vốn	2.071.273.056.132	1.703.389.106.213	1.971.139.649.226	2.076.762.241.749

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020, 2021 đã kiểm toán và Quý 1/2022 của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ

Bảng 20: Nguồn vốn kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ			
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
I	Tổng nợ	986.785.068.712	619.228.945.805	710.777.777.980	740.080.114.563
1	Nợ ngắn hạn	822.300.549.301	567.213.946.996	710.497.673.607	739.726.595.106
2	Nợ dài hạn	164.484.519.411	52.014.998.809	280.104.373	353.519.457
II	Vốn chủ sở hữu	1.083.171.344.541	1.082.516.926.185	1.259.158.671.586	1.335.395.105.954
	Tổng nguồn vốn	2.069.956.413.253	1.701.745.871.990	1.969.936.449.566	2.075.475.220.517

Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2019, 2020, 2021 đã kiểm toán và Quý 1/2022

của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ

Bảng 21: Tình hình vốn chủ sở hữu của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất			
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
1	Vốn cổ phần đã phát hành	707.269.440.000	707.269.440.000	707.269.440.000	707.269.440.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	70.726.944	70.726.944	70.726.944	70.726.944
	- Cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0
2	Thặng dư vốn cổ phần	35.093.198.872	35.093.198.872	35.093.198.872	35.093.198.872
3	Vốn khác của chủ sở hữu	0	0	0	0
4	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	0	0	0	0
5	Quỹ đầu tư phát triển	1.219.011.000	1.219.011.000	1.219.011.000	1.219.011.000
6	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0	0	0
7	Lợi nhuận chưa phân phối	339.537.897.548	381.620.620.536	557.822.331.374	634.126.002.689
	-Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến cuối năm trước	125.114.499.490	237.259.956.548	279.342.679.536	557.822.331.374
	-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/ cuối kỳ này	214.423.398.058	144.360.663.988	278.479.651.838	76.303.671.315
8	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	0	0	0	0
	Tổng cộng nguồn vốn chủ sở hữu	1.083.119.547.420	1.082.791.720.408	1.258.993.431.246	1.335.297.102.561

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020, 2021 đã kiểm toán và Quý 1/2022 của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ

Bảng 22: Tình hình vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ			
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
1	Vốn cổ phần đã phát hành	707.269.440.000	707.269.440.000	707.269.440.000	707.269.440.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	70.726.944	70.726.944	70.726.944	70.726.944
	-Cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0
2	Thặng dư vốn cổ phần	35.093.198.872	35.093.198.872	35.093.198.872	35.093.198.872
3	Vốn khác của chủ sở hữu	0	0	0	0
4	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	0			0
5	Quỹ đầu tư phát triển	1.219.011.000	1.219.011.000	1.219.011.000	1.219.011.000
6	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0	0	0
7	Lợi nhuận chưa phân phối	339.589.694.669	381.345.826.313	557.987.571.714	634.224.006.082
	-Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến cuối năm trước	125.151.985.656	237.311.753.669	279.067.885.313	557.987.571.714
	-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/ cuối kỳ này	214.437.709.013	144.034.072.644	278.919.686.401	76.236.434.368

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ			
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
8	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	0	0	0	0
	Tổng cộng nguồn vốn chủ sở hữu	1.083.171.344.541	1.082.516.926.185	1.259.158.671.586	1.335.395.105.954

Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2019, 2020, 2021 đã kiểm toán và Quý 1/2022 của Công ty cổ phần Sợi Thép Kỳ

2.1.2 Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 – 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
Phần mềm máy vi tính	4 – 5 năm

Công ty cổ phần Sợi Thép Kỳ luôn tuân thủ các quy trình về trích khấu hao tài sản cố định, đảm bảo quy định pháp luật về chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.1.3 Mức lương bình quân

Tùy theo quy định của từng doanh nghiệp mà mức lương công nhân may sẽ được tính theo giờ làm việc hay theo sản phẩm. Ngoài ra mức lương công nhân may mặc còn phụ thuộc vào tay nghề và kinh nghiệm làm việc.

Theo đánh giá và khảo sát của Công ty, mức thu nhập phổ biến của công nhân may trên thị trường dệt may Việt Nam nói chung, đối với dạng lao động toàn thời gian, không tăng ca hiện nay dao động trong khoảng 4 – 6 triệu đồng/tháng với khu vực thành phố và 3,5 – 5 triệu đồng/tháng với khu vực nông thôn. Những công nhân may có tay nghề cao, nhiều kinh nghiệm thì mức lương sẽ khoảng 6 – 9 triệu đồng/tháng.

Mức lương bình quân cán bộ công nhân viên Sợi Thép Kỳ năm 2020 từ 8-9 triệu đồng/người/tháng. So với mức lương cơ bản theo quy định của các cơ quan Nhà nước, mức lương bình quân của Công ty được đánh giá là tốt, cũng là mức ngang bằng so với mặt bằng chung của thị trường.

Mức lương của một số Công ty cùng ngành (theo thu thập từ Báo cáo thường niên năm 2020 của các công ty này hoặc đối với các Công ty không có số liệu công bố nên tạm tính bằng Chi phí nhân viên trong Chi phí sản xuất kinh doanh theo từng yếu tố chia cho số lượng lao động bình quân của

năm 2020 được nêu tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán của các công ty này làm cơ sở so sánh):

- Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (Mã chứng khoán: GIL): 9,8 triệu đồng/người/tháng (Theo báo cáo thường niên năm 2020).
- Công ty cổ phần May Sông Hồng (Mã chứng khoán: MSH): 9,2 triệu đồng/người/tháng. (Theo báo cáo thường niên năm 2020).
- Công ty cổ phần Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công (Mã chứng khoán: TCM): 12 triệu đồng/người/ tháng (Tính toán theo số liệu tại Báo cáo tài chính và báo cáo thường niên 2020).

2.1.4. Tình hình công nợ

a. Các khoản phải thu

Bảng 23: Các khoản phải thu của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất			
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	98.415.173.904	97.688.087.322	87.022.805.785	147.822.084.239
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	94.290.868.321	92.809.238.635	69.083.156.471	111.708.454.362
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.446.151.451	3.217.507.951	16.351.481.025	33.883.690.734
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	0	0	0	0
4	Phải thu ngắn hạn khác	1.678.154.132	1.661.340.736	1.588.168.289	2.229.939.143
II	Các khoản phải thu dài hạn	0	11.279.690.982	11.279.690.982	11.279.690.982
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	0	0	0	0
2	Phải thu về cho vay dài hạn	0	11.279.690.982	11.279.690.982	11.279.690.982
3	Phải thu dài hạn khác	0	0	0	0
	Tổng nợ phải thu	98.415.173.904	108.967.778.304	98.302.496.767	159.101.775.221

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020, 2021 đã kiểm toán và Quý 1/2022 của Công ty cổ phần Sợi Thể Kỹ

Bảng 24: Các khoản phải thu của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ			
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	103.046.290.685	102.308.876.103	92.200.177.566	159.230.001.018
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	94.290.868.321	92.809.238.635	69.083.156.471	111.708.454.362
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.446.151.451	3.217.507.951	5.258.024.025	1.543.758.732
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	0	0	0	0
4	Phải thu ngắn hạn khác	6.309.270.913	6.282.129.517	17.858.997.070	45.977.787.924
II	Các khoản phải thu dài hạn	0	11.279.690.982	11.279.690.982	11.279.690.982

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ			
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	0	0	0	0
2	Phải thu về cho vay dài hạn	0	11.279.690.982	11.279.690.982	11.279.690.982
3	Phải thu dài hạn khác	0	0	0	0
	Tổng nợ phải thu	103.046.290.685	113.588.567.085	103.479.868.548	170.509.692.000

Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2019, 2020, 2021 đã kiểm toán và Quý 1/2022 của Công ty cổ phần Sợi Thể Kỹ

- Các khoản phải thu quá hạn: không có

b. Các khoản phải trả

Bảng 25: Các khoản phải trả của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất			
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
1	Phải trả người bán ngắn hạn	228.826.462.237	261.567.062.160	291.395.910.347	313.868.108.801
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	38.904.567.735	43.677.430.203	41.623.436.088	25.085.476.310
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.011.823.443	4.881.465.992	11.810.815.168	14.110.686.401
4	Phải trả người lao động	28.186.498.161	20.994.484.171	26.624.030.474	21.316.930.295
5	Chi phí trả ngắn hạn	7.245.093.814	5.142.883.544	8.266.264.038	8.180.367.906
6	Phải trả ngắn hạn khác	5.310.529.163	6.173.815.761	6.233.724.905	6.973.728.969
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	510.474.231.598	222.563.222.915	321.327.876.336	347.005.820.000
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.709.783.150	3.582.022.250	4.584.056.251	4.570.501.049
9	Phải trả người bán dài hạn	0	0	0	0
10	Phải trả, phải nộp dài hạn khác	0	0	0	0
11	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	164.112.248.703	52.014.998.809	0	0
12	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	0	0	0
13	Dự phòng phải trả dài hạn	372.270.708	336.917.583	280.104.373	353.519.457
	Tổng nợ phải trả	988.153.508.712	620.934.303.388	712.146.217.980	741.465.139.188

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020, 2021 đã kiểm toán và Quý 1/2022 của Công ty cổ phần Sợi Thể Kỹ

Bảng 26: Các khoản phải trả của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ
-----	----------	------------

		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
1	Phải trả người bán ngắn hạn	227.458.022.237	260.198.622.160	290.027.470.347	312.499.668.801
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	38.904.567.735	43.677.430.203	41.623.436.088	25.085.476.310
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.011.823.443	4.881.465.992	11.810.815.168	14.094.101.776
4	Phải trả người lao động	28.186.498.161	20.994.484.171	26.624.030.474	21.316.930.295
5	Chi phí trả ngắn hạn	7.245.093.814	5.142.883.544	8.266.264.038	8.180.367.906
6	Phải trả ngắn hạn khác	5.310.529.163	6.173.815.761	6.233.724.905	6.973.728.969
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	510.474.231.598	222.563.222.915	321.327.876.336	347.005.820.000
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.709.783.150	3.582.022.250	4.584.056.251	4.570.501.049
9	Phải trả người bán dài hạn	0	0	0	0
10	Phải trả, phải nộp dài hạn khác	0	0	0	0
11	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	164.112.248.703	51.678.081.226	0	0
12	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	0	0	0
13	Dự phòng phải trả dài hạn	372.270.708	336.917.583	280.104.373	353.519.457
	Tổng nợ phải trả	986.785.068.712	619.228.945.805	710.777.777.980	740.080.114.563

Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2019, 2020, 2021 đã kiểm toán và Quý 1/2022 của Công ty cổ phần Sợi Thể Kỹ

2.1.5. Tình hình thanh toán các khoản nợ:

- Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020 và 2021 đã kiểm toán, kể từ khi thành lập đến hiện tại Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.
- Tình hình thanh toán các khoản nợ của Công ty con: Công ty TNHH MTV Sợi, Dệt nhuộm UNITEX luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ kể từ khi thành lập.
- Công ty và công ty con không vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng và các cam kết có liên quan.

2.1.6. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn nộp đúng và đủ các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định của Nhà nước.

Bảng 27: Tình hình các khoản phải nộp theo luật định của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

STT	Chi tiêu	Hợp nhất			
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.713.164.081	4.544.600.004	6.499.586.755	8.459.177.873
2	Thuế thu nhập cá nhân	255.901.763	251.125.870	113.431.355	133.696.224
3	Thuế giá trị gia tăng		85.740.118	5.197.797.058	5.517.812.304
4	Thuế xuất, nhập khẩu	42.757.599	0	0	0
5	Thuế nhà thầu	0	0	0	0
	Tổng cộng	2.011.823.443	4.881.465.992	11.810.815.168	14.110.686.401

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, 2021 và Báo cáo tài chính Quý 1/2022 hợp nhất của Công ty cổ phần Sợi Thể Kỳ

Bảng 28: Tình hình các khoản phải nộp theo luật định của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ			
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	Quý 1/2022
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.713.164.081	4.544.600.004	6.499.586.755	8.442.593.248
2	Thuế thu nhập cá nhân	255.901.763	251.125.870	113.431.355	133.696.224
3	Thuế giá trị gia tăng		85.740.118	5.197.797.058	5.517.812.304
4	Thuế xuất, nhập khẩu	42.757.599	0	0	0
5	Thuế nhà thầu	0	0	0	0
	Tổng cộng	2.011.823.443	4.881.465.992	11.810.815.168	14.094.101.776

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, 2021 và Báo cáo tài chính Quý 1/2022 công ty mẹ của Công ty cổ phần Sợi Thể Kỳ

2.1.7. Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành. Mức trích cho từng quỹ được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thông tin về các quỹ được trích lập trong 02 năm gần nhất tính đến thời điểm đăng ký chào bán lần này:

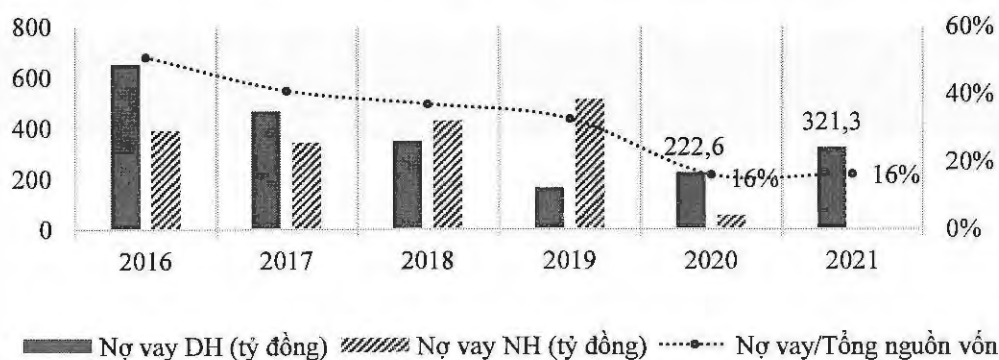
Bảng 29: Tình hình trích lập quỹ của Công ty

Các quỹ trích lập	2019	2020	2021	Quý 1/2022
Quỹ đầu tư và phát triển	1.219.011.000 đồng	1.219.011.000 đồng	1.219.011.000 đồng	1.219.011.000 đồng

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020, 2021 đã kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý 1/2022 hợp nhất của Công ty cổ phần Sợi Thể Kỳ

2.1.7. Tổng dư nợ vay

Hình 15: Tỷ trọng nợ vay trên tổng nguồn vốn từ 2016-2021, đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: CTCP Sợi Thể Kỳ

Năm 2021, tổng nợ vay phải trả của Công ty chiếm 16% trong tổng nguồn vốn, tương đương với tỷ trọng năm 2020. Công ty chủ động trả các khoản nợ dài hạn để giảm chi phí tài chính, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh.

Bảng 30: Tổng dư nợ vay tài chính Công ty hợp nhất

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	Tăng giảm của 2019/2020	Tăng giảm của 2020/2021	Quý 1/2022
Nợ vay ngắn hạn	510.474.231.598	222.563.222.915	321.327.876.336	-56%	44%	321.327.876.336
Nợ vay dài hạn	164.112.248.703	51.678.081.226	0	-69%	100%	0
Tổng nợ vay	674.586.480.301	274.241.304.141	321.327.876.336			321.327.876.336

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020, 2021 đã kiểm toán và Quý 1/2022 của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ

2.1.8. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

- Khủng hoảng kinh tế toàn cầu, thiên tai, dịch bệnh có thể ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu dùng sản phẩm dệt may và do đó có thể ảnh hưởng tới khả năng bán hàng của doanh nghiệp.
- Sự thay đổi của các chính sách pháp luật về thuế, hải quan, bảo vệ môi trường, lao động có thể làm tăng chi phí vận hành của doanh nghiệp.
- Sự biến động giá cả trên thị trường thế giới có thể ảnh hưởng tới giá mua nguyên vật liệu và giá bán thành phẩm của Công ty.
- Nguyên vật liệu chính trong quá trình sản xuất (hạt nhựa, dầu) đều phải nhập khẩu.
- Sự biến động của lãi suất có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính của Công ty.
- Công ty có thể không tạo ra được dòng tiền để chi trả các khoản vay và tài trợ vốn cho các dự án đầu tư mới.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 31: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty giai đoạn năm 2019, 2020, 2021 và Quý 1/2022

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hợp nhất				Công ty mẹ			
			2019	2020	2021	Quý 1/2022	2019	2020	2021	Quý 1/2022
1	Khả năng thanh toán									
	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,07	1,11	1,39	1,51	1,07	1,11	1,39	1,51
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,43	0,41	0,72	0,96	0,43	0,40	0,72	0,96
2	Cơ cấu vốn									
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,91	0,57	0,57	0,56	0,91	0,57	0,56	0,55
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,48	0,36	0,36	0,36	0,48	0,36	0,36	0,36
3	Năng lực hoạt động									

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hợp nhất				Công ty mẹ			
			2019	2020	2021	Quý 1/2022	2019	2020	2021	Quý 1/2022
	Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Lần	3,47	3,21	3,83	1,15	3,47	3,46	3,64	1,15
	Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,06	0,94	1,11	0,26	1,06	0,96	1,11	0,26
	Vòng quay vốn lưu động	Lần	2,65	2,33	2,52	0,61	2,65	2,19	2,53	0,61
4	Tỷ suất sinh lời									
	Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	9,62%	8,18%	13,63%	11,92%	9,62%	8,16%	13,66%	11,91%
	Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	10,23%	7,86%	15,16%	3,67%	10,24%	7,85%	15,19%	3,67%
	Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	21,53%	13,33%	23,78%	5,71%	21,53%	12,30%	23,82%	5,71%
	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	3.031,7	2.041,1	3.937,4	1.078,9	3.031,9	2.036,5	3.943,6	1.077,9

Nguồn: CTCP Sợi Thép Kỳ

a. Khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán phản ánh mức độ an toàn tài chính, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và đảm bảo Công ty không rơi vào tình trạng kiệt quệ. Hệ số thanh toán ngắn hạn được của Công ty được duy trì ổn định và lớn hơn 1 qua các năm, phản ánh Công ty có thể hoàn toàn bù đắp đủ các nghĩa vụ nợ phát sinh.

b. Cơ cấu vốn

Hệ số nợ/Tổng tài sản có xu hướng giảm trong 3 năm gần nhất, từ mức 0,48 lần của năm 2019 về mức 0,36 lần của năm 2021.

Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu cũng lần lượt giảm trong 3 năm từ 2019 đến 2021. Năm 2019 Công ty tăng vốn điều lệ (từ 599.377.980.000 đồng lên 707.269.440.000 đồng) tuy nhiên tổng nợ vẫn ở mức cao (988.153.508.712 đồng), còn sang đến 2020 thì tổng nợ đã giảm đáng kể (xuống mức 620.597.385.805 đồng), cộng thêm phần lợi nhuận chưa phân phối của năm 2019 nên hệ số nợ của năm 2020 đã giảm đáng kể (còn 0,51 lần). Sang 2021 tổng nợ phải trả tăng lên (712.146.217.980 đồng) do chủ yếu tăng tỉ lệ vay tài chính ngắn hạn (từ 222.563.222.915 đồng lên 321.327.876.336 đồng) để đáp ứng được các đơn hàng quốc tế bắt đầu quay trở lại, đi kèm với đó là phần vốn chủ sở hữu đã bao gồm khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2020 và phần lợi nhuận sau thuế của năm 2021, nên tỉ lệ nợ/vốn chủ sở hữu của năm 2021 vẫn được giữ ở mức ổn định (bằng với 2020).

c. Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho bình quân của năm 2020 giảm so với 2019 (3,21 so với 3,47), Vòng quay tổng tài sản của năm 2020 cũng giảm so với năm 2019 (0,94 so với 1,06), nguyên nhân khách quan là do dịch bệnh Covid-19 bắt đầu phát sinh từ đầu năm 2020, và các nước tại khu vực Liên minh Châu Âu (EU), Châu Mỹ (Mỹ, Canada), Châu Á (Hàn Quốc, Nhật Bản), và cả nguồn cung ứng đầu vào là thị trường Trung Quốc thực hiện cách

ly xã hội trên diện rộng, nên khiến cho thời gian tồn kho của hàng hóa bị kéo dài hơn, bên cạnh đó là sự gián đoạn của chuỗi cung ứng, vận chuyển cũng là nguyên nhân dẫn đến thời gian tồn kho bị kéo dài.

Sang đến năm 2021, vòng quay hàng tồn kho bình quân, vòng quay tổng tài sản và vòng quay vốn lưu động đã được cải thiện hơn so với năm 2020, nguyên nhân là do Công ty đã chủ động đẩy mạnh hàng tồn kho, đưa số ngày lưu trữ hàng tồn kho về số ngày tiêu chuẩn, góp phần giảm chi phí hoạt động của Công ty.

d. Tỷ suất sinh lời

Tất cả các chỉ số về tỷ suất sinh lời của năm 2020 đều giảm so với năm 2019, điều này có thể dễ thấy là do tác động của dịch bệnh Covid 19 kéo dài suốt năm 2020 khi lĩnh vực sản xuất, khu công nghiệp là những ngành bị chịu tác động nặng nề nhất. Sang đến năm 2021, khi các thị trường chính là các nước EU, Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản đã bắt đầu mở cửa biên giới trở lại thì các hệ số này đã được cải thiện đáng kể.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Đối với Báo cáo tài chính của Công ty mẹ:

Ý kiến kiểm toán viên của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam tại báo cáo tài chính riêng năm 2021:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

Ý kiến kiểm toán viên của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam tại báo cáo tài chính riêng năm 2020:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

Ý kiến kiểm toán viên của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam tại báo cáo tài chính riêng năm 2019:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ý kiến kiểm toán viên của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam tại báo cáo tài chính riêng năm 2021:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

Ý kiến kiểm toán viên của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam tại báo cáo tài chính riêng năm 2020:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

Ý kiến kiểm toán viên của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam tại báo cáo tài chính riêng năm 2019:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty theo Nghị quyết số 01-2022/NQ-DHĐCĐ/TK của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 như sau:

(Phần còn lại của trang này là cổ ý để trống)

Bảng 32: Kế hoạch kinh doanh năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Thực hiện 2021	Dự báo 2022	Dự báo 2022 so với thực hiện 2021
1	Doanh thu thuần (đồng)	1.765.666.338.639	2.042.388.712.623	2.605.732.634.406	27,6%
2	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	144.360.663.988	278.479.651.838	300.270.851.006	7,9%
3	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	8%	13,6%	11,5%	-2,1%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	13%	22,1%	N/A	N/A
5	Tỷ lệ cổ tức	15%	15%	15%	100%

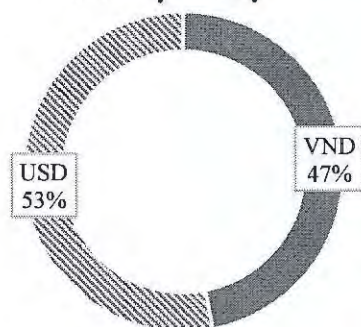
Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Thép Kỹ

Một số giả định cho dự báo kết quả kinh doanh năm 2022

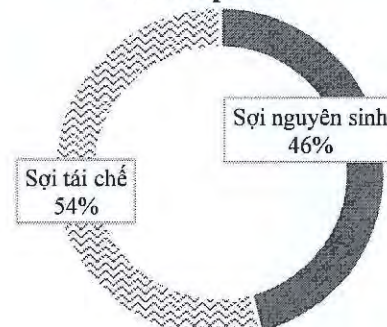
- Tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu dự kiến đạt được khoảng 54% trong năm 2022;
- Đơn giá bán bình quân tăng 11% so với thực hiện năm 2021 (do chủ yếu là do tăng tỷ trọng sợi tái chế trong tổng doanh thu và đơn giá bán bình quân của sợi nguyên sinh và tái chế dự kiến tăng tương ứng 11% và 6% so với năm 2021);
- Chênh lệch giữa giá bán và giá hạt nhựa bình quân dự kiến sẽ tăng 4% so với thực hiện năm 2021;
- Chi phí bán hàng dự kiến tăng 60% do dự kiến chi phí vận chuyển nước ngoài sẽ tăng;
- Tỷ giá hối đoái tại ngày chốt 31/12/2022 dự kiến tăng 1% so với tỷ giá tại ngày chốt 31/12/2021;
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bình quân dự kiến khoảng 11,7%.

Hình 16: Cơ cấu doanh thu thuần dự kiến năm 2022 theo loại tiền tệ và theo sản phẩm

Doanh thu thuần dự kiến năm 2022
theo loại tiền tệ



Doanh thu thuần dự kiến năm 2022
theo sản phẩm



Nguồn: CTCP Sợi Thép Kỹ

5. Ý kiến của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Dựa trên các đánh giá khách quan về thông tin và các giả định do Công ty cổ phần Sợi Thể Kỹ cung cấp, cũng như những đánh giá chung về ngành nghề kinh doanh cũng như tình hình vĩ mô của Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung trong năm 2022, Công ty cổ phần Chứng khoán MB (MBS) với tư cách là tổ chức tư vấn phát hành đánh giá Công ty cổ phần Sợi Thể Kỹ có khả năng đáp ứng được những điều kiện để đạt được doanh thu, lợi nhuận như kế hoạch đã đề ra nếu như không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”.

Công ty Cổ phần Sợi Thể Kỹ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 11/04/2005. Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

a. Danh sách cổ đông lớn của Công ty:

Tính đến ngày 25/04/2022, danh sách cổ đông lớn của Công ty cổ phần Sợi Thể Kỹ như sau:

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu trên VDL
1	Công ty cổ phần Đầu tư Hướng Việt	14.137.593	19,99%
2	Đặng Triệu Hòa	9.749.367	13,78%
3	Đặng Mỹ Linh	10.134.305	14,33%
4	Đặng Hướng Cường	5.981.235	8,46%
5	Tăng Kiến Nghiệp	3.661.512	5,18%
	Tổng cộng	43.664.012	61,74%

Nguồn: Danh sách cổ đông của STK chốt ngày 25/04/2022

b. Số lượng cổ phần, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và người có liên quan của họ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán:

TT	Tên cổ đông	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn		Tại thời điểm đăng ký chào bán (theo danh sách cổ đông chốt ngày 25/04/2022)		Dự kiến sau đợt chào bán	
		Số lượng cổ phần nắm giữ/ Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Số lượng cổ phần nắm giữ/ Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL	Số lượng cổ phần nắm giữ/ Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết (*)	Tỷ lệ sở hữu trên VDL (**)
1	Công ty cổ phần Đầu tư Hướng Việt	7.928.668	18,96%	14.137.593	19,99%	16.965.111	19,99%
2	Đặng Triệu Hòa	5.881.449	14,07%	9.749.367	13,78%	11.699.240	13,78%
2.1	Đặng Mỹ Linh	3.608.251	8,63%	10.134.305	14,33%	12.161.166	14,33%
2.2	Đặng Hướng Cường	3.608.251	8,63%	5.981.235	8,46%	7.177.482	8,46%
3	Đặng Mỹ Linh	3.608.251	8,63%	10.134.305	14,33%	12.161.166	14,33%
3.1	Đặng Triệu Hòa	5.881.449	14,07%	9.749.367	13,78%	11.699.240	13,78%
3.2	Đặng Hướng Cường	3.608.251	8,63%	5.981.235	8,46%	7.177.482	8,46%
4	Đặng Hướng Cường	3.608.251	8,63%	5.981.235	8,46%	7.177.482	8,46%
4.1	Đặng Triệu Hòa	5.881.449	14,07%	9.749.367	13,78%	11.699.240	13,78%
4.2	Đặng Mỹ Linh	3.608.251	8,63%	10.134.305	14,33%	12.161.166	14,33%
5	Tăng Kiến Nghiệp	3.691.512	5,22%	3.661.512	5,18%	4.393.814	5,18%

Nguồn: CTCP Sợi Thế Kỷ

Ghi chú:

(*): Số lượng cổ phần nắm giữ và số lượng cổ phần biểu quyết bằng nhau.

(**): Đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng này là đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu, theo đó, việc thay đổi tỷ lệ sở hữu của các cổ đông lớn, người có liên quan của cổ đông lớn sẽ phụ thuộc vào khả năng thực hiện quyền mua của các cổ đông này. Giá định các cổ đông này đều thực hiện quyền mua cổ phần thì tỷ lệ sở hữu của các cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn trước và sau khi chào bán gần như không thay đổi.

c. Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ

Không có.

d. Thông tin về cổ đông lớn là tổ chức

Tên Công ty	Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt
Năm thành lập	2009
Địa chỉ	Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ	1.000.000.000.000 đồng
Giấy CNDKDN	0309139688
HDKD chính	Tư vấn và đầu tư tài chính
Người đại diện theo pháp luật (tên, chức vụ)	Cao Quế Lâm, Chủ tịch HĐQT
Đại diện của cổ đông lớn lại STK (tên, chức vụ)	Võ Quang Long, Tổng Giám đốc
Số lượng CP nắm giữ tại TCPH	14.137.593
Tỉ lệ sở hữu tại TCPH trên VDL	19,99%
Lợi ích liên quan đối với TCPH	Không
Các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cổ đông và người có liên quan của cổ đông với TCPH	Không
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của TCPH	Không

e. Thông tin về cổ đông lớn là cá nhân

- Thông tin cổ đông lớn:

Tên cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch	SL cổ phiếu sở hữu (theo danh sách ngày 02/03/2022)	Tỉ lệ sở hữu trên VDL	Người có liên quan hiện tại/ dự kiến sau đợt chào bán	Lợi ích liên quan đối với TCPH
Đặng Triệu Hòa	1969	Việt Nam	9.749.367	13,78%	Đặng Mỹ Linh Đặng Hướng Cường	Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (nếu có) của Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
Đặng Mỹ Linh	1972	Việt Nam	10.134.305	14,33%	Đặng Triệu Hòa Đặng Hướng Cường	Thù lao, tiền thưởng (nếu có) của Chủ tịch HĐQT
Đặng Hướng Cường	1976	Việt Nam	5.981.235	8,46%	Đặng Mỹ Linh Đặng Triệu Hòa	Thù lao, tiền thưởng (nếu có)

Tên cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch	SL cổ phiếu sở hữu (theo danh sách ngày 02/03/2022)	Tỉ lệ sở hữu trên VDL	Người có liên quan hiện tại/ dự kiến sau đợt chào bán	Lợi ích liên quan đối với TCPH
						của Thành viên HĐQT
Tăng Kiên Nghiệp	1965	Việt Nam	3.661.512	5,17%	Không có	Không có
Tổng cộng			29.526.419	41,75%		

Nguồn: CTCP Sợi Thế Kỷ

- Lợi ích liên quan của cổ đông lớn tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

❖ Cổ đông lớn: Đặng Mỹ Linh có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp sau:

STT	Tên doanh nghiệp	Mối quan hệ của doanh nghiệp khác với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của cổ đông lớn của TCPH và những người liên quan của họ với doanh nghiệp (chức vụ, tỷ lệ sở hữu)	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An	Khách hàng	Mua bán hàng bách hóa Khách hàng mục tiêu: công ty dệt, may mặc Địa bàn hoạt động: Việt Nam	Cổ đông lớn Đặng Mỹ Linh giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tỷ lệ sở hữu: 86%	Các giao dịch với doanh nghiệp được thông qua theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của STK
2	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Lợi	Khách hàng	Bán buôn phụ liệu may mặc, bán buôn sợi dệt Khách hàng mục tiêu: công ty dệt, may mặc Địa bàn hoạt động: Việt Nam	Chồng của cổ đông lớn Đặng Mỹ Linh là cổ đông lớn của doanh nghiệp, tỷ lệ sở hữu: 80%	Các giao dịch với doanh nghiệp được thông qua theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của STK

❖ Cổ đông lớn: Đặng Hường Cường có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp sau:

(Phần còn lại của trang này là cố ý để trống)

STT	Tên doanh nghiệp	Mối quan hệ của doanh nghiệp khác với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của cổ đông lớn của TCPH và những người liên quan của họ với doanh nghiệp (chức vụ, tỷ lệ sở hữu)	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Khách hàng	Sản xuất sợi tơ Khách hàng mục tiêu: công ty dệt, may mặc Địa bàn hoạt động: Việt Nam	Cổ đông Đặng Hường Cường giữ chức vụ Giám đốc Tỷ lệ sở hữu: 70%	Các giao dịch với doanh nghiệp được thông qua theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của STK

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

Cơ cấu Hội đồng quản trị ở thời điểm hiện tại như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
1	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	1972
2	Đặng Triệu Hòa	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	1969
3	Đặng Hường Cường	Thành viên HĐQT	1976
4	Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT	1966
5	Võ Quang Long	Thành viên HĐQT	1978
6	Chen Che Jen	Thành viên HĐQT	1964
7	Nguyễn Quốc Hương	Thành viên HĐQT	1971

✓ Bà Đặng Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Họ và tên:	Đặng Mỹ Linh
Ngày tháng năm sinh:	19/01/1972
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	023323687 do Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/02/2011
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	65/39 Phú Thọ, P1, Quận 11, TP.HCM
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:				
- Từ năm 1993 – 1999:		- Trợ lý Tổng Giám đốc Worldtex Enterprise Co. Ltd		
- Từ năm 2000 - nay:		- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ		
- Từ năm 2001 - nay:		- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TM & ĐT Liên An Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV PT BĐS Khải Tiến		
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK:		Chủ tịch HĐQT		
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:		- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An - Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Phát triển Bất động sản Khải Tiến		
Số cổ phần đang nắm giữ tại STK:		10.134.305 cổ phần, chiếm 14,33% vốn điều lệ		
- Đại diện sở hữu:		0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ		
- Cá nhân sở hữu:		10.134.305 cổ phần, chiếm 14,33% vốn điều lệ		
- Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH:				
STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu/DKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ	Mối quan hệ
1	Đặng Triệu Hòa	079069011874	Số CP: 9.749.367 Tỷ lệ sở hữu: 13,78%	Anh trai Ông Đặng Triệu Hòa giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của TCPH
2	Đặng Hương Cường	023323688	Số CP: 5.981.235 Tỷ lệ sở hữu: 8,46%	Em trai Ông Đặng Hương Cường giữ chức vụ Thành viên HĐQT của TCPH
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không		
Các lợi ích có liên quan tới TCPH:				
1	Thù lao và lợi ích khác nhận được từ TCPH	Năm 2020	Năm 2021	
	- Tiền thù lao:	120.000.000 đồng	150.000.000 đồng	
	- Cổ phiếu nhận được theo chương trình lựa chọn người lao động:	Không	Không	
2	Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực	Không		

hiện với chính TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:	
Khoản nợ đối với TCPH:	Không
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của TCPH:	Đã trình bày ở Điểm 2 Mục VI của Bản cáo bạch

✓ Ông Đặng Triệu Hòa – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Đặng Triệu Hòa	Giới tính: Nam		
Ngày tháng năm sinh:	19/10/1969			
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	079069011874 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/07/2019			
Quốc tịch:	Việt Nam			
Địa chỉ thường trú:	Số 51 (A30) Đường Bàu Cát, Quận Tân Bình, TP.HCM			
Trình độ chuyên môn:	Quản trị kinh doanh			
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1991 – 1995: Giám đốc Công ty TNHH TM-DV Việt Phú. - Từ năm 1995 – 2000: Giám đốc Công ty TNHH TM-DV Hoàn Á - Từ năm 2000 – 02/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ - Từ 02/2020 – nay : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ 			
Chức vụ công tác hiện nay tại STK:	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc			
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không			
Số cổ phần đang nắm giữ tại STK:	9.749.367 cổ phần, chiếm 13,78% vốn điều lệ			
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ			
- Cá nhân sở hữu:	9.749.367 cổ phần, chiếm 13,78% vốn điều lệ			
- Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH:				
STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ	Mối quan hệ
1	Đặng Mỹ Linh	023323687	Số CP: 10.134.305 Tỷ lệ sở hữu: 14,33%	Em gái

				Bà Đặng Mỹ Linh giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT của TCPH
2	Đặng Hương Cường	023323688	Số CP: 5.981.235 Tỷ lệ sở hữu: 8,46%	Em trai Ông Đặng Hương Cường giữ chức vụ Thành viên HĐQT của TCPH
Hành vi vi phạm pháp luật:			Không	
Các lợi ích có liên quan tới TCPH:				
1	Thù lao và lợi ích khác nhận được từ TCPH		Năm 2020	Năm 2021
	- Tiền thù lao:		120.000.000 đồng	150.000.000 đồng
	- Tiền lương:		1.595.994.815 đồng	1.616.193.147 đồng
	- Cổ phiếu nhận được theo chương trình lựa chọn người lao động:		Không	Không
2	Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với chính TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:		Không	
Khoản nợ đối với TCPH:			Không	
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của TCPH:			Không	

✓ Ông Đặng Hương Cường – Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên:	Đặng Hương Cường	Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh:	04/07/1976	
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	023323688 do Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12/07/2014	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú:	65/39 Phú Thọ, P1, Quận 11, TP.HCM	
Trình độ chuyên môn:	Quản trị kinh doanh	
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 2000 đến nay: <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ - Từ năm 2004 đến nay: <ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc Công ty TNHH P.A.N Châu Á 	

Các chức vụ công tác hiện nay tại STK		Thành viên HĐQT		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác		Giám đốc Công ty TNHH P.A.N Châu Á		
Số cổ phần đang nắm giữ tại STK		5.981.235 cổ phần, chiếm 8,46% vốn điều lệ		
- Đại diện sở hữu:		0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ		
- Cá nhân sở hữu:		5.981.235 cổ phần, chiếm 8,46% vốn điều lệ		
- Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH:				
STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu/DKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ	Mối quan hệ
1	Đặng Triệu Hòa	079069011874	Số CP: 9.749.367 Tỷ lệ sở hữu: 13,78%	Anh trai Ông Đặng Triệu Hòa giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của TCPH
2	Đặng Mỹ Linh	023323687	Số CP: 10.134.305 Tỷ lệ sở hữu: 14,33%	Chị gái Bà Đặng Mỹ Linh giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT của TCPH
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không		
Các lợi ích có liên quan tới TCPH:				
1	Thù lao và lợi ích khác nhận được từ TCPH	Năm 2020	Năm 2021	
	- Tiền thù lao:	120.000.000 đồng	150.000.000 đồng	
	- Cổ phiếu nhận được theo chương trình lựa chọn người lao động:	Không	Không	
2	Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với chính TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:	Không		
Khoản nợ đối với TCPH:		Không		
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của TCPH:		Đã trình bày ở Điểm 2 Mục VI của Bản cáo bạch		

✓ Bà Cao Thị Quế Anh - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty

Họ và tên:	Cao Thị Quế Anh	Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh:	17/04/1966	

CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	025490567 do CA TP.HCM cấp ngày 08/10/2011			
Quốc tịch:	Việt Nam			
Địa chỉ thường trú:	31A Lê Văn Miến, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. HCM			
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư - Đại học Bách khoa Hà Nội			
Quá trình công tác:				
- Từ năm 1991 – 2003:	- Kinh doanh tự do tại Cộng hòa Ba Lan			
- Từ năm 2003 – 2008:	- Kinh doanh tự do tại Thành phố Hồ Chí Minh			
- Từ năm 2008 – nay:	- TGD Công ty Cổ phần Thực Phẩm Xanh			
- Từ năm 2009 – 2012:	- Thành viên Hội đồng đầu tư, Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam			
- Từ 1/2015 – nay:	- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ			
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK:	Thành viên Hội đồng quản trị			
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	TGD Công ty Cổ phần Thực Phẩm Xanh			
Số cổ phần đang nắm giữ tại STK:	425.040 cổ phần, chiếm 0,71% vốn điều lệ			
- Đại diện sở hữu:	425.040 cổ phần, chiếm 0,71% vốn điều lệ			
- Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ			
- Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH:				
STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ	Mối quan hệ
1	Không có			
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không		
Các lợi ích có liên quan tới TCPH:				
1	Thù lao và lợi ích khác nhận được từ TCPH	Năm 2020	Năm 2021	
-	Tiền thù lao:	180.000.000 đồng	225.000.000 đồng	
-	Cổ phiếu nhận được theo chương trình lựa chọn người lao động:	Không	Không	
2	Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với chính TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:	Không		
Khoản nợ đối với TCPH:		Không		

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của TCPH	Không
--	-------

✓ Ông Võ Quang Long - Thành viên HĐQT Quản trị Công ty

Họ và tên:	Võ Quang Long	Giới tính: Nam		
Ngày tháng năm sinh:	28/10/1978			
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	024937902 cấp ngày 02/07/2008 tại CA TP.HCM			
Quốc tịch:	Việt Nam			
Địa chỉ thường trú:	67/34, đường số 7, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP.HCM			
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh			
Quá trình công tác:				
- Từ 2000 - 2006:	- Trưởng phòng Quản lý chi phí Công ty bảo hiểm nhân thọ Dai-ichi Life Việt Nam			
- Từ 2006 - 2009:	- Trưởng phòng Đầu tư Công ty quản lý quỹ ACB			
- Từ 01/2010 - 09/2010:	- Trưởng phòng Đầu tư Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP HCM (HDBank)			
- Từ 10/2010 - 01/2018:	- Phó Giám đốc Khối kinh doanh tiền tệ và đầu tư Ngân hàng TMCP Phương Đông			
- Từ 02/2018 - nay:	- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt			
- Từ 04/2018 - nay:	- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ			
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK:	Thành viên Hội Đồng Quản trị			
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt			
Số cổ phần đang nắm giữ tại STK:	12.083.414 cổ phần, chiếm 20,16% vốn điều lệ			
- Đại diện sở hữu:	12.083.414 cổ phần, chiếm 20,16% vốn điều lệ			
- Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ			
- Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH:				
<i>STT</i>	<i>Tên cá nhân/tổ chức</i>	<i>Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD</i>	<i>Số lượng cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ</i>	<i>Mối quan hệ</i>
1	Không có			
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không			
Các lợi ích có liên quan tới TCPH:				

1	Thù lao và lợi ích khác nhận được từ TCPH	Năm 2020	Năm 2021
	- Tiền thù lao:	120.000.000 đồng	150.000.000 đồng
	- Cổ phiếu nhận được theo chương trình lựa chọn người lao động:	Không	Không
2	Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với chính TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:	Không	
	Khoản nợ đối với TCPH:	Không	
	Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của TCPH:	Không	

✓ Ông Chen Che Jen - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty

Họ và tên:	Chen Che Jen	Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh:	10/12/1964	
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	307302750 cấp ngày 10/06/2013 tại Đài Loan	
Quốc tịch:	Đài Loan	
Địa chỉ thường trú:	3F, No.18, Lane 158, Wunde 2 nd Road, Gueishan Township, Taoyuan Country 333, Taiwan	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Viện Công nghệ Đài Bắc	
Quá trình công tác:		
- Từ 1990 – 1997:	- Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH Formosa Taffeta	
- Từ 1997 – 1999:	- Giám đốc Công ty TNHH Formosa Taffeta Hongkong	
- Từ 2002 – nay:	- Giám đốc Marketing Công ty TNHH Formosa Taffeta Việt Nam	
- Từ 04/2018 – nay:	- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ	
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK:	Thành viên Hội đồng Quản trị	
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Giám đốc Marketing Công ty TNHH Formosa Taffeta Việt Nam	
Số cổ phần đang nắm giữ tại STK:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	

- Cá nhân sở hữu:		0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ		
- Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH:				
STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ	Mối quan hệ
1	Không có			
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không		
Các lợi ích có liên quan tới TCPH:				
1	Thù lao và lợi ích khác nhận được từ TCPH		Năm 2020	Năm 2021
	- Tiền thù lao:		180.000.000 đồng	225.000.000 đồng
	- Cổ phiếu nhận được theo chương trình lựa chọn người lao động:		Không	Không
2	Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với chính TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:		Không	
Khoản nợ đối với TCPH:		Không		
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của TCPH:		Công ty TNHH Formosa Taffeta Việt Nam Hoạt động chính: Sản xuất sợi; sản xuất, gia công các sản phẩm vải, nhuộm vải, sợi Khách hàng mục tiêu: công ty may mặc Địa bàn hoạt động: Việt Nam Mối quan hệ với doanh nghiệp: Giám đốc Marketing Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của STK		

✓ Ông Nguyễn Quốc Hương – Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty

Họ và tên:	Nguyễn Quốc Hương	Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh:	03/11/1971	
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	001071016584 cấp ngày 21/03/2018 tại Cục Cảnh Sát ĐLQL cư trú và DLQG về Dân cư	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú:	Căn hộ 4C118 khu phố The Panorama, Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phong, Quận 7, TPHCM	
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	

Quá trình công tác:				
- Từ 1993 – 1995:		- Nhân viên Ngân hàng Eximbank		
- Từ 1995 – 2002:		- Phó phòng tín dụng Ngân hàng Eximbank		
- Từ 2002 – 2006:		- Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng Eximbank		
- Từ 2006 – 2013:		- Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Eximbank		
- Từ 2013 – 2014:		- Tổng Giám đốc Ngân hàng Eximbank		
- Từ 04/2018 – nay:		- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ		
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK:		Thành viên Hội đồng Quản trị		
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:		Không		
Số cổ phần đang nắm giữ tại STK:		0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ		
- Đại diện sở hữu:		0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ		
- Cá nhân sở hữu:		0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ		
- Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH:				
<i>STT</i>	<i>Tên cá nhân/tổ chức</i>	<i>Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD</i>	<i>Số lượng cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ</i>	<i>Mối quan hệ</i>
1	Không có			
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không		
Các lợi ích có liên quan tới TCPH:				
1	Thù lao và lợi ích khác nhận được từ TCPH	Năm 2020	Năm 2021	
	- Tiền thù lao:	180.000.000 đồng	225.000.000 đồng	
	- Cổ phiếu nhận được theo chương trình lựa chọn người lao động:	Không	Không	
2	Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với chính TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:	Không		
Khoản nợ đối với TCPH:		Không		
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của TCPH:		Không		

3.2. Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
1	Ông Đặng Triệu Hòa	Tổng Giám đốc	1969
2	Bà Nguyễn Phương Chi	Giám đốc Chiến lược	1972
3	Ông Phan Như Bích	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	1970

✓ Ông Đặng Triệu Hòa – Tổng Giám đốc

Đã trình bày ở mục Hội đồng quản trị.

✓ Bà Nguyễn Phương Chi – Giám đốc chiến lược

Họ và tên:	Nguyễn Phương Chi	Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh:	14/09/1972	
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	001172000185, ngày cấp 19/03/2013, nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐLQL cư trú và DLQG về Dân cư	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú:	Căn hộ 12.02, Lô M2, Chung cư 01 Tôn Thất Thuyết, Phường 1, Quận 4, TP.HCM.	
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Tài chính Ứng dụng	
Quá trình công tác:		
- Từ 3/1997-3/2000:	- Trợ lý Luật sư, Công ty Luật Deacons Graham & James, chi nhánh Hà Nội	
- Từ 10/2002-10/2004:	- Chuyên viên Tài chính Cao cấp, Pricewaterhouse Coopers (Vietnam) Ltd	
- Từ 10/2004 – 02/2005:	- Chuyên viên Phát triển Doanh nghiệp, Chương trình Phát Triển Dự án Mê Kông (“MPDF”)	
- Từ 4/2005 – 2/2008:	- Giám Đốc Dự án Cao cấp, Openasia Consulting Ltd	
- Từ 3/2008-12/2014:	- Giám đốc tư vấn đầu tư Công ty cổ phần Quốc tế Trí Tín	
- Từ 1/2015 – nay:	- Giám đốc chiến lược CTCP Sợi Thép Kỹ	
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK:	Giám đốc chiến lược	
Các chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không	
Số cổ phần nắm giữ :	10.000 cổ phần, chiếm 0,014% vốn điều lệ	
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
- Cá nhân sở hữu:	10.000 cổ phần, chiếm 0,014% vốn điều lệ	
- Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TSPH:		

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ	Mối quan hệ
1	Không có			
Hành vi vi phạm pháp luật:			Không	
Các lợi ích có liên quan tới TCPH:				
1	Thù lao và lợi ích khác nhận được từ TCPH		Năm 2020	Năm 2021
	- Tiền lương:		1.473.151.787 đồng	1.549.976.961 đồng
	- Cổ phiếu nhận được theo chương trình lựa chọn người lao động:		Không	Không
2	Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với chính TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:		Không	
Khoản nợ đối với TCPH:			Không	
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của TCPH:			Không	

✓ Ông Phan Như Bích – Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Họ và tên:	Phan Như Bích	Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh:	13/06/1970	
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	026000231 cấp ngày 03/03/2015 tại CA Bình Phước	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú:	69/14/9 đường số 3, khu phố 2, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. HCM	
Trình độ chuyên môn:	Đại học	
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1997 – 2004: - Từ năm 2004 – 2010: - Từ năm 2010 đến nay: 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Kế toán Điện Lực Tỉnh Bình Phước - Kế toán và Kiểm soát Công ty CP ĐT-TM Dệt May Thành Công - Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sợi Thẻ Kỹ 	
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK:	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:		Không		
Số cổ phần nắm giữ:		59.447 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ		
- Đại diện sở hữu:		0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ		
- Cá nhân sở hữu:		59.447 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ		
- Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH:				
STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ	Mối quan hệ
1	Không có			
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không		
Các lợi ích có liên quan tới TCPH:				
1	Thù lao và lợi ích khác nhận được từ TCPH	Năm 2020	Năm 2021	
	- Tiền lương:	924.533.465 đồng	1.003.643.010 đồng	
	- Cổ phiếu nhận được theo chương trình lựa chọn người lao động:	Không	Không	
2	Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với chính TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:	Không		
Khoản nợ đối với TCPH:		Không		
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của TCPH:		Không		

3.3. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
1	Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng Ban kiểm soát	1952
2	Bà Hoàng Nữ Mộng Tuyên	Thành viên Ban kiểm soát	1990
3	Bà Đinh Ngọc Hoa	Thành viên Ban kiểm soát	1979

✓ Ông Nguyễn Tự Lực – Trưởng ban kiểm soát

Họ và tên:	Nguyễn Tự Lực	Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh:	05/01/1952	
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	020064724 cấp ngày 18/07/2002 tại CA TP HCM	
Quốc tịch:	Việt Nam	

Địa chỉ thường trú:	227/28 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.HCM			
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán			
Quá trình công tác				
- Từ năm 1980 – 1984:	- Kế toán trưởng Công ty Khách sạn TP.HCM			
- Từ năm 1984 – 2000:	- Kế toán trưởng Công ty Xuất nhập khẩu Giày dép Nam Á			
- Từ năm 2000 – 2007:	- Kế toán trưởng Công ty CP Sợi Thép Kỹ			
- Từ năm 2007 – nay:	- Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Sợi Thép Kỹ			
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK:	Trưởng Ban kiểm soát			
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không			
Số cổ phần nắm giữ:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ			
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ			
- Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ			
- Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH:				
<i>STT</i>	<i>Tên cá nhân/tổ chức</i>	<i>Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD</i>	<i>Số lượng cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ</i>	<i>Mối quan hệ</i>
1	Không có			
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không			
Các lợi ích có liên quan tới TCPH:				
1	Thù lao và lợi ích khác nhận được từ TCPH	Năm 2020	Năm 2021	
	- Tiền thù lao:	48.000.000 đồng	60.000.000 đồng	
	- Cổ phiếu nhận được theo chương trình lựa chọn người lao động:	Không	Không	
2	Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với chính TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:	Không		
Khoản nợ đối với TCPH:	Không			
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực	Không			

với TCPH hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của TCPH:

✓ Bà Hoàng Nữ Mộng Tuyền – Thành viên Ban kiểm soát:

Họ và tên:	Hoàng Nữ Mộng Tuyền			Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh:	16/05/1990			
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	070190000085 cấp ngày 27/02/2017 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.			
Quốc tịch:	Việt Nam			
Địa chỉ thường trú:	Tổ 4, ấp Trảng Lắm, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP.HCM			
Trình độ chuyên môn:	Đại học			
Quá trình công tác:				
- Từ năm 2012 – nay:	- Trưởng nhóm Sales Admin Công ty Cổ phần Sợi Thể Kỹ			
- Từ tháng 4/2018 – nay:	- Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sợi Thể Kỹ			
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK:	Thành viên BKS Trưởng nhóm Sales Admin			
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không			
Số cổ phần nắm giữ:	1.147 cổ phần, chiếm 0,0016% vốn điều lệ			
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ			
- Cá nhân sở hữu:	1.147 cổ phần, chiếm 0,0016% vốn điều lệ			
- Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH:				
STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ	Mối quan hệ
1	Không có			
Hành vi vi phạm pháp luật			Không	
Các lợi ích có liên quan tới TCPH:				
1	Thù lao và lợi ích khác nhận được từ TCPH	Năm 2020	Năm 2021	
-	Tiền thù lao:	48.000.000 đồng	60.000.000 đồng	
-	Cổ phiếu nhận được theo chương trình lựa chọn người lao động:	Không	Không	
2	Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với chính TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:	Không		

Khoản nợ đối với TCPH:	Không
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của TCPH:	Không

✓ Bà Đinh Ngọc Hoa – Thành viên Ban kiểm soát:

Họ và tên:	Đinh Ngọc Hoa Giới tính: Nữ			
Ngày tháng năm sinh:	15/12/1979			
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	079179002343 cấp ngày 18/10/2016 tại Cục Trưởng Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân Cư			
Quốc tịch:	Việt Nam			
Địa chỉ thường trú:	5/6 tỉnh Lộ 8, Khu Phố 1, Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP. HCM			
Trình độ chuyên môn:	Đại học			
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 2002 – 2004: - Từ năm 2005 – nay: - Từ tháng 4/2018 – nay: 			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên kế toán Công ty TNHH Vĩ Hợp - Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất và Tiêu thụ Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ - Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ 			
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK:	Thành viên BKS Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất và Tiêu thụ			
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không			
Số cổ phần nắm giữ:	5.008 cổ phần, chiếm 0,007% vốn điều lệ			
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ			
- Cá nhân sở hữu:	5.008 cổ phần, chiếm 0,007% vốn điều lệ			
- Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH:				
<i>STT</i>	<i>Tên cá nhân/tổ chức</i>	<i>Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD</i>	<i>Số lượng cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ</i>	<i>Mối quan hệ</i>
1	Không có			
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không		
Các lợi ích có liên quan tới Công ty:		Không		
1	Thù lao và lợi ích khác nhận được từ TCPH	Năm 2020	Năm 2021	
	- Tiền thù lao:	48.000.000 đồng	60.000.000 đồng	

- Cổ phiếu nhận được theo chương trình lựa chọn người lao động:	Không	Không
2 Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với chính TCPH, công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:	Không	
Khoản nợ đối với TCPH:	Không	
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng, nhà cung cấp lớn của TCPH:	Không	

(Phần còn lại của trang này là chỗ ý để trống)

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

- Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:** 13.637.058 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:** 136.370.580.000 đồng
- Giá chào bán dự kiến:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- Phương pháp tính giá**

Nguyên tắc xác định giá chào bán được tính theo giá trung bình (có tính đến trọng số) của 2 phương pháp sau:

- Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu/thu nhập trên mỗi cổ phần (phương pháp so sánh P/E).
- Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu / giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (phương pháp P/B).

6.1. Một số chỉ tiêu cơ bản

a. Số lượng cổ phiếu

Nội dung		Tính đến 31/12/2021
SL cổ phiếu đã phát hành	(1)	70.726.944
Cổ phiếu quỹ	(2)	2.541.650
SL cổ phiếu đang lưu hành	(1)-(2)	68.185.294

b. Một số chỉ tiêu của các doanh nghiệp cùng ngành

STT	Tên doanh nghiệp	Mã CK/Sàn GD	ĐVT	P/E	P/B
1	CTCP May Sông Hồng	MSH/ Hose	lần	12,43	2,85

2	CTCP Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công	TCM/ Hose	lần	15,99	2,68
3	Tổng Công ty Việt Thắng	TVT/ Hose	lần	5,85	1,01
4	CTCP May Mặc Bình Dương	BDG/ Upcom	lần	6,44	1,81
5	CTCP Vải sợi May mặc miền Bắc	TET/ HNX	lần	16,63	1,65
	Bình quân			11,47	2,00

Nguồn: Báo cáo đánh giá ngành Dệt may Quý 2/2021 – VCBS

6.2. Đánh giá theo phương pháp P/E

Phương pháp này dựa trên EPS tại thời điểm kết thúc 31/12/2021 của Công ty cổ phần Sợi Thể Kỹ theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán và hệ số giá trên thu nhập (P/E) bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và đăng ký giao dịch tại UPCOM tại HNX.

Chỉ tiêu	Đến 31/12/2021	Đơn vị tính
Lợi nhuận sau thuế	278.479.651.838	đồng
EPS	4.084,16	đồng

Chỉ tiêu	Số liệu	Đơn vị tính
Thu nhập bình trên 01 cổ phiếu tại ngày 31/12/2021	4.084,16	đồng/cổ phiếu
Bình quân P/E của các công ty cùng ngành	11,47	lần
Giá trị 1 cổ phiếu theo phương pháp P/E	46.837,15	đồng/cổ phiếu

6.3. Đánh giá theo phương pháp P/B

Phương pháp này dựa trên giá trị sổ sách tại thời điểm kết thúc 31/12/2021 của Công ty cổ phần Sợi Thể Kỹ theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán và hệ số giá trị sổ sách (P/B) bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và đăng ký giao dịch tại UPCOM tại HNX.

Chỉ tiêu	31/12/2021	Đơn vị tính
Tổng tài sản	1.971.139.649.226	Đồng
Tổng nợ	712.146.217.980	Đồng
Tài sản vô hình	100.903.332	Đồng
Giá trị sổ sách/1 cổ phiếu (PB)	18.462,82	Đồng

Chỉ tiêu	Số liệu	Đơn vị tính
Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2021 (PB)	18.462,82	đồng/cổ phiếu
Bình quân P/B của các công ty cùng ngành	2,00	lần
Giá STK theo phương pháp P/B	36.925,63	đồng/cổ phiếu

6.4. Kết luận

Phương pháp	Giá cổ phiếu	Tỷ trọng	Đơn vị tính
Giá STK theo phương pháp P/E	46.837,15	50%	đồng/cổ phiếu
Giá STK theo phương pháp P/B	36.925,63	50%	đồng/cổ phiếu
Giá 1 cổ phiếu STK trung bình	41.881,39		đồng/cổ phiếu

Theo kết quả tính toán ở trên, giá cổ phiếu bình quân của Công ty là **41.881,39 đồng/cổ phần**. Tính đến yếu tố thận trọng và pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành thêm, Hội đồng quản trị thông qua giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối

- Số lượng cổ phiếu chào bán: 13.637.058 cổ phiếu.
- Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá): 136.370.580.000 đồng.
- Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu.
- Giá chào bán: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Tỷ lệ thực hiện phân phối: 20% (5:1). Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 05 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm 01 cổ phiếu mới.
- Phương án làm tròn, phương án xử lý phần lẻ cổ phiếu: Số lượng cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do làm tròn xuống sẽ được hủy bỏ.
- Phương án xử lý cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết (nếu có):
 - + Số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không mua hết (nếu có) sẽ được Hội đồng quản trị ưu tiên lựa chọn chào bán cho cổ đông hiện hữu khác có nhu cầu, có đủ tiềm lực tài chính với giá không thấp hơn giá phát hành.
 - + Số lượng cổ phiếu còn lại mà cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua, khi được chào bán cho các nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật.
 - + Việc phân phối cổ phiếu nêu trên phải đảm bảo theo nguyên tắc không phát hành quá 10% vốn điều lệ cho một tổ chức, cá nhân hay một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan của tổ chức, cá nhân đó.
 - + Việc phân phối cổ phiếu nêu trên đây cũng phải đáp ứng được các quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

- Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu:

+ Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu có thể được chuyển nhượng.

+ Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ chuyển nhượng duy nhất 01 (một) lần, Bên nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng quyền mua cho Bên thứ ba.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu: Thời gian đăng ký mua tối thiểu là 20 ngày.

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỉ lệ thực hiện quyền (5:1) và/hoặc số lượng cổ phiếu được mua từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua của cổ đông hiện hữu khác.

- Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: 01 cổ phiếu.

- Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Không quy định.

- Phương thức đăng ký mua và thanh toán: Cổ đông nộp tiền tương ứng với số cổ phần được quyền mua vào tài khoản phong tỏa của Công ty nêu tại điểm 11 mục VII của Bản cáo bạch.

9. Lịch trình mua hoặc được tự do chuyển nhượng

- Thời gian thực hiện phân phối cổ phiếu là 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có hiệu lực.

- Nếu vì các lý do khách quan mà việc phát hành kéo dài hơn 90 ngày, Tổ chức phát hành sẽ đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gia hạn thời gian phân phối nhưng tối đa không qua 30 ngày.

- Lịch trình phân phối cổ phiếu dự kiến như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện dự kiến
1	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	D
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	D + 1 đến D + 3
3	Công bố thông tin về đợt chào bán theo quy định	D đến D + 7
4	Ngày đăng ký cuối cùng được hưởng quyền mua	D + 15
5	Cổ đông hiện hữu chuyển nhượng quyền mua (nếu có)	D + 24 đến D + 35
6	Cổ đông hiện hữu đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu	D + 24 đến D + 40
7	VSD gửi lại danh sách cho TCPH	D + 47
8	HĐQT thực hiện xử lý số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết (nếu có)	D + 50 đến D + 55
9	Báo cáo kết quả phát hành	D + 56 đến D + 62

10	Thực hiện thủ tục nộp hồ sơ đăng ký chứng khoán và đăng ký niêm yết đối với cổ phiếu phát hành thêm	D + 63 đến D + 83
11	Giao dịch cổ phiếu phát hành thêm	D + 90

Ghi chú: D được tính theo ngày làm việc và lịch trình phân phối cụ thể sẽ được thông báo chính thức tại Bản Thông báo chào bán sau khi Tổ chức phát hành được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số cổ phiếu còn lại mà cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua, khi được chào bán cho các nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật.
- Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác trong thời gian và lịch trình được Công ty công bố và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba).

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa của Công ty mở tại ngân hàng theo thông tin chi tiết sau:

- Chủ tài khoản: Công ty cổ phần Sợi Thể Kỹ
- Số tài khoản phong tỏa: 200014851258022
- Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) – Chi nhánh TP.HCM

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Không có.

13. Hủy bỏ đợt chào bán

- Theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng khoán, đợt chào bán bị hủy bỏ trong trường hợp số lượng cổ phiếu được bán cho các nhà đầu tư không đạt 80% tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán ($(80\% \times 13.637.058 = 10.909.647$ cổ phiếu), tương ứng giá trị chào bán thành công tối thiểu của đợt chào bán này là 109.096.470.000 đồng.
- Phương thức thu hồi và hoàn trả tiền trong trường hợp đợt chào bán bị hủy bỏ: Công ty sẽ thực hiện hoàn trả tiền cho nhà đầu tư đã nộp tiền mua cổ phiếu đảm bảo quy định của Luật Chứng khoán. Các bước thực hiện dự kiến như sau:

(1) Công ty sẽ thực hiện báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chào bán không thành công, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sẽ ra quyết định hủy bỏ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị hủy bỏ, Công ty sẽ công bố việc hủy bỏ chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định tại khoản 3 Điều 25 của Luật Chứng khoán.

(2) Phương thức hoàn trả đối với các nhà đầu tư chưa lưu ký chứng khoán:

+ Công ty liên hệ trực tiếp với các nhà đầu tư theo thông tin nhà đầu tư cung cấp khi đăng ký mua với Công ty.

+ Công ty sẽ thực hiện xác nhận bằng văn bản thông tin của nhà đầu tư, sau đó, Công ty sẽ thực hiện chuyển tiền vào tài khoản mà nhà đầu tư chỉ định.

(3) Phương thức hoàn trả đối với các nhà đầu tư đã lưu ký chứng khoán:

+ Công ty sẽ đề nghị VSD hỗ trợ trong việc hoàn trả tiền cho nhà đầu tư. Tùy theo cách thức thỏa thuận của Công ty với VSD và các công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký, Công ty sẽ hoàn trả cho nhà đầu tư toàn bộ số tiền đã mua cổ phiếu.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Điều lệ về Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ không quy định cụ thể về giới hạn sở hữu đối với cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Do đó, giới hạn về tỉ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Căn cứ Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, căn cứ vào tra cứu về ngành nghề, lĩnh vực đầu tư kinh doanh của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia dangkykinhdoanh.gov.vn và tham chiếu danh mục điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài tại dautunuocongnoi.gov.vn thì tỷ lệ sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài áp dụng với Công ty tối đa là 100%.

Căn cứ vào Công văn số 6772/UBCK-PTTT ngày 28/10/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là 100%.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 25/04/2022, Công ty có 114 cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài sở hữu tổng số 8.766.291 cổ phần, chiếm 12,39% vốn điều lệ của Công ty.

15. Các loại thuế có liên quan

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

(Phần còn lại của trang này là cố ý để trống)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình.

16. Thông tin về các cam kết

Căn cứ công văn số 207-21/CV-CTTK ngày 22/10/2021, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sợi Thép Kỹ cam kết về việc thực hiện niêm yết bổ sung đối với số lượng cổ phiếu chào bán ra công chúng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định của pháp luật.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 136.370.580.000 đồng sẽ được Công ty cổ phần Sợi Thép Kỹ sử dụng để tăng vốn điều lệ của công ty con là Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX. Cụ thể, căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04A-2022/NQHĐQT ngày 21/03/2022 của Công ty cổ phần Sợi Thép Kỹ (chủ sở hữu của UNITEX) về việc thông qua phương án tăng vốn điều lệ của UNITEX, UNITEX sẽ thực hiện tăng vốn điều lệ từ 80.000.000.000 đồng lên 216.370.580.000 đồng, tương ứng vốn điều lệ dự kiến tăng thêm 136.370.580.000 đồng.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Nội dung sử dụng vốn	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
Tăng vốn vào công ty con “Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX”	136.370.580.000	Sau khi kết thúc đợt chào bán, dự kiến Quý 3/2022 - Quý 4/2022
Tổng cộng	136.370.580.000	

Trong trường hợp Công ty không phân phối hết cổ phiếu theo dự kiến, Công ty sẽ cân nhắc và sử dụng riêng lẻ một cách tuần tự hoặc đồng thời các giải pháp như sau để bổ sung vốn:

- Sử dụng vốn tự có của Công ty.
- Bổ sung từ vốn vay ngân hàng.
- Tìm kiếm nhà đầu tư khác tham gia góp vốn.
- Các giải pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thông tin về Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX và phương án góp vốn vào Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX

2.1 Thông tin về Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX (UNITEX)

- Tên công ty: Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX (UNITEX)
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
- Địa chỉ: Lô A17.1, đường C1, Khu công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 3901206611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 29/06/2015 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20/10/2017.
- Vốn điều lệ đã đăng ký: 80.000.000.000 đồng (bằng chữ: tám mươi tỷ đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: 80.000.000.000 đồng (bằng chữ: tám mươi tỷ đồng)
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Triệu Hòa
- Chủ sở hữu Công ty: Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ
- Tỷ lệ sở hữu của STK tại UNITEX: 100%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất sợi, sợi nhân tạo; sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác...
- Mọi quan hệ với Tổ chức phát hành và người có liên quan của Tổ chức phát hành:
 - + STK là chủ sở hữu của UNITEX. Tỷ lệ sở hữu của STK tại UNITEX: 100% vốn điều lệ.
 - + Ông Đặng Triệu Hòa – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của STK là Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của UNITEX.

2.2 Phương án tăng vốn điều lệ của UNITEX

- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04A-2022/NQHĐQT ngày 21/03/2022 của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ (chủ sở hữu) thông qua phương án tăng vốn điều lệ, UNITEX sẽ thực hiện tăng vốn điều lệ từ 80.000.000.000 đồng lên 216.370.580.000 đồng.
- Vốn điều lệ trước khi tăng thêm: 80.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 136.370.580.000 đồng
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi tăng vốn: 216.370.580.000 đồng
- Hình thức tăng vốn: Chủ sở hữu công ty (Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ) góp thêm vốn
- Thời gian tăng vốn: Dự kiến Quý 3 – Quý 4/2022
- Phương án sử dụng vốn tăng thêm của UNITEX: Toàn bộ vốn điều lệ tăng thêm của UNITEX được sử dụng để thực hiện triển khai Giai đoạn 1 của Dự án Nhà máy sản xuất sợi tổng hợp Unitex và Nhà máy sản xuất vải thành phẩm UNITEX tại Khu công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, cụ thể:

Nội dung sử dụng vốn	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
Chi phí xây dựng nhà máy Giai đoạn 1, cụ thể: - Thanh toán chi phí thi công kết cấu nhà xưởng chính	136.370.580.000	Theo tiến độ xây dựng, dự kiến Quý 3-Quý 4/2022
Tổng	136.370.580.000	

2.3 Phương án góp vốn của STK

- Cơ sở pháp lý thực hiện góp vốn vào UNITEX:
 - + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06-2021/NQ-ĐHĐCĐ/TK ngày 29/12/2021 của Công ty Cổ phần Sợi Thể Kỹ.
 - + Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04A-2022/NQHĐQT ngày 21/03/2022 của Công ty Cổ phần Sợi Thể Kỹ thông qua phương án tăng vốn điều lệ của UNITEX.
- Nguồn góp vốn vào UNITEX: STK sẽ sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán này là 136.370.580.000 đồng để góp vốn vào UNITEX.
- Thời gian góp vốn: Sau khi Công ty Cổ phần Sợi Thể Kỹ kết thúc đợt chào bán và theo tiến độ sử dụng vốn thực tế của UNITEX, dự kiến Quý 3 – Quý 4/2022.
- Tỷ lệ sở hữu của STK tại UNITEX trước khi tăng vốn: 100% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu của STK tại UNITEX sau khi tăng vốn: 100% vốn điều lệ.

2.4 Thông tin về Dự án Nhà máy sản xuất sợi tổng hợp UNITEX và Nhà máy sản xuất vải thành phẩm UNITEX Giai đoạn 1

a. Sự cần thiết về việc triển khai đầu tư Nhà máy mới

Đứng trước xu hướng chuyển dịch của các xưởng dệt may từ các nước về Việt Nam như một hệ quả của chiến tranh thương mại Mỹ Trung, và sự thay đổi trong cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu, Việt Nam lại tận dụng được lợi thế về các nguồn nguyên liệu, vì vậy chiến lược của STK là mở rộng mạng lưới khách hàng cung cấp trong nước và xuất khẩu cho các thương hiệu, nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần trong nước. Yếu tố quan trọng nhất trong lợi thế cạnh tranh là năng lực và công suất sản xuất. Tổng công suất sợi DTY và FDY của STK là 63.000 tấn/năm. Để thích ứng với tình hình dịch chuyển chuỗi cung ứng, STK phải đi trước đón đầu xu hướng bằng việc chuẩn bị sẵn những cơ sở về công suất để sẵn sàng đáp ứng được số lượng đơn hàng dự kiến sẽ tăng với tốc độ rất nhanh trong các năm tới. Thông qua Dự án đầu tư nhà máy mới của công ty con UNITEX tại Trảng Bàng, STK sẽ nâng tổng công suất sợi thêm 60.000 tấn/năm (trong đó, Giai đoạn 1: 36.000 tấn/năm, Giai đoạn 2: 24.000 tấn/năm).

b. Thông tin về Dự án

- Tên Dự án: Nhà máy sản xuất sợi tổng hợp Unitex và Nhà máy sản xuất vải thành phẩm UNITEX
- Địa điểm thực hiện Dự án: Lô A17.1 đường C1, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh
- Hồ sơ pháp lý của Dự án:
 - + Giấy chứng nhận đầu tư số 2191415344 do Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Tây Ninh cấp chứng nhận lần đầu ngày 29/06/2015, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 15/12/2021.
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 30/03/2018 (diện tích 100.183,13 m² tại địa chỉ Khu công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh).
- Theo Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 2191415344 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 29/06/2015, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 15/12/2021, **Dự án Nhà máy sản xuất sợi tổng hợp UNITEX và Nhà máy sản xuất vải thành phẩm UNITEX** có Nhà đầu tư và Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư cụ thể như sau:
 - + Nhà đầu tư: Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ.
 - + Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX.
 - + Tổng vốn đầu tư của dự án: 3.379.530.000.000 VNĐ, trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 80.000.000.000 VNĐ. Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ (nhà đầu tư) đã thực hiện góp đủ 100% số vốn góp bằng tiền mặt.
 - + Tiến độ xây dựng cơ bản: từ Quý 4/2021 đến Quý 3/2023.
 - + Tiến độ hoàn thành dự án đưa vào hoạt động: Quý 3/2023.
- Theo Điều 3 tại Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 2191415344 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp, quy định trách nhiệm đối với Tổ chức kinh tế thực hiện Dự án như sau:
 - + Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX có trách nhiệm:
 1. Thực hiện báo cáo tình hình hoạt động dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.
 2. Triển khai thực hiện dự án theo nội dung được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; tuân thủ các quy định pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, môi trường, xây dựng, an toàn hoá chất, lao động và pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện dự án.
- Thời gian hoạt động của Dự án: Đến ngày 26/12/2058
- Tổng diện tích đất của Dự án: 100.183,13m²
- Tổng công suất của Dự án: 60.000 tấn/năm

- + Giai đoạn 1: 36.000 tấn/năm
- + Giai đoạn 2: 24.000 tấn/năm
- Thời gian thực hiện của Dự án:
 - + Giai đoạn 1: 2021 – 2023
 - + Giai đoạn 2: 2023 - 2025
- Sản phẩm của Dự án: Sợi tái chế (Recycle), các loại sợi đặc biệt có giá trị gia tăng cao
- Tổng mức đầu tư của Dự án (2 giai đoạn): 120 triệu USD
- Tổng mức đầu tư Giai đoạn 1 dự kiến: 75 triệu USD, tương đương 1.732,5 tỷ đồng

Số TT	Hạng mục	Số tiền (tỷ đồng)
1	Chi phí xây dựng	492 tỷ
1.1	- Chi phí tư vấn thiết kế	7 tỷ
1.2	- Chi phí xây dựng nhà xưởng và hạ tầng kỹ thuật	485 tỷ
2	Chi phí mua sắm máy móc, thiết bị và hệ thống phụ trợ, gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Máy sản xuất sợi POY 16 line x 6 đoạn x 12 cọc - 16 máy sản xuất sợi DTY 384 cọc - Hệ thống xuống giàn tự động POY - Hệ thống xuống giàn tự động DTY - Hệ thống điều không, máy nén khí, hệ thống điện... 	1.240,5 tỷ
	Tổng cộng	1.732,5 tỷ

- Cơ cấu vốn:
 - + Vốn chủ sở hữu: 30%
 - + Vốn vay: 70%
- Hiệu quả của Dự án (gồm 2 giai đoạn):
 - + Giá trị hiện tại ròng (NPV): 1.471 tỷ đồng
 - + Tỷ lệ hoàn vốn nội bộ (IRR): 17,4%
- Tình hình triển khai Giai đoạn 1 đến thời điểm hiện tại:
 - + Các hạng mục đã hoàn thành:
 - i. Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính tiền thuê đất thực hiện Dự án đến ngày 26/12/2058.
 - ii. Đã ký hợp đồng mua hệ thống máy móc thiết bị chính với tổng giá trị hợp đồng: 46 triệu USD (thanh toán làm nhiều đợt).



- + Các hạng mục đang thực hiện: Công ty đang thực hiện các thủ tục xin giấy phép phòng cháy chữa cháy, xin giấy phép xây dựng và lựa chọn các nhà cung ứng cho các hạng mục xây dựng.
- + Các hạng mục dự kiến triển khai:
 - i. Thời gian xây dựng: Quý 2/2022 – Quý 1/2023
 - ii. Thời gian nhận máy, lắp đặt thiết bị: Quý 4/2022 – Quý 1/2023
 - iii. Thời gian thời gian chạy thử máy móc thiết bị và hệ thống phụ trợ đi cùng: Quý 1/2023 – Quý 2/2023
 - iv. Thời gian khai thác thương mại: Quý 3/2023.

(Phần còn lại của trang là cố ý để trống)

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 2 Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 3824 5252 **Fax:** (028) 3824 5250

Website: www.ey.com

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Địa chỉ: 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 35.472.972 **Fax:** (84-28) 35.472.970

Website: <https://www.a-c.com.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, 21 Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3726 2601 **Fax:** +84 24 3726 2601

Website: <https://mbs.com.vn/>

2. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Công ty cổ phần Chứng khoán MB (MBS) với vai trò là tổ chức tư vấn phát hành đã tiến hành thu thập thông tin do Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ cung cấp để đưa ra các đánh giá khách quan về đợt chào bán.

Với đợt chào bán lần này, Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ dự kiến chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 5:1, với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. Mức giá chào bán này được đánh giá là thấp so với giá trị trường của cổ phiếu STK. Toàn bộ số tiền thu từ đợt chào bán được sử dụng để góp vốn vào công ty con (UNITEX) để thực hiện đầu tư vào giai đoạn 1 nhà máy sản xuất sợi tại Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, với công suất giai đoạn 1 dự kiến là 36.000 tấn/năm. Sau khi nhà máy mới này đi vào hoạt động (dự kiến khai thác thương mại từ Quý 3/2023), STK sẽ nâng công suất thêm 57% so với tổng công suất hiện tại (63.000 tấn/năm).

Căn cứ các thông tin do STK cung cấp về các mục tiêu doanh thu, lợi nhuận, kết hợp với việc đánh giá, phân tích về triển vọng ngành trên thế giới, triển vọng và lợi thế cạnh tranh của Công ty đối với thị trường trong nước, tổ chức tư vấn cho rằng đợt chào bán lần này của Công ty có khả năng thành công.

Chúng tôi xin lưu ý rằng các ý kiến đánh giá, nhận xét của tổ chức tư vấn là các ý kiến khách quan của một tổ chức tư vấn độc lập, không hàm ý việc đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các dự báo được đưa ra trong Bản cáo bạch này. Các đánh giá của tổ chức tư vấn chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi ra quyết định đầu tư.

Nhà đầu tư nên nghiên cứu và tìm hiểu kỹ các thông tin có trong Bản cáo bạch này, cùng với các thông tin về Công ty được đính kèm, cũng như tham khảo thêm các thông tin liên quan đến ngành, đến Công ty trên các kênh thông tin đáng tin cậy. Bên cạnh đó, nhà đầu tư có thể tham khảo ý kiến của các nhà tư vấn thuế, pháp lý, hoặc kinh doanh để có quyết định đầu tư đúng đắn.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

(Phần còn lại của trang là cố ý để trống)



XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC hoặc GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH hoặc KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN

TPHCM, ngày 21 tháng 06 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỸ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐẶNG MỸ LINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



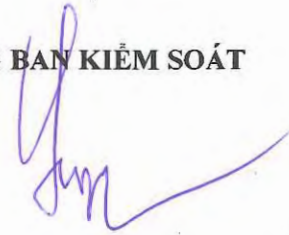
ĐẶNG TRIỆU HÒA

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHAN NHƯ BÍCH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN TỰ LỰC

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB



LÊ THÀNH NAM

XIII. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 số 03-2021/NQ-ĐHĐCĐ/TK ngày 22/04/2021, Nghị quyết Đại hội cổ đông số 06-2021/NQ-ĐHĐCĐ/TK ngày 29/12/2021; Nghị quyết HĐQT số 01A-2022/NQHĐQT ngày 21/01/2022, Nghị quyết HĐQT số 01C-2022/NQHĐQT ngày 21/01/2022, Nghị quyết HĐQT số 04A-2022/NQHĐQT ngày 21/03/2022; Nghị quyết HĐQT số 09-2022/NQHĐQT ngày 20/05/2022.
3. Điều lệ công ty
4. Báo cáo tài chính năm riêng và hợp nhất năm 2020, năm 2021 đã kiểm toán. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý 1 năm 2022.
5. Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán năm 2019 số 1.0104/22/TC-AC ngày 07/01/2022 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
6. Tài liệu pháp lý Dự án Nhà máy sản xuất sợi tổng hợp UNITEX và Nhà máy sản xuất vải thành phẩm UNITEX.